



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 548-4148 / (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com
Website: chanhphap.us | chanhphap.org | chanhphap.net

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Trị sự: **ĐD. Thích Huệ Cảnh**
Thư ký: **ĐD. Thích Đồng Thiện**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**
Chủ bút: **Vĩnh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**
Hình bìa: **PixxelTeufel (Pixabay.com)**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo/Phát hành:
(714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đứng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email: baivochanhphap@gmail.com

Trân trọng cảm ơn.

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:
CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ◆ THƯ TÒA SOẠN, trang 2
- ◆ TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- ◆ THÁNG SÁU EM VỀ HẠ CHỨA CHAN (thơ Tiểu Lục Thân Phong), trang 7
- ◆ CÙNG DƯƠNG CHÁNH PHÁP (Sa môn Thích Tin Nghĩa), trang 8
- ◆ NỘI DUNG KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA, t.t. (HT. Thích Thắng Hoan), trang 9
- ◆ NĂNG LỰC CỦA NGÃ (Thích Viên Thành), trang 10
- ◆ SƠN ĐẠO (thơ Hồ Thanh Nhã), trang 11
- ◆ PHÁP AN CƯ CỦA TĂNG (Thích Thái Hòa), trang 12
- ◆ MƠ CÔI LƯU LY, GIÁC NGỦ TRIỀN ĐÒI (thơ Tâm Tấn), trang 15
- ◆ NHỚ THẦY NHÂN MÙA PHẬT ĐẢN SINH (thơ Tâm Thường Định), trang 16
- ◆ TÂM THƯ VẬN ĐỘNG MUA CƠ SỞ MỚI LÀM CHÙA BÁT NHÃ (HT. Thích Nguyên Trí) 17
- ◆ THÔNG BÁO TỔ CHỨC AN CƯ KIẾT HẠ 2018 (HT. Thích Nguyên Trí), trang 19
- ◆ TÒA SÁNG TỬ BÙN (TN. Diệu Phúc), trang 20
- ◆ CHÂN THẬT MÀU GÌ (thơ Nguyệt Thảo), trang 21
- ◆ CỘNG NGHIỆP CÙNG HỘI CÙNG THUYỀN (Quảng Tánh), trang 22
- ◆ GIỮA CON ĐƯỜNG VỚI VẾT TRÂM (thơ Du Tâm Lăng Từ), trang 23
- ◆ ĐAI LỄ PHẬT ĐẢN TẠI NAM CALI THÀNH TỰU VIÊN MÃN (Huỳnh Kim Quang), trang 24
- ◆ NHÀ TIỀN TRI VIẾNG THẨM (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 29
- ◆ ĐỪNG BAO GIỜ EM HỎI (Toại Khanh), trang 30
- ◆ NĂM NGƯỜI MÙ RỜ VOI – Câu chuyện dưới cờ (Thị Nguyên Nguyễn Đình Khôi), trang 32
- ◆ TÀN MẠN VỀ BÓN NGHỆ THUẬT SỐNG – Phật Pháp Thứ Năm (Nhóm Áo Lam), trang 33
- ◆ RANG NGỜI THIÊN THU... (thơ Chúc Hiền), trang 34
- ◆ THIÊN LÂM TẾ VÀ PHẬT GIÁO ĐÀNG TRONG, t.t. (Nguyễn Lang), trang 35
- ◆ CÒN NGẮN LỆ SỬ (thơ Mặc Phương Tử), trang 37
- ◆ ĐỌC THƠ LÝ THỪA NGHIỆP (Nguyễn Giác), trang 38
- ◆ LÀ KHÁCH LA NGAY TRÊN QUÊ HƯƠNG MINH (Huệ Trần), trang 40
- ◆ THÔNG BẠCH VÀ PHIẾU GHI DANH THAM DỰ KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN 8 TẠI HAWAII (HT. Thích Thông Hải), trang 44 – 46
- ◆ PHÁP ÁN (Thích Nguyên Hùng), tr. 47
- ◆ VÔ NGÀN, NẤY NỖ, LÒ CỎ CƠM MỘNG (thơ Phù Du), trang 53
- ◆ NGƯỜI ĐÔI CHÓ (Nguyễn Văn Sâm), trang 54
- ◆ NẤU CHAY: ĐẬU HŨ RÁN NHỒI CÀ CHUA (Chu Ngọc Anh), trang 57
- ◆ KHI CON CHIM THỜI HÓT (thơ Đào Văn Bình / Nguyễn Giác), trang 58
- ◆ CHÁNH NGŨ (Bình Anson), trang 60
- ◆ TRUYỀN NGẮN TRÂM LINH TÂM CHỦ (Steven N.), trang 62
- ◆ ANH EM NHÀ HỌ ĐIỀN (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 63
- ◆ HÌNH ẢNH ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PL. 2562 TẠI NAM CALIFORNIA (Nguyễn Thanh Huy), trang 64
- ◆ GIA ĐÌNH ĐA TÔN GIÁO (Thích Quảng An), trang 66
- ◆ NHỮNG BỆNH TRONG TƯƠNG LAI (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 70
- ◆ BAY TRÊN ĐÔI CÁNH SÁP (thơ Trần Thiên Thị), trang 71
- ◆ STORY OF SOME BHIKKHU HATTHAKA (Daw Mya Tin), trang 72
- ◆ PHẬT DẠY VUA THẮNG QUANG LÀM CHÍNH TRỊ (Truyện cổ Phật giáo), trang 73
- ◆ HOA ƯU ĐÀM ĐÃ NỞ (thơ: TN Giới Hương; nhạc: Nam Hưng), trang 74
- ◆ CHUYỆN TÂM TRƯNG (Chú Chín Cali), trang 75
- ◆ TÔI YÊU, TRỞ VỀ QUÊ (thơ Diệu Viên), trang 76
- ◆ BỤI ĐƯỜNG – chương 6, t.t. (Vĩnh Hào), trang 77



Báo Chánh Pháp số 79, tháng 06 năm 2018, do ĐLHT. Thích Thắng Hoan (CA) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Kính nguyện Đại Lão Hòa Thượng, pháp thể khinh an, chúng sinh dị độ; chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa soạn

KÝ ỨC MỘT NGÀY NHÀN

Trời mù mù. Gió lạnh lạnh. Mây đen vần vũ nửa bầu trời phương đông. Đàn chim sẻ đã về lại trên cây sồi của nhà hàng xóm, riu rít. Hương bạch đàn thỉnh thoảng quyện theo gió, mang về đây ký ức một thời tuổi trẻ trên vùng đất căn cỗi quê hương...

Hương đồng nội ngan ngát mùi rơm rạ và mùi nắng khét lẹt giữa trưa hè đứng bóng. Ruộng nhà ai bông lúa trĩu hạt, đong đưa những cành vàng trước gió. Vài con cò trắng lêu nghêu bước qua thửa ruộng đã gặt mấy ngày trước, sục tìm cá tôm sót lại trong vũng sinh lớp nhớp. Cây trà khô, trơ trụi, vươn lên từ bờ ruộng, như một vị thần cô độc gàn bướng, thách thức phong vũ bốn mùa. Tiếng chim quốc kêu đầu đố trong những lùm bụi, nghe khắc khoải một nỗi gì thể lương, tế tái. Túp lều tranh, hai cửa sổ đan bằng nan tre mở ra hai hướng đông tây lộng gió. Người tuổi trẻ, sáng vác cuốc ra đồng; chiều khép cửa đọc sách; tối mài chích xung thiên dưới ánh đèn dầu lay lắt... Có khi trăng rạng một trời, cùng băng hữu ôm đàn ca vang lời sông núi. Có khi giông bão ì ầm, một mình khóc tràn nỗi thương dân. Lên đường, hiên ngang bầu nhiệt huyết. Đôi bàn tay không, một gói bút thếp. Ngang dọc đất trời chí nam nhi.

Rồi một sáng, xe cộ vào ra như mắc cửi. Loa phóng thanh rộn ràng, inh ỏi, gọi kêu. Những người cầm súng lăm le đi bắt những người tay không. Bá tánh xôn xao đi lễ đầu năm; hỏi thăm ai còn ai vắng. Chua quê vẫn an hòa điểm tiếng chuông ngân. Rừng tràm xào xạc khua hương theo gió xuân. Và ruộng đồng chung quanh, vẫn ngát xanh màu

mạ mới. Nơi thảo lư châm trà độc ẩm. Chờ đợi người trói người.

Rồi một năm, hai năm, ba năm, khi người tù trở về thôn xóm cũ, cây trà đã bị đốn hạ, thảo am đã sụp đổ và đất ruộng bị chiếm dụng ngang nhiên bởi chủ mới. Dưới trăng, người trẻ tuổi một mình, trầm ngâm chuyện nước non. Trời kia rách nát, vẫn chưa người vá. Người xưa cảnh cũ hư hao. Đi qua một vùng biển dâu, mắt trắng. Ngâm ngủi giấc tang bồng tan theo sương mai.

Rồi mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm, những người năm cũ chia tay nhau, không lời. Có những mùa trăng đi qua vùng đất mới, ánh vàng không soi thấu hồn xưa. Có những đêm khuya tĩnh mịch, nhìn ra cửa sổ, thấy ánh đèn đường nhẵn nại dọi lối đi; và cây bạch đàn siêng năng khua cành theo gió. Đêm thanh lặng tưởng chừng làm bùng cả thính giác. Bỗng nhớ tiếng chim quốc thể thiết gọi hè về. Nao lòng ai một thuở. Tấc dạ quê hương ngỡ chỉ còn là hoài niệm, mờ hồ ẩn hiện trong những giấc mơ yên bình...

Sáng sớm một ngày vào hè, hương bạch đàn quyện theo gió. Người tuổi trẻ năm nao, nay là ông lão bạc phơ râu tóc, lúi húi đem thức ăn, nước uống cho bầy chim sẻ đang líu lo trên cây sồi của nhà người hàng xóm. Bình trà ban mai đã cạn. Tách cà phê nóng uống từ từ khi nắng lên cao. Một mình ngồi nhìn mây trắng bay. Ngày rằm sắp đến. Trời rạng một màu trắng, mà mắt mờ có thấy trăng đầu. Lui hui lau mắt kiếng trong đêm. Nhớ nước non xa vời.



Pixel2013 (pixabay.com)

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

ZIMBABWE : Hội Phật giáo Từ Tế hỗ trợ 300 gia đình ở huyện Chikomba

Zimbabwe, nam châu Phi – Vào cuối tuần trước, hơn 300 gia đình ở huyện Trung Chikomba (tỉnh Đông Mashonalan) đã nhận áo quần, thuốc tẩy và đồ dùng học sinh từ Hội Phật giáo Từ Tế có trụ sở tại Đài Loan.

Hội cũng tặng 14 giường và 30 chăn mền cho phòng khám và một số người cao tuổi trong cộng đồng.

Hơn 100 trẻ đi học mỗi em được nhận một túi xách và nhiều đồ dùng học tập.

Các tình nguyện viên Từ Tế cũng hướng dẫn liệu pháp xoa bóp cho những người đang mắc các bệnh khác nhau.

Benamin Chikerema, người lãnh đạo cộng đồng, đã bày tỏ lòng biết ơn đối với việc hỗ trợ này, nói rằng đây là một sự giúp đỡ cho người dân khu Trung Chikomba vốn phải đối mặt với những thách thức khác nhau – bao gồm đường xấu, thiếu điện và các cơ sở truyền thông, và điều kiện sống nghèo nàn.

(theworldnews.net – April 16, 2018)



Biểu trưng của Hội Phật giáo Từ Tế—Photo: Google

ẤN ĐỘ: Đức Đạt lai Lạt ma thúc giục Ấn Độ hủy bỏ hệ thống giai cấp

Trong một cuộc họp với các vị khách quốc tế vào ngày 16-

4-2018, Đức Đạt lai Lạt ma đã chỉ trích hệ thống đẳng cấp của Ấn Độ vì đã tạo ra sự phân chia. Ngài nhấn mạnh sự bất bình đẳng, nói rằng “đã đến lúc để từ bỏ khái niệm cũ này”, và nói thêm: “Đã đến lúc để nhìn nhận rằng hiến pháp Ấn Độ cho mọi công dân quyền bình đẳng, vì vậy không có chỗ cho sự phân biệt đối xử trên cơ sở của giai cấp – chúng ta đều là anh chị em”.

Tại cuộc họp đặc biệt do Văn phòng Đức Đạt lai Lạt ma tổ chức nói trên, 500 du khách đến từ 68 quốc gia đã có cơ hội tham gia đối thoại với nhà lãnh đạo tinh thần Tây Tạng 82 tuổi này.

Hệ thống giai cấp của Ấn Độ được cho là đã có từ 3,000 năm. Hệ thống này hiện đang ở ngoài vòng pháp luật theo hiến pháp Ấn Độ, nhưng nó vẫn còn phổ biến về mặt văn hóa trên khắp đất nước.

(Buddhistdoor Global – April 17, 2018)



Đức Đạt lai Lạt ma tiếp khách quốc tế vào ngày 16-4-2018
Photos: Tenzin Choejor

TÍCH LAN: Khai mạc Lễ hội Vesak “Buddha Rashmi” vào ngày 29-4-2018

Lễ hội Vesak Quốc gia “Buddha Rashmi” bao gồm xá lợi của Đức Phật và đồ tạo tác Phật giáo cổ đại sẽ khai mạc tại khu Temple Trees vào ngày 29-4-2018.

Được tổ chức bởi Chính phủ kết hợp với Chùa Hunupitiya Ganagaram, cuộc triển lãm Di tích Linh thiêng này bao gồm các đồ tạo tác cổ đại từ Khu vực Saranath (Ấn Độ), Thakshila (Pakistan) cũng như các hiện vật từ Nepal và Bhutan, cộng với các hiện vật được tìm thấy tại các điểm khảo cổ học Sigiriya (Tích Lan). Triển lãm sẽ tiếp tục diễn ra vào các ngày 30-4, 1-5 và 2-5-2018.

Theo các nhà tổ chức, từ ngày 4 đến 15-5, cuộc triển lãm di tích sau đó sẽ tiếp tục được tổ chức tại 6 ngôi chùa khác nhau ở các quận Kalutara, Galle, Matara, Kurunegala, Anuradhapura và Kandy.
(NEWS.LK – April 17, 2018)

BHUTAN: Trung tâm Đào tạo mới dành cho chư ni của Ni Hội Bhutan

Ni Hội Bhutan (BNF) đã công bố rằng dự án Trung tâm Đào tạo & Giải trí dành cho nữ tu sĩ Phật giáo đang được xây dựng tại thủ đô Thimphu sẽ sớm nhận sự nhập tịch đầu tiên của chư ni, với 4 ni cô đến cư trú vào tháng Năm.

Tiến sĩ Tashi Zangmo, Giám đốc Điều hành của BNF nói, “Bốn ni cô đầu tiên này sẽ hoàn thành bước thực tập sơ bộ trước khi đến cư trú vào tháng tới. Từ đó họ sẽ giúp BNF điều hành các khóa tu ngắn và tổ chức việc đào tạo cho các ni cô khác”.

Dưới sự bảo trợ của Hoàng Thái hậu, Ashi Tshering Yangdon, tổ chức phi lợi nhuận



Tiến sĩ Tashi Zangmo, Giám đốc Điều hành của BNF (đứng giữa, bên trái) và Hoàng Thái hậu Tshering Yangdon (đứng giữa, bên phải), cùng với các ni cô Bhutan
Photo: bhutannuns.org

BNF hoạt động để tăng cường sự tiếp cận giáo dục cơ bản và giáo dục đại học, và để cải thiện sinh kế hàng ngày của các nữ tu sĩ Phật giáo trong Vương quốc Bhutan. BNF hướng đến mục đích trao quyền và giáo dục cho nữ giới Bhutan, cải thiện điều kiện sống và sức sống kinh tế của các làng mạc nông thôn, và từ đó giúp gìn giữ nền văn hóa phong phú của đất nước trong bối cảnh của sự phát triển nhanh chóng về kinh tế.

(Buddhistdoor Global - April 18, 2018)



Trung tâm Đào tạo & Giải trí dành cho nữ tu sĩ Phật giáo của BNF đang được xây dựng, dự kiến sẽ hoàn thành vào năm 2020

Photos: Craig Lewis

HÀN QUỐC: Tổng thống tham dự lễ cầu nguyện vì hòa bình và thống nhất liên-Triều

Trước hội nghị thượng đỉnh liên-Triều dự kiến vào ngày 29-4-2018, các tổ chức Phật giáo Hàn Quốc đang cùng cầu nguyện cho hòa bình, ổn định và thống nhất trên bán đảo Triều Tiên.

Vào ngày 17-4, bốn Phật phái lớn của Hàn Quốc đã tổ chức một lễ cầu nguyện, với sự tham dự của 900 người - bao gồm các vị lãnh đạo tôn giáo và chính trị, đặc biệt là Tổng thống Hàn Quốc Moon Jae-in.

Trong buổi lễ, Tổng thống Moon và phu nhân cùng Hòa thượng Seoljeong, trưởng Tông phái Tào Khê, đã dâng liên hoa dâng cúng Phật. Tổng thống nhấn mạnh rằng để chuẩn bị cho hội nghị thượng đỉnh, ông đã tham khảo giáo lý Phật giáo nhằm tìm được sự khôn ngoan của nền hòa bình bền vững, và đã suy nghĩ sâu sắc về truyền thống Phật giáo về sự tôn trọng lẫn nhau, hiểu biết và hòa hợp để vượt qua những khác biệt.

Theo Tổng thống Moon, mục tiêu của hội nghị thượng đỉnh là "để hạ bức tường giữa Nam và Bắc và xây dựng một con đường để cùng tồn tại và phát triển chung; các gia đình ly tán phải được phép đoàn tụ, chào hỏi nhau và tự do thăm viếng nhau".

(Buddhistdoor Global - April 19, 2018)

Tổng thống Hàn Quốc Moon Jae-in và phu nhân trong lễ cầu nguyện vì hòa bình và thống nhất liên-Triều

Photos: Yonhap



ẤN ĐỘ: Lễ hội Shoton thêm hương vị cho mùa du lịch tại Dharamsala

Dharamsala, Ấn Độ - Du khách của điểm đến Dharamsala trên đồi này đã được hưởng hương vị lễ hội Shoton (yogurt/ sữa chua) thanh nhả của văn hóa Tây Tạng. Lễ hội bắt đầu vào ngày 20-4-2018, bao gồm những buổi trình diễn ca múa truyền thống Tây Tạng và những bài hát như một phần của Ache Lhamo (nhạc kịch Tây Tạng) trích từ những câu chuyện Phật giáo và lịch sử Tây Tạng.

Năm nay là năm thứ 23 của lễ hội sữa chua, vốn được Viện Trình diễn Nghệ thuật Tây Tạng (TIPA) ở gần Mcleodganj, ngoại ô Dharamsala, phục hồi.

Tiến sĩ Lobsang Sangay, Thủ tướng chính phủ lưu vong Tây Tạng cho biết, "Ở Tây Tạng, tu sĩ của tu viện Drepung kết thúc thiền định mùa hè hàng năm bằng việc ăn sữa chua. Người dân từ các thị trấn lân cận đến tu viện vào thời điểm này để cúng dường sữa chua và cầu chúc tăng ban phước. Các đoàn nhạc kịch cũng đến trình diễn tại lễ hội này và do đó nó trở thành Shoton - lễ hội sữa chua."



Trong lễ hội năm nay, có 11 đoàn nghệ thuật từ các vùng khác nhau của Ấn Độ và một đoàn từ Nepal tham gia trình diễn.
(NewsNow - April 22, 2018)



Sữa chua Tây Tạng vào dịp lễ hội Shoton—Photo: Google

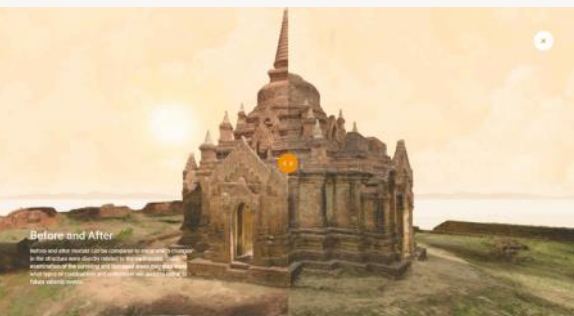
HOA KỲ: Google bảo tồn các di tích Phật giáo cổ xưa bằng kỹ thuật số trong thực tế ảo

Google đã cộng tác với CyArk, một tổ chức phi lợi nhuận có trụ sở tại California, để bảo tồn các địa điểm di sản trong các thư viện 3D.

Dự án Di sản Mở rộng của họ đã đăng các mô hình 3D của 26 vị trí di sản tại 18 quốc gia, bao gồm các tự viện Phật giáo cổ ở Bagan (Miến Điện) và 3 ngôi chùa ở Ayutthaya (Thái Lan).

CyArk được thành lập bởi Ben Kacyra, một kỹ sư người Iraq đang sống tại California, sau khi ông biết tin Taliban phá hủy các tượng Đại Phật Bamiyan 1,500 năm tuổi của Afghanistan vào năm 2001.

Vào năm 2016, sau khi các kỹ thuật viên của CyArk lập bản đồ chùa chiền ở thành phố Bagan, nơi có 2,000 di tích Phật giáo, thì thành phố này bị một trận động đất gây thiệt hại nặng.



Mô hình 3D một ngôi chùa ở Bagan - trước và sau trận động đất - của CyArk
Photo: Lion's Roar

Hiện nay hồ sơ kỹ thuật số của CyArk đang được tham khảo trong công việc tái thiết tại Bagan, và Dự án Di sản Mở rộng cung cấp một tour du lịch thực tế ảo các chùa chiền nói trên.

(Lion's Roar - April 24, 2018)

MÔNG CỔ: Bộ trưởng Ngoại giao Ấn Độ viếng Tu viện Phật giáo Gandan Tegchenling

Ulaanbaatar, Mông Cổ - Ngày 25-4-2018, trong chuyến thăm 2 ngày của mình, nữ Bộ trưởng Ngoại giao Ấn Độ Sushma Swaraj đã hội kiến người đồng cấp Mông Cổ Damdin Tsogtbaatar trước vòng 6 của cuộc họp Ủy ban Tư vấn chung Ấn Độ-Mông Cổ.

Swaraj là bộ trưởng ngoại giao Ấn Độ đầu tiên đến thăm Phật quốc Mông Cổ trong 42 năm.

Trước đó, bà Swaraj đã viếng Tu viện Gandan Tegchenling, nơi bà được chào đón bởi Hambo Lama D.Choijamts, sư trụ trì chính của Phật giáo Mông Cổ.

Raveesh Kumar, phật ngôn viên Bộ Ngoại giao Ấn Độ phát biểu, "Tu viện Gandan Tegchenling được biết đến như là trung tâm của Phật giáo Mông Cổ và là một ngôi nhà bảo vật của một di sản, kiến trúc và các nghi thức độc đáo quý giá của Phật giáo".
(ANI - April 25, 2018)



Bộ trưởng Ngoại giao Ấn Độ Sushma Swaraj viếng Tu viện Gandan Tegchenling (Mông Cổ)—Photo: ANI

TÍCH LAN: Tem bưu chính mới để đánh dấu lễ hội Vesak

Để đánh dấu Lễ hội Vesak Quốc gia, một con tem bưu chính kỷ niệm mới sẽ được Tổng cục Bưu điện Tích Lan phát hành vào ngày 29-4-2018 dưới sự bảo trợ của Tổng thống Maithripala Sirisena - Bộ Thông tin của chính phủ Tích Lan cho biết.

Con tem mới có giá trị 12 Rupees này đã được thiết kế bởi nhà thiết kế tem Palitha Gunasinghe.

Con tem miêu tả Tịnh xá cổ đại Bingiriya Rajamaha, nơi sẽ diễn ra Lễ hội Vesak Quốc gia của Tích Lan.

(sundaytimes.lk - April 26, 2018)



Tem bưu chính mới để đánh dấu lễ hội Vesak
Photo: sundaytimes.lk

TÍCH LAN: Hơn 200 đại biểu ngoại quốc tham dự Hội nghị Phật giáo Sadaham Sevana

Hội nghị Phật giáo sẽ được tổ chức tại Trung tâm Nghiên cứu và thông tin Phật giáo Quốc tế Sadaham Sevana ở Rajagiriya từ ngày 1 đến 7-5-2018.

Dự kiến có trên 200 người tham dự hội nghị đến từ 20 quốc gia.

Các nhà lãnh đạo và tu sĩ Phật giáo nổi tiếng liên quan đến việc truyền bá Phật giáo tầm quốc tế, các học giả và viện sĩ cùng nhiều đại biểu từ các tổ chức Phật giáo thế giới sẽ tham gia, đại diện cho nhiều nước Phật giáo như Thái Lan, Nhật Bản, Miến Điện, Tây Tạng, Nepal...

Các bài pháp giảng, các chương trình thiền định và phần đối thoại về giáo lý Phật giáo Nam Tông, triết học Phật giáo Trung Hoa, Tây Tạng và

Nepal sẽ được tổ chức tại Trung tâm Sadaham Sevana trong chương trình kéo dài 7 ngày này.

(dailynews.lk – April 27, 2018)



Trung tâm Nghiên cứu và thông tin Phật giáo Quốc tế Sadaham Sevana (Rajagiriya, Tích Lan)—Photo: metta.lk

NEPAL: Tổng thống Bhandari đặt viên đá đầu tiên cho Hội trường Phật giáo Quốc tế tại Lâm Tì Ni

Ngày 30-4-2018, Tổng thống Nepal, bà Bidhya Devi Bhandari, đã đặt viên đá đầu tiên cho Hội trường Phật giáo Toàn cầu mang tầm quốc tế tại Lâm Tì ni.

Hội trường này sẽ chịu được động đất và theo tiêu chuẩn quốc tế.

Kỹ sư Saroj Bhattarai của Quỹ phát triển Lâm Tì Ni cho biết hội trường sẽ chứa được 5,000 người và một công nghệ mới sẽ được cài đặt cho phần vùng tự động theo yêu cầu cần thiết.

Với thời hạn hoàn thành công việc trong 2 năm, việc xây dựng hội trường có chi phí ước tính 400 triệu rupees.

Quỹ Phát triển Lâm Tì Ni nói rằng hội trường này sẽ là một mô hình ở châu Á.

(The Himalayan Times – May 1, 2018)

Tổng thống Nepal Bidhya Devi Bhandari (người ngồi trên ghế) đặt viên đá đầu tiên cho Hội trường Phật giáo Toàn cầu mang tầm quốc tế tại Lâm Tì ni.—Photo: THT



TÂY BAN NHA: Hội nghị Liên minh Phật giáo Âu châu được tổ chức tại thị trấn Benalmádena

Từ ngày 13 đến 15-4-2018, Liên minh Phật giáo Âu châu (EBU) đã tổ chức một hội nghị mang tên “Truyền bá Trí huệ và Từ bi trong các các hội châu Âu”. Được tổ chức tại Bảo tháp Giác ngộ ở thị trấn Benalmádena, nam Tây Ban Nha, hội nghị hình thành với mục đích kết hợp Phật tử Âu châu và phát triển tiếng nói Phật giáo trong phạm vi Phật giáo quốc tế.



Hội nghị có 17 bài thuyết trình, ba cuộc hội thảo và một buổi nói chuyện chung của các diễn giả từ Pháp, Đức, Ý, Hòa Lan, Na Uy, Ba Lan, Bồ Đào Nha, Slovenia, Tây Ban Nha, Thụy Điển và Vương quốc Anh.

Là một tổ chức bảo trợ quốc tế tập hợp 50 hội Phật giáo và giáo hội Phật giáo quốc gia từ 16 nước châu Âu, EBU nhằm mục đích tạo thuận lợi cho việc trao đổi và thúc đẩy tình hữu nghị tinh thần quốc tế giữa các Phật tử châu Âu, bảo trợ hành động xã hội Phật giáo, và tăng tầm tiếng nói của Phật giáo ở châu Âu và trên toàn thế giới.

(Buddhistdoor Global – May 2, 2018)



MIỀN ĐIỆN: Ngôi chùa cổ ở Sagaing sẽ được các chuyên gia Thái và Miến Điện trùng tu

Bắt đầu từ tuần thứ 2 của tháng Năm, ngôi chùa cổ tại tu viện Maha Thein Daw ở vùng Sagaing sẽ được tu sửa với sự cộng tác của các chuyên gia từ Thái Lan và Miến Điện.

Vào ngày 2-5-2018, Sư trụ trì U Thu Mingala cho biết công trình bảo tồn tại chùa Maha Thein Daw sẽ được thực hiện bằng tiền do Đội Bảo tồn Di sản Cổ đại Thái Lan và công chúng.

U Win Maung, trưởng nhóm trùng tu, nói rằng chùa Maha Thein Daw 200 năm tuổi được trang trí bằng các bức bích họa Thái, nhưng nước đã gây hư hỏng công trình nghệ thuật này.

“Chúng tôi chủ yếu sẽ xây dựng các bức tường và các mái cong để ngăn chặn dòng chảy của nước trên các bức tranh,” ông nói.

(MYANMAR TIMES – May 2, 2018)



Ngôi chùa cổ tại tu viện Maha Thein Daw ở vùng Sagaing Photos: free4readers.com & placesmap.net



Maha Thein Taw Gyi

HÀN QUỐC: Bốn ngôi chùa Hàn Quốc được đề cử là Di sản Thế giới

Gần như chắc chắn rằng 4 sơn tự của Hàn Quốc sẽ trở thành Di sản Thế giới UNESCO.

Cục Quản lý Di sản Văn hóa Hàn Quốc vào ngày 4-5-2018 đã cho biết rằng hội đồng Quốc tế về Tượng đài và Di tích (ICOMOS), một nhóm cố vấn của UNESCO, nói rằng 4 ngôi chùa Hàn Quốc này xứng đáng với vị thế di sản thế giới hằng mong đợi.

Đó là 4 chùa Tongdo trên núi Yeongchuk ở Yangsan, Buseok trên núi Bonghwang ở Yeongju, Bepoju trên núi Songni ở Boeun và Daeheung trên núi Duryun ở Haenam.

Đề xuất công nhận 4 chùa này là di sản thế giới đã được thực hiện sau các đánh giá tại chỗ của 7 ngôi chùa trên toàn quốc.

(Yonhap – May 4, 2018)



Chùa Tongdo trên núi Yeongchuk ở Yangsan, một trong 4 ngôi chùa được đề cử là di sản thế giới của Hàn Quốc—Photo: san-shin.net

PAKISTAN: Phát hiện nhiều đồng tiền cổ tại khu di tích Phật giáo 2,000 năm tuổi

Ngày 4-5-2018, nhiều đồng tiền cổ niên đại từ thế kỷ thứ nhất đã được tìm thấy trong quá trình khai quật và bảo tồn tại di tích Phật giáo ở khu vực Takht-e-Bahi lịch sử, tây Pakistan.

Ông Nawazuddin, giám đốc Cục nghiên cứu Khảo cổ và Bảo tàng cho biết công việc bảo tồn và khai quật đang được cơ quan này và Tổ chức Hỗ trợ Nhân Đạo (HAFO) thực hiện tại Takht-e-Bahi, một di tích Phật giáo cổ đại đã được đưa vào danh sách Di

THÁNG SÁU EM VỀ HẠ CHỨA CHAN

*Em về giữa hạ
Hy hoan ca
Rong chơi một giải giang hà
Mùa cháy lên bao nhiệt huyết
Hàng điệp vàng rực rỡ bước em qua
Tàng phượng vĩ đỏ những mùa hạ cũ
Gợi nhớ những ngày xưa
Hạ ngập tràn khói lửa
Từ cô thành đến Xuân lộc, Đồng Nai
Máu lệ chảy dài!
Suốt dặm đường đất nước
Vượt trùng dương
Nỗi hãi hùng của muôn vạn sinh linh
Em có biết nước non mình
Xin hãy nhớ chớ quên nguồn cội
Tháng sáu mùa hè hái ngoại
Gái đẹp trai xinh!
Vui sống bình yên trong thế giới văn minh
Biển mùa hạ bay cao những cánh diều rực rỡ
Gợi nhớ một thời cổ tích tuổi thơ
Bắt đé, đuổi chim, lội ruộng miệt đồng quê
Lên sài Gòn mê ăn hàng ở chợ
Tuổi thơ nơi nào cũng thật dễ thương sao
Mùa hạ bây giờ đường phai nhạt hột hao
Cuộc sống hôm nay cuốn hút vào vòng quay hối hả
Trời phương ngoại!
Nắng vàng rực rỡ
Đời âm no đủ đây vẫn mang mang thương nhớ
Quê hương ơi!
Khoảng cách vô hình giữa người đi kẻ ở
Nhưng hiện hữu
Biết bao giờ
Nói lại giấc mơ xưa.*

thơ

TIỂU LỤC THẦN PHONG

sản Thế giới của UNESCO vào năm 1980.

Ông nói thêm rằng nền văn minh Phật giáo đã hội tụ tại các khu vực chung quanh Takht-e-Bahi, bao gồm nền văn minh Gandhara vốn là nơi từ đó tôn giáo này truyền bá sang các vùng khác của thế giới. Ông Nawazuddin cũng nói rằng Takht-e-Bahi từng là một cách cửa dẫn đến một thế giới cổ đại và ngày nay rất quan trọng đối với các mục đích nghiên cứu.

(Financial Tribune – May 7, 2018)

Khu di tích Phật giáo ở khu vực Takht-e-Bahi lịch sử, tây Pakistan.

Photo: aroundpakistan.com





CÚNG DƯỜNG CHÁNH PHÁP

(CẢM ỨNG LỄ HỘI PHẬT ĐẢN PL 2562 Do GHPGVNTN HOA KỲ VÀ
CỘNG ĐỒNG PGVN NAM CALIFORNIA ĐỒNG TỔ CHỨC)

Nam mô Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni,
Kính thưa quý vị quan khách,
Kính thưa quý đồng hương và đạo hữu thiện nam tín nữ gần xa,
Như mọi năm, hòa chung niềm vui với Phật-giáo-đồ khắp năm châu, hôm nay chúng ta cũng long trọng tổ chức Lễ Hội Phật Đản tại công viên Mile Square Park để tưởng nhớ ân đức hóa độ của Đức Phật và tán dương Chánh Pháp vì diệu mà Ngài đã để lại cho cuộc đời.

Kính thưa quý liệt vị,
Bất cứ thế giới nào có Đức Phật thị hiện đản sinh, thế giới đó sẽ được thừa hưởng pháp lạc vì diệu. Tuy vậy, có lần Đức Phật dạy rằng "*Chánh Pháp là thuốc hay, nhưng bệnh nhân không uống thuốc thì bệnh sẽ không khỏi. Đó là lỗi của bệnh nhân, không phải lỗi của thuốc.*" Cho nên, dù là lương dược, dù là chân lý tối thượng được tuyên thuyết từ một bậc đại giác, Pháp Phật cũng chỉ mang lại lợi ích cho kẻ nào đón nhận và thực hành đúng mức.

May mắn thay, kể từ khi Đức Phật chuyển vận bánh xe Chánh Pháp lần đầu tiên tại vườn Nai, rồi Tăng đoàn được thành lập, trải hơn 2500 năm, thất chúng đệ tử của Ngài trong nhiều quốc độ, nhiều thời kỳ, đã nghiêm cẩn thực thi giáo lý, giới luật để duy trì và phát triển đạo màu khắp năm châu; để rồi trong những năm gần đây, chính Liên Hiệp Quốc đã công nhiên tuyên xưng đạo Phật như là con đường của hòa bình, khai phóng và giác ngộ, là kim chỉ nam cho toàn hành tinh hướng về một thế giới an lạc, phúc lợi và thịnh trị.

Suy nghiệm ân đức hóa độ của Đức Phật, chúng ta không quên sứ mệnh hoằng truyền Chánh Pháp của chư vị bồ-tát, thánh tăng, chư lịch đại tổ sư nhiều quốc gia. Gần gũi nhất, chúng ta cũng không quên công đức khai sáng của chư vị Tăng Ni và Phật tử đối với việc xây dựng các ngôi chùa trên khắp đất nước Hoa Kỳ nói riêng, và hải ngoại nói chung.

Sự tạo dựng một ngôi tự viện chính là vâng theo lời Phật dạy, tạo duyên lành cho mình và cho người, trong hiện tại và tương lai, đối với việc thực hành Chánh Pháp. *Sự tạo dựng một ngôi tự viện có chất lượng Chánh pháp, là trực tiếp đóng kín một lao tù.* Chính từ nơi các ngôi chùa biểu tượng của Phật Pháp mà đạo vàng có cơ hội được duy trì và truyền bá.

Nhưng, nếu thiếu sự thực hành giáo lý, thiếu sự hòa hợp đồng tu và nhất tâm phụng sự giữa Tăng Ni và Phật tử thì chùa chiền cũng mất đi tính cách biểu tượng thiêng liêng. Vì vậy, khi lạc quan đối với hiện diện khắp nơi của Phật giáo trong thời đại này, chúng ta cũng phải đồng thời ý thức rằng: chỉ khi nào giáo pháp được thực hành nghiêm mật, tinh tấn, Đức Phật mới thực sự đản sinh và có mặt trong mỗi chúng ta, có mặt trong mỗi ngôi chùa do chính chúng ta tạo dựng.

Đây là cách để biểu lộ niềm tri ân của chúng ta đối với Đức Từ Phụ, và cũng chính là cách cúng dường ngày Phật Đản ý nghĩa nhất trong các sự cúng dường.

Ngưỡng nguyện Chánh Pháp được trường tồn và hiển dương khắp thế giới này để nhân loại và chúng sanh bớt khổ thêm vui, cùng hướng về một tịnh độ nhân gian ngay trong hiện tiền.

Nam mô Vô ưu thọ hạ thị hiện Đản sinh, Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Sa môn Thích Tín Nghĩa

NỘI DUNG KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

HT. Thích Thắng Hoan

(trích từ tác phẩm *YẾU CHỈ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA*)

(tiếp theo)

18.- PHẨM TÙY HỖ CÔNG ĐỨC

Tùy Hỷ Công Đức nghĩa là công sức sanh tâm hoan hỷ tùy thuận tu tập theo Kinh Diệu Pháp Liên Hoa do nơi các đệ tử sau này của đức Như Lai truyền dạy và không phải nghe trực tiếp nơi kim khẩu của đức Như Lai thuyết pháp. Nói cách khác, sau khi đức Như Lai nhập diệt, các đệ tử sau này kế thừa truyền dạy Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, nghĩa là người này truyền cho người kia, người kia truyền cho người nọ, truyền đến người thứ 50. Người thứ 50 nghe các đệ tử sau này của đức Như Lai truyền dạy Kinh Diệu Pháp Liên Hoa mà sanh tâm hoan hỷ tùy thuận tu tập thì có công đức không thể nghĩ bàn, huống chi người ban đầu trong pháp hội được nghe trực tiếp đức Như Lai thuyết pháp thì có công đức lớn lao không thể sánh đặng. Công đức thì khác hơn phước đức:

a/- PHƯỚC ĐỨC: nghĩa là đức hạnh do cầu phước nên được thành quả, vì cầu phước đức, hành giả mới đem tiền của vật chất cần dùng hằng ngày như: vàng bạc, ngọc ngà châu báu đem bố thí cho mọi người. Phước đức có được do bố thí thì thuộc về hữu lậu. Phước đức ấy dù cho bố thí khắp cả bốn trăm vạn ức A Tăng Kỳ thế giới và trải qua 80 năm thì cũng chỉ trong vòng hữu hạn, rồi có ngày sẽ hưởng hết. Cho nên phước đức do bố thí tài vật có được không thể nào sánh bằng công đức do công phu tu tập kết thành.

b/- CÔNG ĐỨC: nghĩa là đức hạnh do công phu tu tập nên được thành quả. Công đức này thì thuộc về vô lậu giải thoát và có giá trị siêu việt, nhưng công đức cũng có hai loại: Công đức hữu vi và công đức vô vi.

1)- CÔNG ĐỨC HỮU VI: nghĩa là công đức do gia công tu tập các pháp phương tiện thuộc hữu vi được thành quả. Các pháp phương



tiện đây là những công đức nhằm đối trị tâm bệnh vô minh phiền não thuộc hữu lậu của chúng sanh trong thế gian. Một khi tâm chúng sanh đã được thanh tịnh giải thoát thì các pháp phương tiện đó không còn hữu dụng nữa. Thí được như Giới Sát Sanh, một trong năm giới của Nhơn Thừa chỉ có giá trị nhằm để hóa giải tâm bệnh hạo sát của các chúng sanh trong các cõi Dục và nó không có giá trị đối với tất cả chúng sanh trong các cõi Sắc không bệnh hạo sát. Các pháp phương tiện hữu vi như pháp Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Bát Chánh Đạo Thập Thiện, Ngũ Giới v.v... Các pháp

phương tiện này tạo nên những công đức như những thành quả Thịnh Văn, Duyên Giác v.v... được gọi là công đức hữu vi, mặc dù những công đức trên đều thuộc về quá vô lậu.

2)- CÔNG ĐỨC VÔ VI: nghĩa là công đức do gia công tu tập các pháp chân thật mầu nhiệm của Như Lai và nghe đặng tiếng nói của Pháp Thân Thường Trú Như Lai, nên gọi là công đức vô vi. Các pháp chân thật mầu nhiệm của Như Lai tức là tri kiến của Phật, nhưng tri kiến của Phật cũng chính là Diệu Pháp Liên Hoa. Hành giả nghe được và ngộ được tri kiến của Phật qua Kinh Diệu Pháp Liên Hoa thì có công đức vô lượng không thể nghĩ bàn.

Hơn nữa, công đức vô vi này lại được nhất niệm tùy hỷ thì có giá trị thù thắng không thể nghĩ bàn. Người hành trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa đã có công đức lợi ích vô lượng và lại thêm một niệm tùy hỷ thì có công đức gấp bội.

Tóm lại, phẩm Tùy Hỷ Công Đức trình bày sự lợi ích thù thắng của Kinh Diệu Pháp Liên Hoa nhằm mục đích khiến cho hàng Nhị Thừa và hàng Bồ Tát Huyền Thừa bền tâm vững chí trên con đường hành trì tu tập.

(còn tiếp)

NĂNG LỰC CỦA "NGÃ"

(Kính mừng Phật Đản 2642)

Thích Viên Thành



Trong Kinh Kim Cang, Phật dạy có 4 tướng: *Ngã – Nhân – Chúng Sanh – Thọ Giả*. Khi còn phàm phu, chấp thân này là thật là bền vững, sinh ra "ngã," liền sanh phân biệt, nên có "nhân," rồi chẳng cần giải thoát, trôi lăn theo nghiệp trong lục đạo luân hồi, từ đó thành "chúng sanh" và bị tâm, cảnh, ý thức dẫn dắt, cho nên "thọ giả." Khi không có "ngã," thì không có "nhân," sẽ không có "chúng sanh" và "thọ giả." Như vậy, khi có 4 tướng là phàm phu, khi không còn 4 tướng là Bồ Tát. "Ngã" là nguyên nhân đầu tiên!

Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 có dạy: *"Nếu một người Tu mà trải qua năm tháng hành đạo, không thấy mình tâm thường hơn, giảm đi hơn và khiêm tốn hơn thời gian ban đầu, thì có lẽ là Ta đã đi lạc đường rồi!"* hay *"Càng tu lâu chừng nào, càng thấy mình, không là gì cả, đấy mới chính thực là tu."*

Đức Dalailama là hiện thân của Bồ Tát Quan Thế Âm, nhưng lúc nào Ngài cũng khiêm cung, nói là người bình thường, Ngài chỉ là "hành giả" và truyền bá Pháp Phật mà thôi, nên Ngài mới bảo toàn phước đức để hoằng pháp được lâu bền và lợi ích rất nhiều, cho số đông.

Hãy thường quán chiếu và luôn nhớ rằng: *"Chân không, diệu hữu."* Bầu trời đang yên ổn, bỗng nhiên mưa bão tới bởi, hay trời trong, biển lặng, sóng yên, rồi "sóng thần" hay "vòi rồng" nổi lên, làm cho bao nhiêu cây cối, nhà cửa, thuyền bè, xe cộ, vạn vật phải nghiêng ngửa, bay bổng, sụp đổ tàn tạ. Đứng tưởng không là không có gì, mà "sắc tức là không, không tức là sắc," vậy! *"Có thời có tự mây may, không thì cả thế gian này cũng không... tâm an vạn sự an."* Cho nên đừng sợ Tu rồi sẽ thành "không là gì cả," mà trong "chân không" sẽ là "diệu hữu," tức là Niết bàn vô cùng vi diệu.

"Ngã" là cái duyên hợp giả có, không trường tồn, nhưng vì "chấp ngã" nên có thể biến thành năng lượng, là "nguyên tử" nếu ta biết vận dụng năng lượng ấy, để phụng sự cho nhân sinh, như Đức Phật đã từng vận dụng, thì lợi ích cho chúng sanh, vô cùng vô tận. Mấy ngàn năm rồi, mà hạnh nguyện, lời dạy và các pháp môn tu của Ngài vẫn vang mãi, lan tỏa khắp nơi, mang lợi ích, an bình cho nhân loại.

Nhưng nếu "năng lượng nguyên tử" ấy rơi vào tay kẻ "lớn bản ngã, có máu lạnh, háo chiến" vận dụng năng lượng ấy phục vụ cho "lòng tham" cho sự "sinh tồn, chiếm hữu, hưởng thụ" cho lòng cuồng tín, của những kẻ khùng bô, thì thật nguy hiểm vô cùng. Chiến tranh thế giới, thứ nhất, thứ nhì, và có thể Thánh chiến hay chiến tranh hạt nhân thứ ba xảy ra, cũng từ nơi "ngã," muốn chứng tỏ mình là nhất, mình là hơn hết, mình là bá chủ, không ai có thể hơn mình được, nếu ai muốn hơn là tìm cách tiêu diệt, hoặc trừ dập ngay. Nhưng rồi hầu hết những nhà lãnh đạo độc tài, tàn ác trên thế giới, muốn chứng tỏ "bản ngã" đều phải trả giá và chết một cách thê thảm.

Cha mẹ nuông chiều con, trường dưỡng "bản ngã" cho con, khi lớn lên, nếu không biết Tu để thuần hóa lại, thì đây là mối nguy cho xã hội, ở gia đình ngộ nghịch bất trị, vào trường học hung hãn, phá phách xóm làng, gây bất hòa nơi cơ quan, làm loạn xã hội... tất cả cũng đều từ "ngã" mà ra.

"...Khi tâm trí còn bị cái bóng tối 'chấp ngã' trong ba đời che lấp, thì mọi sự xây dựng cuộc đời, toàn là bấp bênh, nhỏ hẹp và xấu xa, đau khổ. Hễ 'ngã chấp' càng to, càng sâu, thì mọi xây dựng từ nó, sẽ càng xấu xa, đau khổ. Hễ 'ngã chấp' càng nhỏ, càng mỏng, thì mọi xây dựng từ nó sẽ bớt xấu xa đau khổ. Quá khứ xây dựng trên 'ngã chấp' thì chỉ là cái quá khứ xấu xa. Hiện tại xây dựng trên 'ngã chấp' thì chỉ là cái hiện tại hẹp hòi. Tương lai xây dựng trên 'ngã chấp' thì chỉ là cái tương lai tăm tối..."

Nên Kinh Kim Cang có dạy rằng: *"Hãy làm mọi điều lành, tu tập mọi công đức, với tâm thật trong sạch, không 'chấp ngã' không 'chấp nhân' không 'chấp chúng sanh' không 'chấp thọ giả' ắt chúng được Vô Thượng Bồ Đề."*

(Trích trong *Vô Ngã là Niết Bàn* của HT Thích Thiện Siêu)

Muốn được giải thoát, giác ngộ, để cứu độ chúng sanh, thì phải trở thành "vô ngã," như Đức Phật, từ địa vị Thái Tử, tương lai là Vua, mà Ngài còn buông bỏ hết, vào rừng Tu. Khi chúng Đạo rồi, hằng ngày phải dẫn đệ tử lội bộ đi xin ăn khắp cả, mới chan hòa, sát cạnh mà giáo hóa được chúng sanh!

Luôn nhớ rằng Tu là diệt vô minh, vì vô minh là nguồn gốc của mọi tội lỗi, nhưng vô

minh là từ “chấp ngã” và “chấp Pháp” mà thành. Muốn không còn “chấp Pháp” và “chấp ngã” nữa, thì ta phải thường “quán chiếu nội tâm” tự hạ mình xuống, khiêm cung lắng nghe mọi điều hay lẽ phải, hằng lạy Phật sám hối và xem mọi thành tựu đều nhờ ở nhiều duyên hợp lại, chứ không phải ở sự tài giỏi của riêng ta. Chư Tổ hiểu được ý Phật và tâm chúng sanh, nên dạy: ai đến chùa cũng phải bỏ giày dép và mọi đồ đạc ngoài cửa, rồi cúi đầu lạy Phật, chứ không có ghế để ngồi, không cung phụng tấm thân tứ đại này, cho được tiện nghi sung sướng, mục đích cũng để dẹp trừ “bản ngã.”

Cho nên là người Tu, phải thường xuyên nhắc nhở nhau: Tu sao cho hạ “bản ngã” xuống, đây là bổn phận và trách nhiệm, chứ đừng mỗi ngày, mỗi chúng tò, ta đây tài giỏi, không cần ai hết, ta hơn người, ta tu lâu, ta tu nhiều... để trở thành người cao ngạo, mà xa rời đường đạo, mọi người xa lánh, tổn phước đức.

Ngay cả khi sống ở thế gian, cũng phải thường quán chiếu lại “bản ngã” của mình, nếu muốn thành công và lợi ích cho nhân quần xã hội. “...Cho con biết khiêm hạ, biết tôn trọng mọi người, Tự thấy mình nhỏ tôi, việc tu còn kém cõi...” thì mới có được công đức và cố gắng tu học để tiến lên, mới chịu khó lắng nghe, để hiểu và thương cuộc đời, từ đó mới hài hòa được với tất cả, “chiêu cảm” được những người tốt, việc tốt, để giúp ích chúng sanh, một cách cụ thể, đặc lực, hữu hiệu, chính xác hơn.

Khi mới vừa sinh ra đời, Đức Phật cũng đã truyền đi thông điệp “*Thiên Thượng Thiên Hạ Duy ngã độc tôn*” rồi, suốt trong 49 năm hoằng đạo, Ngài giảng dạy, trong suốt các giáo lý, đều hướng dẫn cách hạ ngã và cụ thể nhất là dẫn đệ tử lợi bộ, khát thực qua từng nhà, cũng không ngoài mục đích, muốn cho đệ tử diệt trừ “bản ngã” để có công đức, đủ năng lực và gieo duyên hóa độ chúng sanh.

“Ngã” rất quan trọng, hướng lên để được thăng hoa, thánh thiện nhiều lợi ích cho đời, hay phải bị đọa lạc xuống, để phải chịu nhiều khổ đau, cũng do “ngã” này. Cho nên trên đường Tu, phải luôn quán chiếu về “ngã,” nếu thấy “*tăng thượng mạn,*” là tu sai rồi, hãy mau điều chỉnh, để càng tu càng thấy mình khiêm tốn hơn, được mọi người tôn kính, thương quý hơn, thì mới bảo toàn công đức, kẻo không sẽ trôi lăn mãi, trong vòng lục đạo luân hồi, mà đắm chìm trong khổ lụy.

“Tâm khiêm cung, phụng sự” tu đúng Pháp

“Tâm kiêu ngạo, hưởng thụ” bản ngã tăng

Điều hiểu nghĩa phải thực hiện thường hằng

“Không chấp ngã” mới bảo toàn Phước Đức.

*Pháp Hoa – Nam Úc,
Quý Xuân – Mậu Tuất (2018)*



SƠN ĐẠO

*Đường lên đỉnh núi quanh quanh
Hạt sương sơn đạo nặng cành cỏ non
Sáng nay thăm Đại An Sơn
Nửa tâm cực lạc nửa còn nhân gian
Dù chưa gậy trúc gậy vàng
Cũng xem nhẹ gánh một phần biển dâu
Tìm trâu... trâu lạc tìm đâu
Tìm đâu giữa lúc mái đầu điểm sương?*

*Đá con lăn xuống vệ đường
Tiếng vang còn vọng qua sườn núi xa
Áo lam thoáng bóng sư già
Non phôi vóc hạc... Pháp Hoa chuông về
Tiếng chuông đánh thức con mê
Tiếng chuông nhắc nhở đi về tỉnh tâm*

*Góc sỏi ắt hẳn trăm năm
Con sâu đo mãi độ sâu của da
Đo bao nhiêu lượt chiều tà
Làm sao đo hết tuổi già của cây?
Biển thiên từ bước đường mây
Biển thiên đến cả cỏ cây đá vàng
Ngắn dài một bóng thời gian
Cỏ sâu cỏ cạn... sông cạn nhớ sông*

*Bây giờ trong lớp bụi hồng
Gập ghềnh sơn đạo thông dong gió về
Bây giờ bước khỏi con mê
Bây giờ thức dậy... thân về với tâm.*

thơ HỒ THANH NHÃ

PHÁP AN CƯ CỦA TĂNG

Thích Thái Hòa

Ý Nghĩa và Duyên khởi:

Sau khi thành đạo, từ dưới gốc cây Bồ đề, Đức Thế Tôn đến vườn Nai, chuyển vận bánh xe Chánh pháp Tứ Thánh Đế, độ năm anh em Kiều Trần Như (1), từ đó Phật, Pháp và Tăng hiện hữu đầy đủ cả hai mặt lý và sự trong thế gian, làm chỗ nương tựa phước đức và trí tuệ cho hai thế giới nhân và thiên, nhằm hướng đến đời sống giải thoát, giác ngộ.

Giới luật hành trì đầu tiên của Tăng đoàn, theo Luật Tử Phần, trong mười hai năm đầu chỉ bao gồm những lời dạy căn bản như sau:

*"Kheo phòng hộ lời nói,
tâm ý tự lắng trong,
thân không làm các ác,
ba nghiệp đạo này tịnh,
thực hành được như thế,
là đạo đấng Đại Tiên" (2).*

Và sau mười hai năm, kể từ khi thành đạo, Đức Thế Tôn mới dạy nhiều về giới luật và pháp an cư cho Tăng đoàn. Ngài dạy pháp an cư cho Tăng đoàn, vì những lý do như sau:

- Do một số cư sĩ than phiền nhóm sáu tỷ kheo luôn luôn du hành trong dân gian, bất luận mùa nào, dẫm đạp làm chết vô số côn trùng.

- Họ còn than phiền rằng, những du sĩ ngoại đạo, một năm còn có những tháng ở yên một chỗ để tịnh tu. Ngay cả những loài vật, chúng cũng còn có những mùa trú ẩn, hưởng nữa Tăng sĩ dòng họ Thích, tại sao không có đời sống như vậy.

Do duyên cớ trên, Đức Phật quở trách nhóm sáu tỷ kheo ấy. Và Ngài chế định pháp an cư cho Tăng đoàn (3).

Song, an cư của Tăng đoàn không phải chỉ để tránh dẫm đạp sâu bọ hay cỏ non, khiến làm thương tổn lòng từ bi đối với muôn vật hay vì tránh những gì than phiền của hàng cư sĩ, mà còn có những ý nghĩa và mục đích sâu sắc hơn nữa, đó là:

- Nhằm trau dồi và nuôi lớn pháp Tam vô lậu học là giới, định tuệ, để xứng đáng là "Chúng Trung Tôn" của bậc Trí Đức hoàn toàn.

- Nhằm biểu lộ tinh thần thanh tịnh, hòa hợp và đồng bộ của Tăng đoàn. Và khi nào Tăng đoàn biểu lộ được tính chất ấy, thì Chánh pháp của Đức Thế Tôn do Tăng đoàn tuyên dương mới có hiệu quả và chứng nghiệm hiện thực.

- Và nhằm củng cố niềm tin cho hàng đệ tử tại gia của Đức Thế Tôn, đối với ngôi vị thế gian Trú trì Tăng bảo.

- Và an cư là pháp truyền thống để trau dồi Giới định tuệ của Tăng đoàn, đệ tử Đức Thế Tôn trong ba đời.

Ý nghĩa pháp an cư như vậy, không phải chỉ được thực hành bởi Thanh Văn Tăng mà còn phải thực hành bởi Bồ Tát Tăng nữa (4).

Thanh Văn Tăng là Tăng chỉ thọ và hành trì theo Biệt giải thoát luật nghi, nhằm phòng hộ và giải thoát theo từng đối tượng cá biệt của các loại phiền não do duyên xúc và thọ, mà ái, thủ, hữu sinh khởi hay do duyên vô minh và hành, mà phiền não và các đối tượng của phiền não khởi sinh làm vẩn đục đời sống giải thoát hay đời sống chánh mạng vốn thiết lập trên nền tảng của Tứ thánh chủng. Tứ thánh chủng là pháp hành của vị tỷ kheo, pháp hành ấy đã được Đức Thế Tôn cụ thể hóa từ bản thể tịch diệt, thanh tịnh của Niết bàn.

Bồ Tát Tăng, là Tăng không những chỉ hành trì đầy đủ Biệt giải thoát luật nghi như Thanh Văn Tăng, mà còn thọ và hành trì Đại thừa bồ tát giới, tức là giới làm lợi ích cho hết thảy muôn loài, lấy bồ đề tâm làm bản thể và tác nhân, lấy bồ đề quả làm định hướng cho bồ đề nguyện và bồ đề hạnh.

Bất cứ xứ sở nào, các Tỷ kheo cùng nhau tu tập, cùng nhau hòa hợp để an cư, sống bằng đời sống hòa hợp và thanh tịnh, thì xứ sở ấy, xem như Phật, Pháp Tăng, có mặt một cách đúng ý nghĩa, làm chứng cứ cho niềm tin của chư Thiên và loài người đối với Chánh pháp.



Nội Dung Pháp An Cư:

Các Tỷ kheo thực hành pháp an cư, là biểu hiện mẫu mực đời sống ly dục, tịch tịnh của một vị A la hán. Đời sống ấy được thực hành miên mật đầy đủ bốn chất liệu thanh tịnh, gồm:

- Thanh tịnh về biệt giải thoát luật nghi: Ấy là hành trì đầy đủ đối với các học giới của một vị tỷ kheo mà pháp và luật đã quy định, khiến cho ngay cả những học giới quy định những điều nhỏ nhặt như trảm pháp chúng học, cần phải thực hành bởi một tỷ kheo cũng không bị tỷ vết, rạn nứt và sút mẻ.

- Thanh tịnh về các căn môn: Vị tỷ kheo có đầy đủ giới hành, vị ấy luôn hành trì thanh tịnh đối với các quan năng nhận thức, khiến cho các quan năng nhận thức luôn luôn ở trong sự phòng hộ và thanh tịnh. Chẳng hạn, khi mắt tiếp xúc với sắc, vị tỷ kheo có đầy đủ giới hạnh, gồm có niệm và giác, khiến cho sắc không thể khuấy động tâm ý và tâm ý không khởi lên các cảm thọ thèm khát và chiếm hữu. Cho đến tai nghe thanh trần, mũi ngửi hương trần, lưỡi nếm vị trần, thân xúc với xúc trần và ý tiếp xúc với pháp trần, đều luôn luôn có niệm và giác, khiến cho các trần tướng ấy, không thể khuấy động tâm thức qua các quan năng nhận thức, khiến tâm thức luôn được an trú ở trong sự thanh tịnh.

- Thanh tịnh về mạng: Thanh tịnh về mạng, chính là thanh tịnh về sự nuôi dưỡng đời sống, tức là sống theo Bốn thánh chủng. Thánh chủng là dòng giống cao quý của các bậc thánh hay của những bậc giác ngộ.

Xã hội Ấn độ bấy giờ có bốn giai cấp. Giai cấp Bà la môn hay giáo sĩ là giai cấp nuôi dưỡng đời sống bằng sự tế tự thần linh; giai cấp Vua chúa nuôi dưỡng đời sống bằng những vũ khí quyền lực và chính trị; giai cấp Phê xá hay thương gia, nuôi dưỡng đời sống bằng sản xuất, buôn bán cạnh tranh trao đổi hàng hóa,... và giai cấp Thủ đà la nuôi dưỡng đời sống bằng nghề làm thuê hay nô lệ. Đời sống của các đệ tử Thế Tôn, nuôi thân bằng một bình bát, khát thực ngày một bữa đứng ngọ, ngủ nghỉ qua đêm dưới gốc cây, nơi rừng vắng hay ở những hang động, che thân bằng ba y phần tảo, trị bệnh của thân bằng các dược liệu của cỏ cây. Sống cuộc đời ít ham muốn, biết vừa đủ để tinh cần đoạn trừ các dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu ở nơi tâm, và nuôi tâm bằng các pháp vô lậu, nhằm hướng tới đời sống ly dục, tịch tịnh tối thắng của Niết bàn.

- Thanh tịnh về niệm: Thanh tịnh về niệm là thanh tịnh về chánh niệm, tinh giác. Nghĩa là vị tỷ kheo, luôn luôn có chánh niệm, tinh giác trong bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi. Khi bước tới hay bước lui, đứng lại, nằm hay ngồi, hoặc mọi động tác co duỗi của thân thể, vị ấy đều có chánh niệm tinh giác đối với chúng. Khi ăn, uống, đi đứng, nằm ngồi, làm việc các cảm thọ, các chủng tử tâm hành, nội pháp và ngoại pháp hiện khởi và ẩn tàng như



thế nào, vị tỷ kheo đều biết rõ chúng đang diễn ra như thế ấy. Và do thực tập niệm thanh tịnh, khiến cho đời sống của một vị tỷ kheo đệ tử của Thế Tôn luôn luôn ở trong sự thanh tịnh với đầy đủ ba ngàn oai nghi, tám muôn tế hạnh có khả năng đoạn trừ tất cả những loại phiền não thô phù và tinh tế, làm dẫn sinh các thánh quả giải thoát.

Vậy, pháp an cư của Tăng là cơ hội tốt để cho các tỷ kheo và tỷ kheo ni, thực tập bốn sự thanh tịnh này một cách miên mật ở trong chánh niệm tinh giác hay ở trong thiền định.

Nói cách khác, an cư là để cho các tỷ kheo Tăng và các tỷ kheo ni an trú tại một trú xứ nhất định để thực hành vững chãi đối với bốn sự thanh tịnh.

Nên, Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói rằng: "Vào thời kỳ an cư mùa mưa, các tỷ kheo ngoại trừ việc đi đại tiện và tiểu tiện, còn tất cả đều ngồi kiết già tại chỗ để tu tập thiền định" (5).

Kỳ Hạn Thọ Và Xả Pháp An Cư:

Kỳ hạn an cư của Tăng đoàn đệ tử Thế Tôn, ngày nay không nhất định, vì tùy theo khí hậu và lịch biểu từng vùng.

Tăng đoàn các nước Phật giáo Nam phương như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, ... bắt đầu an cư vào ngày mười sáu, tháng sáu, theo lịch Trung Quốc. Và Tăng Đoàn Phật Giáo các nước Bắc phương như Trung quốc, Nhật bản, Triều tiên, Việt nam, ... bắt đầu an cư vào ngày mười sáu, tháng tư theo lịch Trung quốc.

Tăng đoàn Phật giáo Bắc phương an cư vào thời gian trên, là do dựa vào bản kinh Vu lan. Theo kinh này, thì ngày Rằm tháng bảy là ngày Tự tứ của Tăng.

Theo Luật tạng của Thanh Văn Tăng, chỉ qui định mỗi năm vào mùa hạ là mùa an cư của Tăng và chỉ có một ngày tự tứ cho Tăng, sau khi đã an cư mà thôi và các Tỷ kheo lấy tuổi hạ làm tuổi của giới đức.

Có hai hạn kỳ an cư, gọi là tiền an cư và hậu an cư. Tiền an cư là an cư vào phần đầu của mùa hạ, tức là an cư vào ngày mười sáu

tháng tư, theo lịch Trung quốc, cho Tăng đoàn Bắc phương. An cư từ mười bảy tháng tư đến hết mười sáu tháng năm theo lịch Trung quốc gọi là thời kỳ hậu an cư. Hậu an cư cũng có hai thời kỳ, gọi là trung an cư và hậu an cư. Trung an cư bắt đầu từ ngày mười bảy tháng tư, đến hết ngày mười lăm tháng năm. Hậu an cư là bắt đầu ngày mười sáu tháng năm.

Thời hạn tiền an cư theo truyền thống Tăng đoàn Bắc phương là bắt đầu từ ngày mười sáu tháng tư và đến mười lăm tháng bảy âm lịch là kết thúc. Nếu hậu an cư, kể từ mười bảy tháng tư thì đến ngày mười sáu tháng bảy âm lịch là kết thúc. Và nếu an cư sau ngày mười bảy tháng tư, thì sau đó phải tính đủ chín mươi ngày để kết thúc pháp an cư (6).

Tác Pháp An Cư:

Các chùa hay các tự viện của Tăng, phần nhiều đều có tác pháp yết ma kết cương giới của trú xứ, để thuận tiện cho sự tu học và tiến hành các pháp thuộc về tăng sự của trú xứ, thì khỏi phải tác pháp yết ma để kết đại giới của trú xứ an cư.

Nếu trú xứ nào chưa có kết đại giới của trú xứ, thì khi Tăng an cư phải tiến hành pháp yết ma kết đại giới của trú xứ an cư, trước khi tiến hành pháp an cư của Tăng.

Nếu cương giới trú xứ trước đó đã kết quá nhỏ, nay lượng tỷ kheo an cư của Tăng trong trú xứ quá lớn, cần nới rộng cương giới của trú xứ cho thích hợp, thì tăng phải tiến hành tác pháp giải cương giới cũ, sau đó mới tiến hành tác pháp kết lại cương giới mới rộng hơn.

Sau khi nhắc lại cương giới cũ của trú xứ hoặc tiến hành tác pháp yết ma kết cương giới mới của trú xứ, Tăng mới tiến hành tác pháp an cư như sau:

Tăng tiến hành tác pháp an cư có hai loại:

1- Tác pháp an cư của hàng Thượng tọa:

Tác pháp hàng Thượng tọa không có y chỉ luật sư, vì hàng Thượng tọa là bắt buộc phải thông hiểu luật và phải trì luật để làm chỗ y chỉ cho các hàng trung tọa và hạ tọa.

Hàng Thượng tọa tác pháp thọ an cư bằng đối thủ. Nghĩa là vị thượng tọa này đối diện với vị thượng tọa kia hoặc quỳ, hoặc đứng để tác pháp thọ an cư.

Văn tác bạch thọ an cư của hàng Thượng tọa như sau: "Đại đức nhất tâm niệm. Tôi tỷ kheo,... nay y (tên của trú xứ an cư) Tăng già lam, an cư ba tháng đầu của mùa hạ. Nếu phòng xá có hư hại, sẽ tu bổ" (7) (Bạch ba lần).

2- Tác pháp an cư của hàng đại chúng:

Tác pháp thọ an cư của đại chúng là phải có vị luật sư cho đại chúng y chỉ, để vị luật sư luôn nhắc nhở, hướng dẫn cho những tỷ kheo ở trong đại chúng chưa thông suốt luật, phải y luật hành trì đúng theo pháp an cư và xử trị đối với các tỷ kheo an cư không như pháp.

Thọ an cư đại chúng theo thứ tự lớn nhỏ, tỷ kheo có tuổi hạ lớn nhất trong đại chúng tác bạch thọ an cư trước, tuần tự cho đến vị tỷ kheo hạ tọa sau cùng. Vị thọ an cư đành lễ Thượng tọa y chỉ luật sư một lạy, rồi quỳ xuống tác bạch, văn tác bạch như sau:

"Đại đức nhất tâm niệm. Con tỷ kheo,... nay y nơi (nói tên của trú xứ) Tăng già lam an cư ba tháng đầu của mùa hạ. nếu phòng xá có hư hại sẽ tu bổ".

Thượng tọa nói: "Vây, hãy cẩn thận chớ buông lung." Người thọ, đáp: "Y giáo phụng hành." Thượng tọa hỏi tiếp: "Y vị nào làm luật sư?" Người thọ đáp: "Y (nói hiệu của vị luật sư y chỉ) làm luật sư. Thượng tọa nói: "Có điều gì nghi ngờ, nên đến hỏi." Người thọ đáp: "Kính vâng." Và lễ Thượng tọa ba lễ, lui về chỗ cũ, đợi những vị khác thọ xong và cùng hồi hướng.

Trong trường hợp có những trú xứ chỉ một tỷ kheo, không có ai để y chỉ, tỷ kheo ấy được phép tác pháp tâm niệm an cư. Vị ấy đến trước hình tượng của đức Phật hay chánh điện, kính lễ như pháp và tác bạch như sau: "Con tỷ kheo,... nay y nơi (nói tên trú xứ) an cư ba tháng đầu của mùa hạ." (tác bạch ba lần)

Cảm Nhận Và Kế Thừa:

Ở trên trời và dưới đất hay bất cứ ở đâu trên thế gian này, không thể có một ai trồng quýt mà lại gặt hái kết quả của cam.

Cũng vậy, ở trên trời và dưới đất không một ai có quyền cho ta hạnh phúc, khi mà ta đã gieo nhân bất thiện và không một ai có quyền làm cho ta đau khổ, khi ta đã gieo xuống mảnh đất tâm của ta những hạt giống lành của bồ đề và đại nguyện. Hạnh phúc của ta thực sự chỉ có mặt, khi thân ta hành thiện, miệng ta nói thiện và tâm ta luôn luôn an trú ở trong điều thiện của bồ đề và đại nguyện ấy.

Gới luật, uy nghi và các pháp hành khác của Tăng như bố tát, an cư, tự tử cũng vậy, chúng có tác dụng giúp cho các tỷ kheo thực



Hạ năm 2008, Cộng Đồng Phật Giáo Nam California đã tổ chức khóa an cư kiết hạ tại chùa Phật Đà thuộc thành phố San Diego.

hành đời sống xuất gia và sinh khởi các thiện pháp giải thoát cho họ. Trong Tăng đoàn có nhiều tỷ kheo thành tựu được tâm giải thoát và tuệ giải thoát là tăng đoàn vững mạnh, làm chỗ quy tín cho hàng cư sĩ tại gia và khiến cho ma quân chuyển đổi tà tâm, khởi sinh chánh tín đối với Tăng.

Vì vậy, ở trú xứ nào có các tỷ kheo, bồ tát, an cư và tự tứ đúng pháp, đúng luật, đúng thời, thì ở trú xứ đó có Tăng bảo thường trú, nhằm khẳng định sự có mặt của chánh pháp một cách hiện thực, làm ngọn đuốc soi đường cho thế gian trong đêm dài tăm tối.

Nên, pháp an cư của Tăng không phải mang một ý nghĩa hình thức, mà đó là một pháp hành, chuyển tải một nội dung thanh tịnh và trong sáng, đầy đủ các chất liệu của Giới, Định và Tuệ mà phận sự của các tỷ kheo phải miên mật hành trì, để kế thừa dòng máu cao cả của chánh pháp, khiến cho dòng máu ấy không bao giờ bị đứt đoạn giữa thế gian này.

Thích Thái Hòa

[1] Phật Thuyết Tam Chuyển Pháp Luân kinh, Tạp, tr. 504, Đại Chính 2.

[2] Giới kinh của Đức Phật Thích Ca, mười hai năm đầu, kể từ khi thành đạo, theo Tứ Phần Luật, Đại Chính 22.

[3] Tứ Phần Luật 37, An cư kiền độ, tr 830b, Đại Chính 22. Pàli, A, A, ii 97.

[4] Phạm Võng Kinh, tr 1008a, Đại Chính 24.

[5] Dẫn theo Tứ Phần Luật San Phiến Bồ Khuyết Hành Sự Sao, tr 58a, Đại Chính 40.

[6] Theo Luật Tứ Phần 58, có ba thời kỳ an cư: -Tiền an cư - Trung an cư - Hậu an cư, tr 998b11, Đại Chính 22. Theo Luật Tăng kỳ 27: Tiền an cư từ 16 tháng 4 đến 15 tháng 7. - Hậu an cư từ 16 tháng 5 đến 15 tháng 8., tr 451b10, Đại chính 22.

[7] Tứ Phần 37, tr 380, Đại Chính 22.



MƠ CÔI LƯU LY

*Thân loãng vô cùng, tâm biến không
Hư vô nâng nhẹ trí phiêu bồng
Nền xanh ảo hóa gương Nam Hải
Mây trắng siêu hình sóng Phổ Môn
Núi dựng Đông Tây: thuyền Bát Nhã
Gió dôn Nam Bắc: mái Viên Thông
Quay đầu mơ côi lưu ly Bến...
Quên phía sau mình cái "sắc" không!
(Đài Quán Thế Âm, đèo Rù Rì, 1972)*

GIÁC NGỦ TRIỀN ĐÔI

*Nửa khuya vừa trở giấc nồng
Lắng nghe mưa lạ chập chùng âm thanh
Khác mưa phố thị mong manh,
Mưa cuộn cuộn kéo muôn nghìn siêu âm.
Đôi xanh hứng nhịp hùng trầm
(Tơ mưa kết võng ta nằm lá ru
Ta về triền núi ngàn thu
Mộng nghiêng ghềnh đá viễn du Linh Đài...)
Hôm qua, trong tháng năm dài
Ngóng chuông Hải Đức đêm hoài bao đêm.
Hôm nay, nhập tiếng chuông rền
Sóng vàng ban khắp ý Thiên trong ta
Trên đầu đồng dục âm ba
Mắt sương âm áp luyến Tòà Kim Thân
Luyến vùng cô tự Linh Phong
Trong tơ mưa lại đẹp hồng Tuệ Đăng.
Dầu mây đông lấp vàng trắng
Chuông vàng ngân chạm "Hôn băng tuyết" ngời.
Một đêm giác ngủ triền đôi (*)
Ư hương lan nhả mở trời Hoa Thơ.
(Nha Trang, 1973)*

thơ TÂM TÂN

(*) Với con gái Chương Khuê, ngủ lại nơi phòng của Cô Bảy, Chùa Hải Đức.



The Self-Immolation of Buddhist Monk Thich Quang Duc - photo taken by Malcolm Browne

NHỚ THẦY NHÂN MÙA PHẬT ĐẢN SINH

(Tưởng niệm Ngài Thích Quảng Đức và Pháp nạn 63)

*Năm mươi năm pháp nạn
Hương về quê hương mình
Bao bất công xã hội
Tham sân hận vô minh*

*Năm 63 lịch sử
Ngài Quảng Đức tự thiêu
Ngon đức Từ Bi sáng
Lan tỏa khắp năm châu*

*Mùa Đản Sinh nhớ lại
Lời Đức Phật Thích Ca
Hãy tự mình cầm đuốc
Tự soi đường mà đi*

*Trước tham giận mê si
Trước bạo quyền ích kỷ
Chúng ta phải làm gì
Trước vô thường chia ly*

*Biết mọi sự vô ngã
Sống cuộc đời vị tha
Nên trong mỗi sát-na
Thực hành lời Phật dạy.*

This Vesak, Remembering The Most Venerable Thich-Quang-Duc's Self-immolation

Fifty years from the summer of 1963
Remembering our homeland
Still, there are social injustices
Still existed: Hatred, corruption, and ignorance

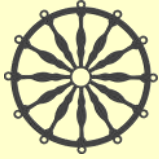
1963 - a historic year
The Venerable Thich Quang Duc self-immolated
The torch of Compassion was lit
Spreading all over the world

For every Vesak season
We must remember the teaching of the Buddha Shakyamuni
We must carry our own torch
For Self-revelation and liberation

Before the three poisons (greed, hatred, and ignorance)
Before the society of selfishness and materials
Whatever we take
Think about the impermanence and separation

Knowing all things have no self
Living life with compassion and altruism
So in every single moment
Embrace and practice the Buddha's teachings.

thơ **TÂM THƯỜNG ĐỊNH**



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH – EXECUTIVE COUNCIL
VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC – STANDING OFFICE

803 S. Sullivan Street, Santa Ana, CA 92704 Tel: (714) 571-0473

TÂM THƯ

VỀ VIỆC MUA NHÀ HÀNG REGENT WEST
4717 W. FIRST STREET, SANTA ANA, CA 92704 LÀM CHÙA MỚI

NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Kính thưa quý Đồng hương Phật tử!

Chùa Bát Nhã tại 803 S. Sullivan Street có mặt tại Orange County từ năm 1993. Trong suốt quá trình hơn 23 năm, Tăng Ni Phật tử đã và đang phục vụ cộng đồng trên phương diện Tôn giáo cũng như giáo dục và từ thiện xã hội bằng tất cả thiện tâm và nỗ lực của người con Phật.

Chùa đã mua thêm lô đất bên cạnh từ năm 2009 và đã tiến hành xin phép xây cất chùa mới từ năm 2010. Đến tháng 5/2016 chùa có giấy phép chính thức xây cất với kinh phí lúc đầu dự trù 4,5 triệu USD nhưng vì kéo dài thời gian hơn 5 năm nên kinh phí xây cất hiện tại đã lên hơn 7 triệu USD.

Sau đó, Chùa thuê lại nhà hàng Regent West để tiến hành xây cất chùa cũ và may mắn tại đây, chủ nhân quyết định bán nhà hàng Regent West cho chùa để làm chùa mới. Chùa Bát Nhã mới tọa lạc tại 4717 W. First Street, góc đường New Hope. Thành phố Santa Ana cũng đã tiến hành cho phép lập Chùa Bát Nhã tại địa điểm mới này. Đây là một cơ sở khang trang, tọa lạc trên mặt tiền đường First (tức đường Bolsa nối dài) với diện tích 1.8 Acre, Parking rộng rãi, gần vùng Little Saigon và tiện việc xe Bus cũng như đi lại. Chánh điện có sức chứa đến 500 người, nhà bếp đầy đủ tiện nghi, phòng ăn sạch sẽ.

Vừa rồi, vào ngày 19 tháng 6, Vía Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, chùa tổ chức Ngày Nhập Tụ tạm thời, Tăng Ni Phật tử tất cả đều hoan hỷ.

Ngày 19/9/2016, chùa đã hoàn thành thủ tục mua chùa mới và sang lại chùa cũ, và nay đã chính thức sinh hoạt tu học tại cơ sở mới này. Đến thời điểm này, chúng tôi rất vui mừng vì đã phân nào thực hiện được tâm nguyện xây dựng ngôi Già Lam, làm nơi sinh hoạt tu học theo giáo lý Phật đà cho thế hệ con em chúng ta trên đất Mỹ này.

Tuy nhiên, điều trăn trở của Chùa hiện nay là **Chùa còn nợ lại 2,5 triệu USD** có lãi suất và chỉ cho vay thời hạn ngắn. Trước đó, chùa đã thử vay từ nhiều ngân hàng nhưng chưa có nơi nào chấp nhận. Kính mong quý Đồng hương Phật tử hoan hỷ phát tâm hộ trì Tam Bảo cúng dường, hay cho chùa mượn không lấy lời, hoặc quý Phật tử cúng dường mỗi tác đất \$200 (*để có sự tin tưởng, mọi đóng góp và cúng dường đều có Receipt để khai thuế*).

Kính mong quý Phật tử hoan hỷ tận tâm ủng hộ cho Chùa có đủ tài chánh để sớm hoàn lại số nợ đó và Chùa sẽ gọi hoàn lại số tiền mà quý vị đã cho mượn trong thời gian sớm nhất.

Sự phát tâm cúng dường của quý Phật tử sẽ góp phần vào công tác Phật sự to lớn này được thành tựu viên mãn. Cầu nguyện mười phương chư Phật thù từ gia hộ cho quý Phật tử và bửu quyến thân tâm luôn an lạc và vạn sự cát tường như ý.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát.

Nay kính,

Ngày 15 tháng 9 năm 2016

Viện Chủ Chùa Bát Nhã

Hòa Thượng Thích Nguyên Trí

Mọi sự phát tâm cúng dường xin gửi về:
Hòa Thượng Thích Nguyên Trí
Bát Nhã Buddhist Temple
4717 W. 1st St., Santa Ana, CA 92703
Phone: 1(714)548-4148 Tel:(714)571-0473
Bank Account #: 325063638819
Routing #: 026009593
BANK OF AMERICA



TRỞ VỀ MỤC LỤC



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH

COUNCIL OF MANAGEMENT
CENTRAL OFFICE

4717 W. First St., Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel: (714) 571-0473 * Fax: (714) 568-1000

THÔNG BÁO TỔ CHỨC AN CƯ KIẾT HẠ 2018

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn đức Tăng, Ni,

An Cư Kiết Hạ là truyền thống đã có từ thời Đức Thế Tôn còn tại thế cho đến nay, qua đó tinh thần hòa hợp và thanh tịnh luôn là yếu tính được biểu hiện trong sinh hoạt của Cộng Đồng Tăng Già; và cũng là điều kiện tác thành của hội chúng có đủ giới đức trang nghiêm, làm nơi nương tựa cho chính mình và tha nhân.

Vi vậy, như thường năm, GHPGVNTNHK đứng ra tổ chức An Cư để tạo điều kiện cho Chư Tăng, Ni ở khắp các Tự Viện xa gần có dịp về một trú xứ, cùng tu, cùng học, cùng sách tấn có nhau trong tinh thần lục hòa cao thượng.

Giáo Hội kính thông báo đến chư Tăng, Ni được liễu tri và tiện việc sắp xếp thời gian lên đường nhập chúng An Cư Kiết Hạ, được tổ chức:

Thời gian: Từ ngày 18 - 28 tháng 06 năm 2018.

Địa điểm: Phật Học Viện Quốc Tế, North Hills, California
9250 Columbus Ave, North Hills, CA 91343
Phone: (818) 893-5317

Đạo tràng trang nghiêm, niềm tin kiên cố, năng lực tinh cần tu tập đang đón chờ chư tôn đức Tăng, Ni thể hiện qua 10 ngày tu tập tại Trường Hạ.

Giáo Hội vẫn an sức khỏe chư Tôn đức Tăng Ni, và tất cả chúng ta cùng gặp nhau nơi Trường Hạ Phật Học Viện Quốc Tế năm nay.

Kính chúc quý Ngài phước trí nhị nghiêm, đạo quả viên thành.

Santa Ana, ngày 5 tháng 5 năm 2018

Văn Phòng Thường Trục Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK
Đệ Nhất Phó Chủ Tịch Nội Vụ

(đã ấn ký)

Sa Môn Thích Nguyên Trí



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH

COUNCIL OF MANAGEMENT
CENTRAL OFFICE

4717 W. First St., Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473 * Fax: (714) 568-1009

THÔNG BÁO SỐ 2

Tổ Chức An Cư Kiết Hạ 2018 Tại Chùa Huệ Quang, Santa Ana

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn đức Tăng, Ni,

Hoàng dương Phật Pháp là việc nhà. An Cư Kiết Hạ là việc tiến tu đạo nghiệp của mỗi thành viên trong Cộng Đồng Tăng Già. Trên con đường hoàng dương Phật Pháp, có hình ảnh của chư Tăng Ni đi đến từng nhà, từng địa phương, từng quốc độ để thuyết pháp, giảng dạy làm lợi ích cho tha nhân, và mang lại sự an lành cho xã hội. Truyền thống An Cư Kiết Hạ là vân tập về ở một trú xứ, cùng tu, cùng học, cùng sách tấn cho nhau trên tinh thần giới luật, ngõ hầu trang nghiêm tự thân, làm nơi nương tựa cho kẻ khác, và thấp sáng ngọn đuốc tự tri, tự giác, tự chứng để cho mạng mạch Phật Pháp được trường lưu. Đây là bản hoài của Đức Thế Tôn và chư vị lịch Đại Tổ Sư mà trong đó có dòng lịch sử hơn hai ngàn năm của Phật Giáo Việt Nam.

GHPGVNTNKH tiếp nối ngọn đèn tỏ rạng được đốt cháy bằng năng lượng truyền tri giới luật trong những mùa An Cư Kiết Hạ suốt hai thập niên qua. Năm nay Giáo Hội khuyến tấn và tạo thêm điều kiện thuận lợi cho chư Tăng, Ni ở các địa phương, tùy theo hoàn cảnh sở tại mà tổ chức An Cư Kiết Hạ. Riêng tại Miền Nam California, ngoài Trường Hạ Phật Học Viện Quốc Tế được tổ chức từ ngày 18-28 tháng 6, Giáo Hội với sự hứa khả của Hòa Thượng Thích Minh Mẫn, Viện Chủ Chùa Huệ Quang, sẽ cùng tổ chức Trường Hạ Chùa Huệ Quang:

Thời gian: Từ ngày 1-8 tháng 07 năm 2018.

Địa điểm: Chùa Huệ Quang, 4918 Westminster Ave., Santa Ana, CA 92703; điện thoại: (714) 530-9759.

Đây chính là tinh thần hoà hợp, và sự biểu tỏ tâm lòng chia sẻ Phật sự với nhau trong Cộng Đồng Tăng Già.

Vi hạnh phúc của nhiều người, vì an lạc của số đông, vì trường dưỡng công đức ngoại hộ trường hạ một cách tận tâm của nam nữ cư sĩ Phật tử Đạo Tràng Chùa Huệ Quang, kính thông tri đến chư tôn đức Tăng Ni để sắp xếp Phật sự địa phương về tham dự Trường Hạ Chùa Huệ Quang một cách tinh tấn và trang nghiêm.

Kính chúc chư tôn đức Tăng, Ni phước trí nhị nghiêm, Phật sự thành tựu.

Santa Ana, ngày 19 tháng 5 năm 2018
Văn Phòng Thường Trực Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKH
Đệ Nhất Phó Chủ Tịch Nội Vụ
(đã ấn ký)
Sa Môn Thích Nguyên Trí

Tỏa sáng từ bùn

TN ĐIỀU PHÚC

Lời người dịch: Câu chuyện ngắn này xảy ra cách đây hơn 25 thế kỷ tại thành Xá Vệ nước Ấn Độ. Vào thời điểm mà sự phân chia giai cấp vô cùng khốc liệt tại đất nước này.

Theo lịch sử, xuất thân từ giới quyền quý, là một thái tử duy nhất của thành Ca-tỳ-la-vệ, nhưng Ngài đã giữ bỏ tất cả để sống cuộc đời khổ sĩ khổ hạnh chỉ vì muốn cứu độ muôn loài - Ngài chính là đức Thế tôn, là Phật, đấng Giác ngộ.

Có tâm đại bi và sự bình đẳng tuyệt đối nào hơn với câu chuyện dưới đây, chỉ là một trong muôn vàn sự thể hiện giữa Đức Phật và chàng gánh phân thuộc tầng lớp cùng đinh hạ tiện tên Ni Đề?

Đức Phật: Vào buổi sáng khi mặt trời vừa lên cao, Đức Phật cùng chúng đệ tử ôm bình bát đi vào thành, tất cả đều trang nghiêm hoàn thiện. Mọi người nghe đức Phật vào thành vô cùng phấn chấn hân hoan.

Ni Đề: Người dọn phân dơ đầu bù tóc rối, áo quần rách rưới bẩn thỉu, trên vai vác nặng thùng phân đi đổ rất xa. Trên đường Ni Đề bỗng gặp đức Phật. Anh ta chiêm ngưỡng tôn nhan Ngài như thấy biển rộng bao la. Ánh sáng lan tỏa từ thân Ngài như khối vàng ròng tinh khiết rạng ngời giữa đại chúng. Tưởng tốt thù thẳng vì diệu của đức Thế tôn thật hoàn hảo với công đức viên dung. Nhìn lại mình: Một kẻ nhơ nhớp thấp hèn, làm sao ta gặp Phật? Ni Đề quay bước rẽ sang con đường khác nhưng trong lòng lại buồn khổ vô cùng:

"Đời trước ta không tạo phước nghiệp, lại gây ra bạo điều xấu ác nên phải chịu nỗi khổ này. Ta không buồn vì cái nghề hạ tiện nhưng xót xa khi thấy mọi người được đến chỗ Phật, còn ta thì bẩn thỉu hôi thối làm sao có thể đến bên Ngài? Khó thay được làm người - khó có thể gặp được!" Ni Đề lẩn tránh thật xa.

Đức Phật: Lòng đại bi bình đẳng của đức Như lai vẫn dõi theo bước chân của Ni Đề không rời. Ngài hiện thân nơi con đường nhỏ và đứng ngay trước mặt Ni Đề.

Ni Đề: Vô cùng kinh sợ nghĩ thầm: "Ta đã tránh đức Phật nhưng rồi lại gặp. Bây giờ ta phải tránh nơi nào đây?" Vẫn ý nghĩ mặc cảm mình bẩn thỉu và nghĩ nếu ta đến gần Ngài tội báo của ta sẽ nặng thêm. Ni Đề rẽ vào con hẻm khác. Nhưng đức Phật đã đứng ở con hẻm đó rồi. Quanh co bao nhiêu hẻm cùng ngõ hẻm Ni Đề vẫn thấy đức Phật. Anh ta xấu hổ và tự

nguyên rủa mình.

Có một thầy Tỳ kheo trong đại chúng thấy vậy suy nghĩ: Đức Phật vào thành, sao không đi khất thực theo từng nhà giàu sang hay nghèo khó mà lại đi theo chàng gánh phân? Chắc là có nguyên nhân.

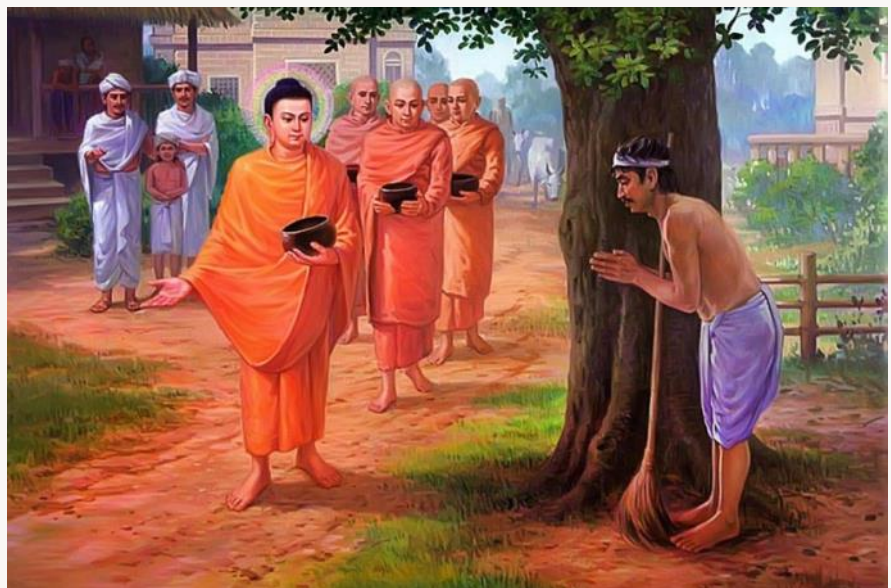
Ni Đề: Hết đường lẩn tránh vì không biết ẩn nấp nơi nào, anh ta chấp tay nhìn xuống đất nói: "Ngài có thể hộ trì tất cả chúng sanh. Xin Ngài hé mở một chỗ nhỏ để dung chứa thân con."

Đức Phật: Lòng thương xót vô biên, vì sự an lạc lợi ích cho tất cả chúng sanh, với phong thái từ hòa, sắc diện hoan hỷ, Ngài đến bên Ni Đề an ủi bằng giọng triu mến vỗ về.

Ni Đề: Như không tin vào tai mình, Ni Đề còn nghi ngờ: Lễ nào đức Thế tôn trong ba cõi lại gọi người bẩn thỉu như ta, hay là trong đây có người nào trùng tên?

Đức Phật: Đưa tay về phía Ni Đề, với những ngón tay đẹp chưa từng thấy trên đời. Ngài muốn khích lệ tinh thần Ni Đề nên nói: "Con có duyên lành cho nên ta mới đến, sao con cố lẩn tránh ta? Hãy nên đứng lại đây. Thân con tuy không sạch nhưng lại có thiện tâm vô thượng thù thẳng, đừng cho mình kém cõi thấp hèn."

Ni Đề: Lúc này mới dám mở mắt ra và thấy đức Thế tôn



hiển hiện. Anh ta thưa: “Bạch đức Thế tôn! Ngài là chỗ trở về cho những người không nơi nương tựa, những người thiếu phước duyên Ngài lại xem như con. Tâm Ngài vô cùng bình đẳng. Những lời dạy của Ngài như dòng nước cam lồ tưới mát thân tâm con.”

Đức Phật: “Con có thể xuất gia được không?”

Ni Đề: Quá đỗi vui mừng thưa: “Người thuộc dòng hạ tiện như con mà có thể xuất gia được sao? Nếu con được xuất gia chẳng khác nào như người ở địa ngục được đem lên ở trên trời.”

Đức Phật: Con không nên nghĩ thế, Như lai không phân biệt dòng họ hay nghèo giàu. Trong giáo pháp ta tử bi không thiên lệch. Vì tất cả chúng sanh, ta là con đường an ổn cho những ai có hạt giống thiện. Làm gì có sự giải thoát dành cho người này mà người khác lại

không? Hãy tin ta mà xuất gia.

Ni Đề: Được Đức Phật cho xuất gia và đắc quả A-la-hán.

Trong thành Xá Vệ nghe tin Ni Đề xuất gia, tất cả mọi người đều phẫn nộ: “Cái tên Ni Đề hèn hạ bán thiu mà xuất gia. Nếu như có cuộc lễ hân đến đây sẽ làm dơ bẩn nhà cửa, giường ghế của chúng ta.”

Tin đồn này đến tai vua Ba-tư-nặc. Nhà vua muốn biết chính xác liền dẫn đoàn tùy tùng đến tịnh xá để bạch Phật và tìm cách ngăn cản sự kiện này.

Vua và đoàn tùy tùng đến tịnh xá Kỳ Hoàn. Họ trông thấy một thầy Tỳ kheo ngồi trên tảng đá khâu vá chiếc y trăm mảnh. Chung quanh thầy Tỳ kheo lại có vô số chư thiên đứng hầu, có người cung kính chắp tay, có người lấy chỉ, có người xâu kim...

Nhà vua bảo thầy Tỳ kheo: “Thầy vào bạch đức Thế tôn hộ ta là có vua Ba-tư-nặc đang đứng ngoài cửa muốn gặp Phật.”

CHÂN THẬT MÀU GÌ

*Những lời tôi đánh rơi
những lời tôi làm mất
có mấy phần chân thật
có mấy phần dối gian*

*Hôm qua lỡ vội vàng
hôm nay đành tiếc muộn
ngày xưa đừng ước muốn
giờ khỏi phải chán chê*

*Con sông đang trôi đi
cánh bèo nào dạt lại
dòng đời thì chảy mãi
tôi chẳng lẽ hoài... tôi!?*

*Chín lời tôi nói chơi
một lời tôi nói thật
là lời tha thiết nhất:
tình yêu sẽ đổi màu!*



thơ NGUYỆT THẢO

Thầy Tỳ kheo nghe xong liền ẩn thân trong đá nhự vào trong nước rồi đến chỗ bạch Phật. Bạch Phật xong, thầy từ đó hiện ra báo lại cho nhà vua.

Vua đánh lễ Phật, thăm hỏi và bạch đức Thế tôn:

“Vừa rồi thầy Tỳ kheo kia là ai mà được chư thiên cung kính chung quanh và ra vào trong đá không bị trở ngại?”

Đức Thế tôn bảo: “Ngài muốn biết thầy Tỳ kheo đó ư? Chính là người hạ tiện Ni Đề mà nhà vua muốn tìm đến hỏi ta đó.”

Nhà vua quá đỗi kinh ngạc ngã ra bất tỉnh. Sau đó ông tự trách “Ta đã tự đốt cháy mình. Tại sao một đại đức như vậy ta lại khinh thường?”

Đức Phật dạy: “Bốn giai cấp đều có thể thanh tịnh như nhau. Trong pháp Phật không có sự chọn lựa hay

phân biệt giai cấp, chỉ có xem xét nhân duyên thiện ác. Và chỉ có tìm hiểu giới hạnh thanh tịnh, chứ không tìm gia môn trong sạch. Quán sát trí tuệ người ấy chứ không tìm hiểu nơi sanh của họ... Người sanh nơi dòng họ cao quý có đức hạnh đáng được cúng dường. Người sanh nơi dòng hạ tiện có đức hạnh cũng được cúng dường.

Nhà vua và đoàn tùy tùng nghe đức Phật dạy, chí thành đánh lễ dưới chân Ngài: “Đấng Nhất thiết chủng trí là người bạn thân thiết của tất cả chúng sanh. Ngài mở tất cả cửa giải thoát bằng nhiều phương tiện. Ngài chính là bậc thầy thanh tịnh bình đẳng tối thượng.

(Lược dịch từ Đại Trang nghiêm kinh luận, Chương 43, Q.7)

CỘNG NGHIỆP CÙNG HỘI CÙNG THUYỀN

Quảng Tánh

Quan sát bản thân và cuộc sống, chúng ta thấy rất rõ những người có tâm tính và sở thích giống nhau thường tìm kiếm để tụ hội với nhau. Sự phong phú và đa dạng của những câu lạc bộ, hội, nhóm chuyên về tôn giáo, tư tưởng, thi ca, nghệ thuật, âm nhạc, ăn uống, giải trí v.v... đã phản ánh chính xác điều này.

"**Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu,**" những người có chung sở thích thường bị cuốn hút vào nhau tạo thành một giới. Trong xã hội có nhiều giới, từ giới tu hành, giới tinh hoa, giới văn nghệ sỹ, giới trí thức... cho đến giới lao động, giới bình dân, thậm chí có cả giới ăn nhậu, cờ bạc, lừa lọc, trộm cướp. Theo nhà Phật, khi có cùng cộng nghiệp thì họ thường tự lôi cuốn tập hợp lại với nhau.

"**Một thời, Đức Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà thuộc nước Xá-vệ, thì bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:**

Chúng sanh thường tụ hội theo giới, hòa hợp với giới. Thế nào là chúng sanh thường tụ hội cảnh giới? Khi chúng sanh tâm hành bất thiện thì cùng tụ hội với cảnh giới bất thiện. Khi tâm hành thiện thì cùng tụ hội với giới thiện. Thiện tâm đi cùng với thiện giới. Thắng tâm đi cùng thắng giới. Tâm hèn cùng đi với giới hèn. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy học như vậy, chúng loại sai biệt của giới thiện.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành."
(Kinh Tạp A-hàm, kinh số 445)

Phật dạy thật rõ ràng "**Chúng sanh tâm hành bất thiện thì cùng tụ hội với cảnh giới bất thiện. Khi tâm hành thiện thì cùng tụ hội với giới thiện.**" Vấn đề ở mỗi con người là thiện tâm cũng nhiều mà ác niệm cũng lắm. Ta cũng

cầu mong tu sửa bản thân, hướng về điều thiện lành nhưng đồng thời cũng dễ sa ngã trước những cám dỗ, thấy vui liền bị cuốn theo. Vì thế "**chọn bạn mà chơi**" là điều ai cũng biết, thậm chí là kiến thức vỡ lòng nhưng lại trở nên vô cùng cần thiết.

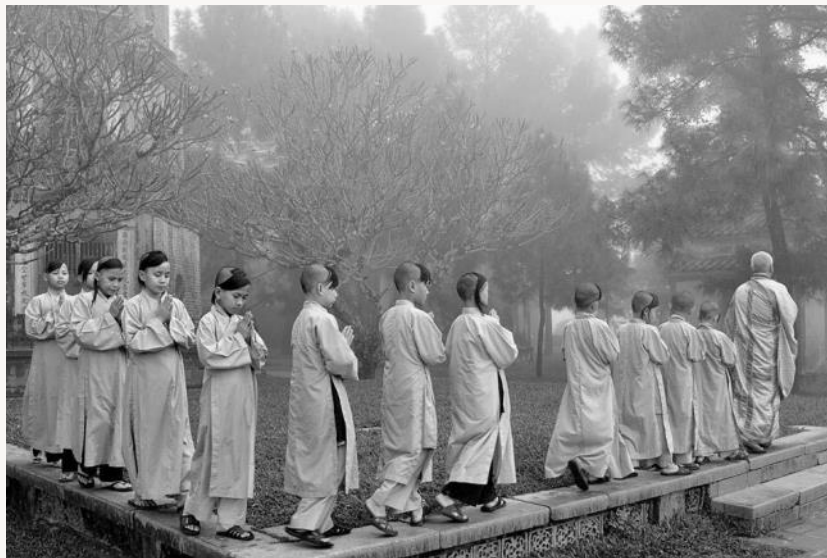
Cho nên, một khi đã thấy được tác hại của việc đi theo hội chúng bất thiện "**gần mực thì đen**" cần phải nhanh chóng thay đổi để "**gần đèn thì sáng.**" Những vị thầy hiền, bạn tốt; những hội chúng thanh tịnh, đạo đức, sống cho

người chính là thiện tri thức, là đuốc sáng soi đường cho chúng ta. Cần phải tìm cách để nương tựa, sống chung để học hỏi, noi gương họ nhằm tự hoàn thiện mình. Đó là những cộng nghiệp thiện lành nâng đỡ, trợ duyên cho chúng ta làm lành, lánh dữ, tăng thêm phần phước.

Để duy trì và phát khởi thiện

tâm, trước hết chúng ta phải phân biệt rõ ràng giữa thiện và ác. Nhờ thấy rõ điều ác cùng các quả báo xấu nên sợ hãi và tránh xa các hội chúng bất thiện. Nhờ biết rõ điều thiện cùng các phước báo thù thắng nên ưa thích gần gũi các bậc thiện tri thức, siêng năng làm các việc lành. Cụ thể là mỗi tháng ít nhất nên có hai ngày ăn chay, đến chùa lễ Phật, niệm kinh, nghe pháp, cúng dường, tu tâm dưỡng tánh. Kết duyên với những pháp lữ và những hội chúng thanh tịnh để cùng nhau học tập, thực hành lời Phật dạy. Chính nhờ gắn kết thiện duyên với những hội chúng thực học, chân tu mà mỗi người có thể giữ mình trong sạch trước cám dỗ và những thói hư tật xấu để ngày càng hoàn thiện mình hơn.

(Thư Viện Hoa Sen)



GIỮA CON ĐƯỜNG VỚI VẾT TRẦM

(Trích từ khổ thơ 23 đến 33)

23

Mùa đông tuyết đổ bên trời
Nhớ người chung cuộc, nói lời thiết tha
Em lên chùa lễ Phật-đà
Thành tâm quỳ dưới pháp toà Như Lai

24

Búp măng xâu chuỗi hoa lài
Chắp tay cung kính bên đài hoa sen
Nhiếp tâm buông bỏ mọi duyên
An lành hơi thở một miền lạc an

25

Cõi lòng chợt mở thênh thang
Trăm năm một kiếp hồng nhan sá gì
Tựa hồ một vết chim di
Phát phơ tuyết phủ thôi thì thế thôi

26

Tâm kinh dầu đã thuộc rồi
Mà sao bên giác vẫn hoài ngóng trông
Mình lười chẳng chịu cất công
Chơi trong ngũ dục mà mong hồi đầu

27

Trời đông lòng giục nẻo sầu
Nhớ thương cha mẹ từ lâu chưa về
Nghĩ mà trong dạ tái tê
Sinh thành dưỡng dục bây giờ suy hao

28

Thân này từ giọt máu đào
Thần này cha mẹ truyền trao nên người
Công này ghi nhớ suốt đời
Ơn này cao rộng biển trời xiết bao

29

Phật môn có lắm lối vào
Hiếu là gốc đạo ban đầu mà nên
Ơn thầy pháp lữ không quên
Đàn na tín thí cùng trên đời này

30

Tuyết mùa đông phát phơ bay
Sa-bà dâu bể thảng ngày dần qua
Người ơi có biết chăng là
Chỉ nương hơi thở vào ra diệu kỳ

31

Kể từ cố quận ra đi
Mấy mùa em hời có gì bán khoán
Một hôm quỳnh nở đêm trăng
Nôn nà trinh khiết dải dăng cố nhân

32

Tuyết trần nhan sắc thanh tân
Nở trong giây phút mấy lần gặp nhau
Tình nào chẳng chút thương đau
Đời dù đẹp vẫn sầu thao thức sầu

33

Một trời cố quận xanh màu
Một vùng phương ngoại từ lâu đã từng
Này đây một niệm lay lòng
Mười phương vô tận trùng trùng mở ra...

thơ DU TÂM LÃNG TỬ



ĐẠI LỄ PHẬT ĐÀN TẠI NAM CALI THÀNH TỰU VIÊN MÃN

Huỳnh Kim Quang (VB)

FOUNTAIN VALLEY, CALIFORNIA (VB) -- Đại Lễ Phật Đản Phật Lịch 2562 -2018 do Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và Cộng Đồng Phật Giáo Việt Nam Nam California tổ chức vào Thứ Bảy và Chủ Nhật, ngày 5 và 6 tháng 5 năm 2018 tại Công Viên Mile Square Park, thành phố Fountain Valley, Nam California, thành công viên mãn, với sự chứng minh của hàng trăm chư tôn đức Tăng, Ni và sự tham dự của hàng ngàn người, gồm các vị trong Hội Đồng Liên Tôn, các vị dân cử, đại diện dân cử liên bang, tiểu bang, địa hạt và các thành phố..., các tổ chức Cộng Đồng Người Việt, các vị đại diện hội đoàn, đoàn thể, các cơ quan truyền thanh, truyền hình, báo chí, và đồng hương Phật tử.

Trưa Thứ Bảy, ngày 5 tháng 5 năm 2018, lễ rước chư anh linh vị Pháp vong thân, chiến sĩ trận vong, và đồng bào tử nạn do đạo hữu Hoàng Tấn Kỳ điều hợp dẫn đầu với đoàn xe Jeep quân đội, theo sau một chiếc xe hoa và xe chở Chư Tôn Đức Tăng Ni từ Chùa Bát Nhã, Tượng Đài Chiến Sĩ Việt Mỹ và Tượng Đài Thuyền Nhân thuộc thành phố Westminster về tôn trí tại khuôn viên lễ đài trong công viên Mile Square Park, đã được long trọng cử hành với sự chứng minh và hành lễ của chư tôn đức Tăng, Ni và Ban Tổ Chức Đại Lễ Phật Đản Phật Lịch 2562.



Chiều cùng ngày là lễ sám tịnh đàn tràng nơi cử hành Đại Lễ Phật Đản PL 2562 do chư tôn Giáo Phẩm lãnh đạo GHPGVNTNKH và chư tôn đức Tăng, Ni tại các tự viện Nam Cali đã



được trang nghiêm cử hành. Quang lâm chứng minh lễ sám tịnh đàn tràng gồm quý Hòa Thượng Thích Tín Nghĩa, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKH; Hòa Thượng Thích Quảng Thanh, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Trên Thế Giới và nhiều chư tôn đức Tăng, Ni.

Sau đó là phần giới thiệu và chấm điểm 49 vườn Lâm Tỳ Ni thu gọn được trưng bày chung quanh Vườn Lâm Tỳ Ni bên cạnh Lễ Đài Đại Lễ Phật Đản do các em Phật tử tự thực hiện và tham gia chương trình có giải thưởng. Mục đích



của chương trình này, theo Thượng Tọa Thích Pháp Tánh, Trụ Trì Chùa Khánh Hỷ, thành phố Garden Grove, Trưởng Ban Tổ Chức Đại Lễ Phật Đản Phật Lịch 2562, cho biết là để khuyến



khích giới trẻ Phật tử hiểu biết về cuộc đời đức Phật nói chung và về sự ra đời của Ngài nói riêng. Đây là một sáng kiến độc đáo của Thượng Tọa Trưởng Ban Tổ Chức Đại Lễ Phật Đản năm nay và được nhiều người tán thưởng. Đặc biệt là Vườn Lâm Tỳ Ni được thiết kế dưới gốc cây với Hoàng Hậu Maha Maya và Thái Tử Tất Đạt Đa thị hiện đi trên 7 đóa sen.

Cùng buổi chiều Thứ Bảy còn có chương trình thuyết giảng khái quát về cuộc đời đức Phật bằng tiếng Anh do Thượng Tọa Thích Tịnh Mẫn đảm trách nhằm giới thiệu sơ lược những nét chính trong cuộc đời của đức Phật cho giới trẻ không rành tiếng Việt có sự hiểu biết đúng đắn.

Chủ Nhật, ngày 6 tháng 5 năm 2018 là ngày chính thức của Đại Lễ Phật Đản Phật Lịch. 2562-2018.

Mở đầu cho ngày đại lễ chính thức, một đoàn xe jeep chở chư tôn Giáo Phẩm cùng với chiếc xe hoa có Đức Phật Đản Sinh, do đạo hữu Hoàng Tấn Kỳ hướng dẫn, dẫn đầu đoàn xe Moto của Luật Sư Đỗ Phủ đã diễn hành trên đại lộ Bolsa, qua một số đường dẫn đến Mile Square Park.

Tại địa điểm hành lễ, từ sáng sớm, chư Tăng, Ni và Phật tử các nơi đã lần lượt tề tựu. Khuôn viên Đại Lễ cờ xí tung bay, mọi người tận tụy trong chức phận của mình để lo hoàn tất những công việc sau cùng trước khi các khóa lễ chính thức bắt đầu. Trên Lễ Đài, tượng đức Phật Sơ Sinh đứng trên tòa sen trang nghiêm, với hoa quả màu sắc tươi tắn và thanh khiết dâng lên cúng dường ngày Đản Sanh của Đức Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni. Chung quanh lễ

đài, trên hai chục gian hàng ẩm thực và văn hóa của các tự viện, các tổ chức, các đạo tràng, các trung tâm Phật Giáo trang hoàng và trưng bày đầy đủ thức ăn nước uống, sách báo và hình tượng.

10 giờ sáng, Đại Đức Thích Đức Trí, vị MC có giọng nói thanh thoát và đạo vị, điều hợp chương trình tổng quát của 2 ngày Đại Lễ Phật Đản, cung thỉnh chư tôn đức Tăng, Ni thực hiện lễ khất thực để làm ruộng phước cho chư Phật tử gieo hạt phước đức. Hình ảnh trên 300 chư tôn đức Tăng, Ni với y vàng rực rỡ, tay ôm bình bát, thông thả từng bước chân đi khất thực chung quanh Lễ Đài làm gợi nhớ hình ảnh thiêng liêng của Tăng Đoàn thời Đức Phật còn tại thế vào mỗi sáng đi khất thực từ nhà khắp các thôn làng và thành thị của Ấn Độ. Đồng hương Phật tử xếp hàng dọc theo khuôn viên Đại Lễ tuần tự dâng phẩm vật cúng dường lên chư tôn đức Tăng, Ni.

Sau khi khất thực, chư tôn đức Tăng, Ni vẫn tập về lều trai đường để thọ nhận cúng dường Trai Tăng do Ban Tổ Chức và Chùa Phật Tổ tại thành phố Long Beach do Hòa Thượng Thích Thiện Long làm Viện Chủ cúng dường. Trong lúc này ban tổ chức mời đồng hương Phật tử đến các căn lều của Đạo Tràng Chùa Phổ Linh do Ni Sư Thiền Tuệ làm Viện Chủ để dùng các món ăn chay do đạo tràng khoản đãi, đây là lần thứ hai mà đạo tràng chùa Phổ Linh đã phát tâm phục vụ đồng hương trong ngày Đại Lễ Phật Đản.

Đúng 12 trưa, lễ cung nghinh chư tôn đức Giáo Phẩm Giáo Hội và chư Tăng, Ni quang lâm lễ đài để cử hành Đại Lễ Chính Thức được diễn



ra vô cùng trọng thể và trang nghiêm. Đoàn cung nghinh không chỉ rước tượng đức Phật Sơ Sinh mà còn tái hiện tinh thần Phật Giáo Việt Nam thời nhà Trần, với đoàn rước vị Tăng Cang do Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Thắng Hoan đảm nhận vai trò Tăng Cang và vai Vua Trần Nhân Tông cùng quần thần đi theo sau.

Khi đoàn cung nghinh còn đang trên đường tới Lễ Đài, Đại Đức MC Thích Đức Trí đã mời mọi người ngược nhìn lên bầu trời để chiêm ngưỡng vòng hào quang ngũ sắc bao quanh mặt trời vào đúng giờ Ngọ, tức hơn 12 giờ trưa một tí. Hầu như tất cả mọi người có mặt trong khuôn viên Đại Lễ đều chứng kiến cảnh kỳ diệu này và ai nấy đều lấy điện thoại cầm tay ra để chụp lấy hình ảnh đẹp tuyệt vời mà có lẽ ít khi gặp được.



1 giờ chư tôn đức Tăng, Ni cử hành Nghi Thức Khánh Đản với phần tụng kinh bằng tiếng Pali và tiếng Việt, do Thượng Tọa Thích Tâm Lương, Trưởng Ban Nghi Lễ của Ban Tổ Chức, làm Duy Na và Thượng Tọa Thích Hương Niệm làm Duyệt Chúng. Lời kinh được tất cả chư tôn đức Tăng, Ni và Phật tử dị khẩu đồng âm cất lên hòa cùng với tiếng chuông, mõ, linh khánh giữa công viên yên lặng như một tấu khúc của đại chúng xứng tụng sự xuất trần hy hữu của đấng Đại Giác Thế Tôn.

*"Đệ tử hôm nay,
Gặp ngày Khánh đản,
Một dạ vui mừng,
Cúi đầu đánh lễ
Thập phương Tam thế,
Điều Ngự Như Lai,
Cùng Thánh, Hiền, Tăng..."*

Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu, Tổng Thư Ký Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKH, trong phần thuyết trình về Đại Lễ Phật Đản Phật Lịch 2562, đã nhân dịp này nhắc đến 3 công tác Phật sự thường kỳ mỗi năm mà GHPGVNTNKH thực hiện, gồm tổ chức Đại Lễ Phật Đản Chung mà nần nay do TT Thích Pháp Tánh, Trụ Trì Chùa Khánh Hỷ thành phố Garden Grove làm Trưởng Ban Tổ Chức; Khóa An Cư Kiết Hạ cho chư Tăng, Ni mà năm nay sẽ diễn ra vào tháng

6 tại Phật Học Viện Quốc Tế thành phố North Hills, do TT Thích Minh Chí làm Trụ Trì và tại Chùa Huệ Quang thành phố Santa Ana do Hòa Thượng Thích Minh Mẫn làm Viện Chủ; và Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ mà năm nay 2018 do Hòa Thượng Thích Thông Hải, Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ kiêm Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội, tổ chức tại Hawaii vào cuối tháng 9.



Chương Trình Đại Lễ theo nghi thức hành chánh được diễn ra tiếp theo với sự điều hợp của Giáo Sư Tiến Sĩ Huỳnh Tấn Lê và xưởng ngôn viên Minh Phương. Mở đầu là phần chào quốc kỳ và hát quốc ca Việt Nam Cộng Hòa, Phật Giáo và Hoa Kỳ cũng như phút nhập từ bi quán để cầu nguyện cho âm siêu dương thối, quốc thái dân an. Phần hát quốc ca VNCH và Phật Giáo do Ban Hợp Ca Hải Triều Âm của Nhạc Sĩ Nam Hưng và Chùa Khánh Hỷ thực hiện.

Đại Đức Thích Đức Trí giới thiệu chư tôn Giáo Phẩm lãnh đạo Giáo Hội, gồm Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Thắng Hoan, Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNKH; Hòa Thượng Thích Tín Nghĩa, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKH; HT Thích Phước Thuận, thành viên Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNKH; HT Thích Nguyên Trí, Đệ Nhất Phó Chủ Tịch Nội Vụ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKH; HT Thích Minh Tuyên, Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ GHPGVNTNKH; HT Thích Nhật Quang, Phó Chủ Tịch Nội Vụ GHPGVNTNKH; HT Thích Thông Hải, Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ kiêm Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội GHPGVNTNKH; HT Thích Nguyên Siêu, Tổng Thư Ký Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKH; HT Thích Thiện Long Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Tài Chánh GHPGVNTNKH, HT Thích Minh Hôi, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Kiến Thiết GHPGVNTNKH; HT Thích Giác Sĩ, Tổng Vụ Phó Tổng Vụ Hoảng Pháp GHPGVNTNKH; HT Thích Minh Dung, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Văn Hóa GHPGVNTNKH; HT Thích Nhật Huệ, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Thanh Niên GHPGVNTNKH; HT Thích Minh Mẫn Viện Chủ Tổ Đình Huệ Quang cùng tất cả chư tôn đức Tăng, Ni tham dự Đại Lễ.



MC Minh Phượng giới thiệu các quan khách tham dự, gồm quý vị Đại Diện Hội Đồng Liên Tôn Việt Nam Hoa Kỳ, Chủ Tịch Hội Đồng Giám Sát Quận Cam Andrew Đỗ, Thị Trưởng Fountain Valley Michael Võ, Thị Trưởng Westminster Tạ Đức Trí và các nghị viên Tyler Diệp, Kimberly Hồ, Sergio Contreras; ông Phát Bùi, Nghị Viên Thành Phố Garden Grove kiêm Chủ Tịch Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Nam California và nghị viên Garden Grove Nguyễn Thu Hà; Giám Đốc Sở Vệ Sinh Midway City Nguyễn Mạnh Chí; Đại Diện Dân Biểu Hoa Kỳ Alan Lowenthal là Lý Vĩnh Phong; Đại Diện Dân Biểu Hoa Kỳ Lou Correa là Christy Lê; Chủ Tịch Cộng Đồng Người Việt Liên Bang Hoa Kỳ Bác Sĩ Võ Đình Hữu; Chủ Tịch Hiệp Hội Người Việt San Diego Phạm Thanh Liêm và phái đoàn; Chủ Tịch và Phó Chủ Tịch Cộng Đồng Việt Nam San Diego Bà Đặng Kim Trang và ông Nguyễn Văn Lực, Tiến Sĩ Phạm Kim Long và phu nhân; Ban Hướng Dẫn Gia Đình Phật Tử Việt Nam Hoa Kỳ; đại diện các cơ quan truyền thanh, truyền hình và báo chí trong cộng đồng người Việt tại Quận Cam, v.v...

Trong phần Diễn Văn Khai Mạc, Thượng Tọa Thích Pháp Tánh, Trưởng Ban Tổ Chức Đại Lễ Phật Đản Phật Lịch 2562, có đoạn nói rằng, "Hằng năm cứ mỗi độ trăng tròn tháng Vesaka, người con Phật ở khắp muôn nơi đều hướng lòng về vùng đất thiêng, nơi mà cách đây hơn 26 kỷ nguyên, Bậc vĩ nhân, đấng xuất thế thị hiện ra đời, đánh dấu bước ngoặt trọng đại của lịch sử nhân loại, mở ra cái nhìn mới về vũ trụ, nhân sinh, vốn đã ăn sâu trong tâm thức con người từ thời khai thiên lập địa. Nhiều học giả nghiên cứu về tôn giáo đã nhìn nhận Đạo Phật là một tôn giáo nhân bản, thiết thực và gần gũi với con người. Những tư tưởng triết lý trong lời giáo huấn của Đức Thế Tôn là bức thông điệp hàm chứa tinh thần từ bi, bình đẳng và vị tha. Chính những yếu tố này đã hình thành một tôn giáo mang sắc thái hòa bình, ảnh hưởng sâu đậm trong đời sống tâm linh của nhân sinh.

"Trong tác phẩm "Đạo Phật và Bức Thông Điệp Về Hòa Bình" của Saksana Rakesh có đoạn viết rằng, "Phật giáo có quan hệ mật thiết với hòa bình. Trong lịch sử lâu dài, chúng ta

hầu như không tìm thấy bằng chứng về bạo lực, giết hại, hận thù tôn giáo. Phật giáo chỉ sử dụng một thanh kiếm, đó là thanh kiếm của trí huệ và chỉ nhận ra một kẻ thù, đó là sự vô minh." Từ ý nghĩa trên, chúng ta hiểu thêm về giá trị của Phật Giáo, qua việc hướng dẫn nhân loại tìm thấy được dự an bình trong tâm hồn, và giải thoát mọi khổ đau ràng buộc của cuộc đời.

"Trên tinh thần đó, từ khi Phật Giáo Việt Nam du nhập vào đất nước Hoa Kỳ, đã sớm vượt qua mọi ranh giới chủng tộc, địa phương, hội nhập vào đời sống của cộng đồng bản xứ. Nhiều tự viện, tịnh xá, trung tâm tu học của các đoàn thể thanh thiếu niên, Gia Đình Phật Tử, từng bước hình thành và phát triển, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tâm linh và duy trì bản sắc văn hóa của cộng đồng người Việt khắp mọi tiểu bang Hoa Kỳ."

Luật Sư Andrew Đỗ, Chủ Tịch Hội Đồng Giám Sát Quận Cam, trong lời chào mừng, nói rằng ông đại diện cho 3.5 triệu cư dân Quận Cam hoan nghênh chư tôn Đức và đồng hương tham dự Đại Lễ. Ông cho biết ngày đản sanh của đức Phật là ngày trọng đại nhất của nhân loại vì sự ra đời của Ngài bao hàm ý nghĩa cứu khổ cho chúng sinh. Ông nói hàng năm GHPGVNTNHK tổ chức Đại Lễ Phật Đản trọng ước nguyện đem lại an bình cho dân tộc. Ông tự sách tấn mình mà cũng là khuyến tấn mọi người rằng nguyện noi gương đức Phật tuân thủ theo con đường Bát Chánh Đạo, thực hành làm lành, lánh dữ giữ tâm ý trong lành. Ông cũng đã tặng bằng tưởng lực tán thán công đức của chư tôn đức lãnh đạo Giáo Hội đã đóng góp cho cộng đồng và tặng bằng tưởng lực cho Thượng Tọa Trưởng Ban Tổ Chức và đạo hữu Huỳnh Tấn Lê.

Hòa Thượng Thích Tín Nghĩa, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK, đã thay mặt Giáo Hội tán dương công đức các chùa tại miền Nam California đã cùng với Giáo Hội tổ chức Đại Lễ Phật Đản thành công viên mãn. Xưng tụng sự xuất thế của đức Phật, Hòa Thượng Chủ Tịch nói rằng nơi nào có Phật ra đời thì nơi đó có Pháp lạc. Nhưng Pháp lạc chỉ đến khi thực hành đúng mức Giáo Pháp của đức Phật.



Cuối cùng, Hòa Thượng cầu nguyện cho Chánh Pháp trường tồn để giúp cho chúng sinh dứt trừ khổ đau.

Các vị dân cử liên bang, tiểu bang và địa phương đã cùng nhau lên lễ đài để tặng bằng tưởng lục tán dương công đức của Giáo Hội và Ban Tổ Chức Đại Lễ Phật Đản Phật Lịch 2562-2018, trong lúc này Ban tổ chức cũng đã tặng bằng Tri Ôn đến LS Andrew Đỗ, Chủ Tịch Hội Đồng Giám Sát Quận Cam, TNS, Tiểu Bang Bà Janet Nguyễn (bận công tác không đến dự) Thị Trưởng Thành Phố Fountain Valley và Thị Trưởng Thành Phố Westminster, sau đó tất cả mọi người cùng chụp hình lưu niệm.

Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Thắng Hoan, Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHNK, dù tuổi già sức yếu vẫn chống thiền杖 chứng minh Đại Lễ, đã được Hòa Thượng Thích Minh Dung, Phụ Tá Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm, cung thỉnh lên Lễ Đài để đọc Thông Bạch Phật Đản Phật Lịch 2562 của Hội Đồng Giáo Phẩm.

Trong Thông Bạch có đoạn Ngài dạy rằng, "Cộng đồng Phật Giáo Việt Nam tại nước Mỹ không phải chỉ hành lễ Phật Đản trong một ngày, mà chúng ta có một mùa Phật Đản kéo dài hơn tháng. Điều ấy cho thấy nơi châu lục này cần thời gian và thuận lý để Phật giáo, một tôn giáo rất còn xa lạ nơi đây, làm sao được chấp nhận và phát triển.

"Niềm hoan hỷ vô biên của người đệ tử Phật là tự thân mình tỏa ra Phật chất để cảm hóa người quanh ta. Từ đó giúp họ trở nên người Phật tử mới. Hiện nay các tư viện và hàng cư sĩ của chúng ta đã độ được nhiều người Mỹ. Công đức này lớn lao biết bao trong

việc hoằng truyền Phật đạo nơi Châu lục Bắc Mỹ. Cúi xin đức Thế Tôn chứng giám và độ trì, chúng con nguyện một lòng sống Đạo và làm sáng Đạo nơi quê hương mới. Đây cũng là phẩm vật cao quý cộng đồng Phật Giáo Việt chúng con xin dâng lên cúng dường đức Thế Tôn trong mùa Phật Đản năm nay.

"Làm sao cả nước Mỹ biết ngày Phật Đản là một Phật sự nhiều thách đố. Trong nhiều năm qua, các cộng đồng Phật giáo đã ưu tư ngày này nhưng số lượng tín đồ của chúng ta trên toàn nước Mỹ quá ít ỏi. Vì vậy, chính quyền Liên Bang đâu thể công nhận ngày này là ngày lễ của quốc gia. Hy vọng năm mươi năm nữa, ngày Phật Đản là ngày Lễ của nước Mỹ. Trong mùa Phật Đản năm nay, chúng ta cùng suy gẫm một ngày Phật Đản của dân Mỹ và nước Mỹ trong mai sau. Xin các vị tri thức Phật tử giúp cho ước nguyện này của Tăng Tín Đồ Phật Giáo được thành tựu."

Kết thúc Chương Trình Hành Chánh của Đại Lễ là phần cảm tạ của Ban Tổ Chức do Hòa Thượng Thích Nguyên Trí, Đệ Nhất Phó Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHNK, thay mặt trình bày. Hòa Thượng đã tri ân chư tôn Trưởng Lão, chư tôn Hòa Thượng, và chư tôn đức Tăng, Ni đã chứng minh và tham dự lễ. Hòa Thượng đã cảm tạ Hội Đồng Giám Sát Quận Cam, các vị giới chức chính quyền địa phương đã giúp đỡ cho việc tổ chức. Hòa Thượng không quên các vị mạnh thường quân, các cơ sở thương mại, các cơ quan tuyên thanh, truyền hình và báo chí, anh chị em Gia Đình Phật Tử Việt Nam, Ban Trai Soạn, Chùa Phổ Linh, Chùa Phật Tổ đã giúp cho Đại Lễ thành tựu viên mãn. Hòa Thượng đặc biệt thay mặt Giáo Hội tán thán Thượng Tọa Thích Pháp Tánh là Trưởng Ban Tổ Chức Đại Lễ Phật Đản năm nay. Hòa Thượng nói rằng qua sự thành công này cho thấy giới Tăng, Ni trẻ có thể đảm đương các Phật sự lớn lao của Giáo Hội sau này.

Chương trình Đại Lễ Phật Đản Phật Lịch 2562 còn được tiếp tục đến tối với phần văn nghệ cúng dường ngày đản sanh của đức Phật do các văn nghệ sĩ và Gia Đình Phật Tử đóng góp. Xen lẫn chương trình có phần phát giải thưởng cho các em trúng giải thực hiện vườn Lâm Tỳ Ni.



*(bài và ảnh từ Việt Báo
Mời xem thêm hình ảnh ở trang 62 & 63)*

NHÀ TIÊN TRI VIẾNG THĂM

Dựa vào dấu hiệu lúc sanh
Tiên tri các vị tài danh đoán rằng
Tương lai thái tử huy hoàng
Sau này nổi tiếng, vẻ vang vô cùng.
Có nhà ân sĩ trong rừng
Giỏi giang, thánh thiện tiếng lừng gần xa
Ông già tên A Tư Đà
Nghe tin quý tử, tìm ra thăm liền
Vào hoàng cung đứng lặng yên
Cạnh bên thái tử, ngắm nhìn thật lâu
Rồi trở ra mặt buồn rầu
Ngược nhìn tinh tú trên bầu trời cao
Ông già bật khóc nghẹn ngào
Khiến vua, hoàng hậu xiết bao ngỡ ngàng
Vội vàng hỏi, giọng hoang mang:
"Có điềm xuất hiện xấu chẳng thừa người?"
Nhà tiên tri vội trả lời:
"Muôn tâu Bệ Hạ xin ngài an tâm,
Băm hai tướng tốt vô ngần
Tám mươi vẻ đẹp tuyệt trần phô ra,
Tương lai thái tử nhà ta
Huy hoàng, đẹp đẽ, đúng là vĩ nhân!
Nếu mà nối nghiệp phụ thân
Chắc rằng thái tử thế chân của ngài
Làm vua vĩ đại tuyệt vời
Trị vì đất nước khắp nơi an bình!
Nếu mà rời bỏ cung đình
Chắc rằng thái tử trở thành đạo sư
Tương lai rực rỡ vô bờ
Chúng sinh náo nức đón chờ ân nhân
Vị thầy cao quý bội phần
Đưa đường vào đạo, khai tâm cho người,
Nhận rạ cảnh khổ cuộc đời
Chắc rằng thái tử sẽ rời hoàng cung
Ra đi tìm kiếm con đường
Không còn đau khổ, hết vương muện sầu
Rồi đem giáo lý thâm sâu
Dạy cho bất cứ người nào muốn theo!"
Ông già nói tiếp buồn hiu:
"Đời tôi đã mất quá nhiều thời gian
Chưa tìm ra ánh đạo vàng
Giúp đời chấm dứt vô vàn khổ đau, Tiếc rằng

chẳng sống thêm lâu
Để còn học được đạo màu! Buồn thay!
Về sau chính thái tử đây
Là người chí lỗi, là thầy khai tâm.
Mừng hoàng cung có vĩ nhân
Xiết bao siêu việt, bội phần vinh quang!"
Nhìn hài nhi, vẻ luyến thương
Ông già rời khỏi hoàng cung ra về.
Vua lòng sung sướng đê mê
Nghĩ thầm: "Thái tử trị vì giang sơn
Sau này rạng mặt quốc vương
Uy quyền một cõi, danh lừng vang xa
Rồi khi tới tuổi về già
Mới lo đến chuyện xuất gia tu hành."

(trích truyện thơ **Cuộc Đời Đức Phật Thích Ca** của Tâm Minh Ngô Tăng Giao)



thơ

TÂM MINH NGÔ TĂNG GIAO

Đừng bao giờ em hỏi

TOẠI KHANH

Một ngày, có đám khách xa lữ tàu ngẫu nhiên lạc bước đến thảo am lão thiền sư, một người đã lâu quên mất chuyện thù tạc với đời. Thấy ông có vẻ kiệm lời nhưng không đến nỗi người trệ khẩu, đám khách giết thời gian bằng mấy câu vấn đạo.

Khi được hỏi vì sao hiền thánh xưa giờ có vẻ không tha thiết chuyện sử dụng thần thông phép mầu như nường mây cưỡi gió về hướng nhàn ở những chốn bồng lai tiên cảnh trên núi tuyết hay biển xa, mà cứ một đời ẩn cư những thâm xứ quạnh hiu xa vắng, lão thiền sư nheo mắt nhìn người hỏi:

- Chính thiên nhân và huệ nhân đã khiến thánh nhân như vậy đây. Ngồi yên mà thấy hết mọi sự, và biết có đến tận nơi thì cũng không thấy thêm được cái gì ngoài những bóng nắng ảo hóa, thế bao nhiêu phép mầu gì đó có còn là chuyện hứng thú nữa không?

Một cư sĩ tóc trắng về người tân học nói mấy câu tỏ ý nghi ngờ chuyện thánh nhân không thích gì. Ông nói sống ở đời không thích ghét gì hết thì như cây không có nhựa sống.

Lão thiền sư cứ có dịp thì lại cười hề hề:

- Ngay đến kẻ phạm phu chỉ cần biết vài chuyện ruồi bu cũng đủ khiến người ta hết thích này nọ, cần gì phải thánh mà ông tin với không tin. Chẳng hạn biết chắc lúc nào mình sẽ chết, những chuyện buồn vui gì sẽ xảy đến ngày sau, hay thiên hạ đang nghĩ gì về mình... Người biết được chừng đó thôi thì có cho làm ngọc hoàng cũng không vui nổi, nói gì là thích. Ông nói rất đúng, thánh nhân giống hệt cội cây không còn nhựa

sống, phải vậy các ngài mới có thể viên tịch Niết bàn. Nhưng nói vậy không có nghĩa là thánh nhân sống hắt hủu cằn cỗi như một kẻ muốn tự tử. Không còn ham thích gì nhưng các ngài cũng chẳng bất mãn thứ chi. Mọi sự tùy duyên, không hy cầu cũng không trốn chạy, thánh nhân sống bằng niềm thanh thản của một người làm xong việc nằm chờ giấc ngủ đến. Đơn giản vậy thôi.

Một người khách nãy giờ ngồi im lặng một góc bỗng hăng giọng hỏi một câu thiết khó nghe:

- Tui bây giờ vẫn còn tin Phật, nhưng chỉ muốn quy y Nhị Bảo, không kể Tăng Bảo được không? Tăng ni thời này bó tay luôn!

Lão thiền sư cười to như không thể dẫn lại:

- Có cưới dâu mà đòi ly dị. Tăng bảo trong Tam bảo chính là Pháp bảo được thể hiện qua con người. Người không có Pháp bảo thì sao gọi là Tăng Bảo. Đối tượng mà ông bắt mẫn vốn không có trong Tam Bảo.

Một người khách ngồi cạnh nghe vậy hỏi thêm:

- Xin hỏi nếu không nhìn mặt những tăng ni đó thì ai sẽ dạy đạo cho chúng con?

Lão thiền sư khoát tay:

- Nếu họ bé bối mà có cái để dạy ông thì chỉ nên nghe họ mà đừng nhìn họ. Nếu họ trong sạch mà dốt nát thì ta nên nhìn họ mà không cần nghe. Nếu tăng ni không có gì để ta nghe hay nhìn thì ông mất thời gian làm gì với thứ lỗi thầy lỗi thợ đó. Và chẳng, Phật Pháp là di sản của Phật để lại cho người cầu đạo, không dành

riêng cho tăng ni nào hết. Mình bại liệt hay sao mà đến gia tài của bố để lại cũng phải nhờ người khác làm trung gian ban bố. Cái mà tăng ni thời này có hơn cư sĩ chỉ là thời gian rảnh rảnh, họ có điều kiện tham cứu hơn. Nếu cư sĩ biết dành thời gian tự học nhiều hơn thì tăng ni chỉ là địa chỉ tham khảo!

Câu chuyện mỗi lúc một sâu và xa hơn, một câu cư sĩ trẻ tuổi nhìn thiền sư rồi hỏi:

- Xin hỏi người đi chùa ngày một đông và chùa chiền ngày một vắng lẽ sao có người lại bảo thời này là đời mạt pháp?

Lão thiền sư bật cười:

- Tinh thần chánh pháp không thể tính trên số người đi chùa hay số đo chiều cao, chiều rộng của chùa tháp. Hãy chọn bữa một vài người trong biển người đi chùa rồi hỏi họ lý do đến chùa, hay hỏi tăng ni tiết mục nào quan trọng nhất trong các buổi lễ đông đảo, lúc đó ông sẽ thấy chánh pháp chỉ là một khái niệm xa xỉ và viễn tưởng. Thứ hỏi ai là người phải chịu trách nhiệm cho sự tình này? Câu trả lời có lẽ phải là cả hai phía tăng ni và cư sĩ. Nói rất ráo thì tăng hay tục đều là khách trầm luân như nhau, cư sĩ có lòng cầu giải thoát thì không thể tự cho mình cái quyền để người trong cái gọi là đạo nghiệp tu hành. Mai kia trên giường chết mọi người đều phải một bóng lên đường vào cuộc đi mù mịt của kiếp tử sinh. Nhưng hiểm người cư sĩ thấy ra lẽ này. Vì sao lại thế chứ? Bởi từ lâu ngày họ đã được hướng dẫn kín đáo rằng cứ có nhiều tiền thì có thể nhờ người khác hộ niệm, khỏi phải tu học gì hết. Trường hợp thứ ba còn thắm hơn: Cúng dường mạnh tay để quảng cáo bản thân, tính ra rẻ tiền mà hiệu quả hơn việc lên báo, lên đài. Đại khái đời mạt pháp là thời điểm mà hầu hết tăng ni và cư sĩ đều thích mở nhà hàng nhưng thức ăn toàn là đồ hộp, chỉ việc khui ra hâm nóng rồi đặt lên bàn



cho khách. Đó không là mặt pháp thì còn chờ lúc nào nữa.

Khách lại hỏi thêm:

- Dám hỏi thiền sư một vài dấu hiệu đặc trưng của đời mặt pháp để chúng con biết mà thêm tinh tấn?

Thiền sư nhắm mắt một lát rồi nhìn xuống trả lời:

- Đại khái tăng ni không muốn giỏi nhưng thích được khen giỏi, khoái sống như phàm nhưng lại muốn được xem là thánh, coi chùa quan trọng hơn Phật. Về phía cư sĩ, hiếm người đến với tăng ni để học đạo giải thoát. Thường người đến chùa chỉ nằm trong vài ba trường hợp: do hoàn cảnh mà quen biết tăng ni rồi lui tới như bè bạn, lâu ngày tự nhiên có được nhãn hiệu Phật tử, hoặc xem tăng ni như trung gian giúp họ liên lạc với một cõi trên nào đó để van xin khẩn khứa.

Những hướng dẫn sơ sài thiếu trách nhiệm của tăng ni không đáng cho cư sĩ cúng tụng tụy để hồi đáp. Một người bệnh không có lý do gì phải một đời thờ phụng lang băm. Cái họ cần phải là thuốc hay, thầy giỏi. Một quan hệ thầy trò dựa trên niềm tin mù quáng kiểu đó dễ khiến đệ tử thành ra nô lệ hơn là học trò của thầy, một kiểu nô lệ chung thân không có tiền công và cái họ nhận được chỉ là một xấp vàng mã!

Có câu chuyện đáng buồn này ta đọc được ở đâu đó lâu lắm rồi, mà mỗi lần nhớ lại cứ nghe ngậm ngùi mà ray rút khôn nguôi.

Có đôi vợ chồng nhà kia nghèo khổ cơ cực lắm, công lưng làm lưng mà vẫn không đủ ăn, đã vậy mỗi ngày còn phải dành ra ít tiền xương máu để trả dần một món nợ lớn mà họ đã vay từ nhiều năm trước. Nhắm sống ở quê nhà không xong, họ dắt díu nhau biệt xứ đi làm thuê ở

một chốn xa. Ngày trả xong món nợ kia cũng là lúc họ đã bạc tóc, thân tàn ma dại, người quen ngày nào gặp lại đổ mà nhận ra họ là ai. Vậy mà trời xuôi đất khiến, một ngày kia, giữa chốn xứ lạ quê người, hai vợ chồng nghèo kia gặp lại đúng người chủ nợ năm nào. Đó là một người bạn cũ giàu có và tốt bụng.

Người bạn nhà giàu sừng sờ nhìn cặp vợ chồng nghèo trong bộ dạng tả tơi ốm đói:

- Sao lại ra nông nỗi này chứ, hai người đi đâu mười mấy năm nay, rồi giờ sống ra sao mà ngó thăm quá thế này?

Hai vợ chồng nghèo nhìn nhau rồi lại nhìn cô bạn giàu có, họ ngấp ngừng ngượng nghịu một hồi rồi cô vợ nhìn vào mắt người đối diện:

- Bỏ có nhớ chuyện mười mấy năm trước đã cho tui mượn sự chuỗi ngọc để đi dự tiệc không?

Cô bạn gật đầu:

- Nhớ chứ, vì hình như sau đó không lâu thì bạn bè kháo nhau là hai người đã mất tích, không ai liên lạc được.

Người thiếu phụ nghèo khổ khó khăn lắm mới có thể nói tiếp:

- Sau đêm đó tui này làm mất chuỗi ngọc, đến tận giờ cũng không biết nó đã rơi mất ở đâu hay bị ai lấy trộm, nói ra sợ bỏ không tin rồi nghĩ quấy.

Cô bạn nhà giàu nóng ruột:

- Rồi sao nữa hả?

Anh chồng của người thiếu phụ nói thay vợ:

- Tui tôi cầm cố hết nhà cửa, bán luôn miếng đất hương hỏa rồi mượn thêm chỗ này chỗ kia để có tiền tìm mua một chuỗi ngọc giống hệt của bà để đền lại. Rồi từ đó bỏ xứ đi luôn. Mãi đến gần đây mới trả xong món tiền nợ năm đó. Giờ ra đường thấy ai đeo chuỗi ngọc giống vậy cũng sợ điếng hồn không dám nhìn nữa.

Cô bạn giàu có nghe đến đó thì đưa hai tay ôm đầu kêu trời:

- Úy trời đất, xâu chuỗi tôi cho hai người mượn năm đó là đồ giả, đeo cho vui vậy thôi. Từ lúc mấy người đem trả lại đến nay tôi có bao giờ đụng đến nó nữa đâu. Trời ơi là trời, vậy là tiêu mất một đời của ông bà chỉ vì cái món đồ quý đó.

Cả ba người đều khóc, và cả ta nữa, lần đầu đọc được câu chuyện đó cũng nghe xót xa không chịu nổi.

Nhưng câu chuyện đó không phải hư cấu đâu, nó có thật và xảy ra từng ngày trên hành tinh này khi từng bữa trong thiên hạ vẫn có biết bao người phải trả một cái giá thiệt đắt cho những thứ hàng hóa không đáng để họ chạm tay. Đó là những sản phẩm chính trị, tôn giáo, xã hội... được tạo ra từ những động lực như gian trá, ích kỷ, đố kỵ, vô cảm, tặc trách mà cái nào cũng độc hết, cái nào cũng để lại những tác hại là hút cạn sinh lực hay khiến người ta hoang phí kiếp nhân sinh một cách oan uổng tức tưởi.

Lão thiền sư đột nhiên trở tay lên chiếc đồng hồ trên vách:

- Bốn lăm rồi, hồi nãy ai nói có chuyến tàu lúc 15, rửa mặt uống nước rồi tà tà đi là vừa. Đi mà trả cho xong mấy món nợ đời!

Ông cười hiền khô, rồi đứng dậy với lấy tay nài, nói mà không nhìn ai trong đám khách:

- Ta có việc phải vào làng, am gần ga, biết đâu lại có dịp mấy người lỡ chuyến tàu mà ghé đây gặp lại.

Dáng người gầy gò của nhà sư già nhanh chóng chìm khuất trong đám lau trắng. Năng chiều bỗng vàng rực như lửa, có chút gió ở đâu thổi về mang theo cái mùi ngai ngái của một trại bò nào đó. Tiếng còi tàu lửa vang lên từ cuối chân trời. Đám khách rời am và có người vừa đi vừa ngoái đầu nhìn lại đôi lau. Tháo am của nhà sư già không còn ở đó nữa. Nó khuất tầm nhìn của họ hay là nó chưa từng tồn tại...



NĂM NGƯỜI MÙ RỜ VOI

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT
do Nhóm Áo Lam thực hiện)

Chân lý chỉ có một.

Con người ai cũng muốn suy tôn và nhân danh công lý mà hành xử mọi sự lý ở đời. Thế nhưng họ chống báng thù nghịch sát hại nhau trên con đường thể hiện chân lý đó hơn là hòa mục yêu thương nâng đỡ nhau. Vì sao?

Bởi ai cũng chấp ngã, chấp pháp cho đường lối ta đi, thái độ của ta là hơn cả không chịu hiểu cho rằng - kẻ khác cũng lại suy luận đúng như vậy - không ai chịu mở mắt tư duy để thấy rằng mỗi cá nhân chúng ta chỉ nhìn chân lý dưới một giác ngộ (góc cạnh) khác nhau.

Trong kinh *Đại Niết Bàn* có câu chuyện năm người mù rờ voi nội dung như sau:

Ở nước họ nhân một buổi triều yết, nhà vua muốn kêu gọi quần thần phải lắng nghe tiếng nói của người dân cũng như là bạn đồng liêu thì phải kiến hòa đồng giải, chân lý không riêng dành cho ai. Vua sai một người quản tượng dẫn vào trước cung đình một chú voi to, và năm anh mù. Vua ra lệnh cho quản tượng cho mỗi người mù rờ vào một bộ phận của con voi xong rồi phán hỏi:

- Con voi hình dạng như thế nào?

Người rờ lỗ tai voi trả lời:

- Con voi giống như một cái quạt.

Người rờ chân voi cãi:

- Con voi giống như một cái cột nhà.

Người rờ đuôi voi cãi:

- Con voi giống như một cái chổi.

Người rờ đầu voi không đồng ý bảo:

- Con voi giống như một

tảng đá.

Người rờ lưng voi sừng sộ:

- Con voi như một tấm phản.

Năm người mù không nói đúng chân tướng con voi. Nhưng cũng không ra ngoài tướng trạng của con voi. Các tướng trạng họ mô tả không đúng con voi thật. Nhưng ngoài những tướng trạng ấy thì không riêng có một con voi thật nào khác.

Này anh chị em:

Vua ấy không khác đức giác ngộ. Con voi là Phật tánh, những người rờ voi là chúng sanh, là chúng ta.

Phật tánh vốn viên dung bất nhiễm như con voi. Đó là biểu tượng về chân lý cuộc đời.

Tư thức chúng ta có được hôm nay là do căn trần duyên nhau mà thành, nên các căn đóng vai trò tác thành tư

kiến, vậy nó là phương tiện chứ không phải cứu cánh. Chấp vào đó thì không đạt cứu cánh, chân lý được.

Do vậy anh chị em chúng ta không bao giờ tự cho phép mình sân hận, thiển cận, bảo thủ, tranh biện hơn thua, ngược lại phải quán soi thực nghiệm hành từ thiện pháp là đã sống thực với chân lý.

Việc hợp với không-thời thì không lỗi, lợi mà hanh thông vô ngại.

Sống vậy là thể trọn bản hoài của mười phương ba đời chư Phật vậy.

(Trích 52 *Câu Chuyện Dưới Cờ*—Thị Nguyễn Nguyễn Đình Khôi)





TẢN MẠN VỀ BỒN NGHỆ THUẬT SỐNG

(*Phật Pháp Thứ Năm* — tài liệu tu học của GDPTVN)

Nói về nghệ thuật sống tức là nói đến “đời sống cao cấp” chứ không phải đời sống của bất cứ chúng sanh nào... Đời sống ở đây đã vượt lên trên những nhu cầu căn bản, không còn phải đặt vấn đề ăn để sống mà là “sống như thế nào” và con người ở đây là con người xã hội toàn diện, một mẫu người lý tưởng.

Mỗi xã hội, mỗi thời đại, mỗi tôn giáo... có một mẫu người riêng, ví dụ ngày xưa ở phương Tây có mẫu người lý tưởng là những chàng hiệp sĩ (cavaliers) ở Nhật thì có những chàng võ sĩ đạo (samurai), Trung Hoa thời Khổng Mạnh thì có hình tượng “người quân tử” còn đối với người Phật tử thì mẫu người lý tưởng là một vị bồ tát v.v... Bồ tát không chỉ những vị xuất gia mà có thể là một cư sĩ như trường giả Duy Ma Cật.

Thời Đức Phật còn tại thế, các vị đại đệ tử của ngài chỉ được gọi là A La Hán nhưng chúng ta thấy rằng các ngài ấy rõ ràng đã hành bồ tát đạo suốt cuộc đời mình, vì các ngài sống và theo bước chân đức Phật, phục vụ chúng sanh từng ngày từng giờ cho đến cuối đời. Chúng ta hãy nhớ lại lời tôn giả Xá Lợi Phất khi ngài bạch Phật về các hạnh nguyện của ngài: sống như Đất, như Nước, như Gió và như Lửa. Đây chính là những bài học đáng quý mà chúng ta rút ra được từ vị Thầy sống cách đây hơn hai ngàn năm.

Thế nào là Sống theo hạnh của ĐẤT của ngài Xá Lợi Phất? — Sống như Đất nghĩa là bắt chước cái hạnh của ĐẤT: dù ta đổ lên đất những chất dơ, những chất độc những chất hôi thối hay đổ lên đất những đồ quý giá thơm tho như vàng bạc châu báu, nước hoa... thì Đất vẫn tiếp nhận tất cả những thứ ấy một cách thản nhiên không vui mừng, cũng không lấy làm oán thán, tủi nhục... Cũng thế, tôn giả Xá Lợi Phất muốn dạy chúng ta rằng: khi những cảm thọ hạnh phúc hay đau khổ, thắng lợi hay thất bại, danh dự hay tủi nhục khởi lên trong lòng, chúng ta phải giữ Tâm Chánh niệm, Tỉnh thức, không để bị sự rối loạn (thất niệm) tràn ngập vào Tâm. Trên thực tế, những ngày “tranh đấu bất bạo động” của năm 1963 các em ngành Thiếu của chúng ta, trong khi đang ngồi tuyệt thực, đã bị bom acid ném lên thân thể gây ra đau đớn và để lại những hậu quả tai hại... nhưng các em không hề khởi lên tư tưởng trả thù... Từ đó đến nay đã hơn nửa thế kỷ... vẫn

còn những con người muốn đổ nước dơ lên anh chị em chúng ta, nhưng học theo hạnh của Đất, chúng ta vẫn thản nhiên không sinh tâm trả thù, thậm chí không cần đến việc giải thích, sửa sai... mà chỉ giữ Tâm tĩnh lặng... vì những người đó không phải hiểu lầm mà có mục đích bôi nhọ rất rõ.

Thế nào là “Sống theo hạnh của NƯỚC”? — Nước có đặc tính uyển chuyển, khi bình thường nước chảy êm, khi gặp trở ngại, nó có thể đi quanh chướng ngại vật hay vượt qua... Nước có nhiều hình thức: lỏng, đặc, hơi, tuyết, sương, v.v... Nước luôn giúp đỡ và phục vụ chúng sanh. Chúng ta học hạnh của nước, dù ở trong hoàn cảnh nào cũng làm việc ích lợi cho tha nhân. Cũng như Đất, Nước có thể thu nhận bất cứ gì đổ vào, dơ bẩn hay sạch sẽ, tốt lành hay độc hại... kể cả xác người hay xác thú vật, v.v... Nước vẫn không từ chối. Chúng ta cũng vậy, phục vụ tha nhân với tâm bao dung, không phân biệt.

Thế nào là “Sống theo Hạnh của GIÓ”? — Gió là không khí chuyển động; cũng như nước. Gió thể hiện dưới nhiều hình tướng khác nhau: ngọn gió mát trưa hè chỉ gây ra những cảm giác nhẹ nhàng thanh thản (“*chỉ hãy hãy gió cho vừa nhớ thương*”) nhưng khi gió đổi chiều, khi những điều kiện về nhiệt độ và áp suất của môi trường thay đổi thì Gió trở thành vũ bão, hùng hổ xua tan, quét sạch tất cả gông cùm xiềng xích để phục vụ cho hạnh phúc của chúng sanh đau khổ... Trong lịch sử dân tộc Việt Nam cũng đã có những ngọn gió trở thành bão dữ để bảo vệ đất nước như thế; ví dụ những cơn bão Bạch Đằng Giang, cơn bão Gò Đống Đa quét sạch quân Tàu tàn bạo đô hộ nước Nam đem lại đời sống thanh bình no ấm cho dân Nam. Trong lịch sử thế giới thì ngọn Gió mới của cuộc cách mạng Pháp đầu tiên đã xoá tan chế độ Vua Chúa đem lại tự do và bình đẳng cho mọi người... Mặt khác, cơn Gió vi tế nhất, cần thiết nhất, gần gũi nhất của con người, đó là hơi thở... Chúng ta luôn chú ý hơi thở để giữ gìn chánh niệm, quan sát ngọn Gió này chính là Chánh niệm — “trái tim của sự Sống.”

Thế nào là “Sống theo hạnh của LỬA” — Lửa là hơi nóng, Lửa có thể đốt cháy tất cả, thanh lọc tất cả, nhưng Lửa cũng là yếu tố nuôi sống Trái Đất của chúng ta, từ lửa của Mặt Trời

hay lửa của một bếp hồng tươi ở nông thôn, hay đóm lửa của một que diêm,... đều rất cần thiết cho đời sống của con người. Lửa là hơi ấm, là nguồn năng lượng nuôi sống muôn loài, Lửa đem lại ánh sáng, xoá tan bóng đêm lạnh lẽo, đâm thủng màn vô minh đen tối,... Dù là đốt cháy mọi thứ hay thanh lọc tất cả, Lửa cũng không vì thế mà cảm thấy sân hận, tủi nhục hay oán thù. Lửa mãi mãi đem lại sức nóng và hơi ấm nuôi sống nhân loại. Trong lịch sử Việt Nam chúng ta có ngọn lửa Quảng Đức, đã được đốt lên để thắp sáng nhân gian, đánh thức lương tâm con người, khai mở trái tim của thời đại, làm thế giới bên ngoài nhìn về Phật giáo đồ Việt Nam đang chịu đày đọa trong địa ngục trần gian với những con chó berger hung dữ, với lựu đạn cay, lựu đạn acid v.v... không một tiếng kêu cứu nào được lọt ra ngoài... chỉ có ngọn lửa Quảng Đức mới đủ sức vươn cao, kêu gọi và đánh động lương tâm thế giới...

Muốn sống theo các Hạnh của Đất, Nước, Gió, Lửa, cần phải có Tâm rộng lớn như Đất, lòng TỬ mệnh mỏng như Nước Biển, Lòng BÍ bao dung vô điều kiện, tâm HỖ hạnh phúc với cái vui của người khác và làm vơi khổ đau của họ, tâm XẢ bao la thanh thoát thấy được "ta" và "người" là MỘT.

Từ, Bi, Hỷ, Xả là bốn Tâm Vô Lượng giúp chúng ta đi trên con đường Bồ tát (Bồ Tát Đạo) — đó là Nghệ thuật Sống của Bồ Tát trên con đường thiên lý không có bắt đầu và kết thúc, vì họ đi vào Cuộc Đời này bằng nguyện lực cao cả chứ không phải vì nghiệp lực dắt dẫn như phàm phu chúng ta. Ví dụ ngài Bồ Tát Địa Tạng đã tuyên bố: Nếu còn một chúng sanh đang thọ nghiệp ở Địa Ngục thì ta chưa thể thành Phật được.

Chúng ta, người Phật Tử, hơn nữa, là người Huynh Trưởng GDPT, lý tưởng của chúng ta là thực hành Bồ Tát Đạo, là được đi trên con đường mà đức Phật đã đi, SỐNG như đức Phật đã sống. Vô phước là chúng ta sinh không nhằm thời có Phật nên phải tự mình "thắp đuốc lên mà đi." Còn may là có Sư Phụ, có bạn hữu, có các bậc đàn Anh đàn Chị, và cả đàn em của mình cũng có thể giúp đỡ, chia vui sẻ buồn với chúng ta, đồng hành trên con đường Đạo.

Cầu mong ACE chúng ta sách tấn nhau áp dụng nghệ thuật Sống mà Kinh sách đã truyền lại một cách tinh tấn để có thể hoàn thành Luật Đoàn, "dừng tiến trên đường Đạo" và luôn nhớ câu châm ngôn:

"PHỤC VỤ ĐỂ TRỞ NÊN HOÀN TOÀN
HOÀN TOÀN ĐỂ PHỤC VỤ."

Trí Như

RẠNG NGÒI THIÊN THU

(Thành kính tưởng niệm
Ni Trưởng thượng Như hạ Thủy)

*Ta bà một thuở hiện thân,
"Sơn Đồng" (*) lên núi, lụy trần lánh xa.
Chơn Không, Bát Nhã hiền hòa,
Linh Chiếu, Viên Chiếu... vang ca một thời.
Đồng Nai, Lục Tinh nơi nơi...!
Tăng Ni, Phật Tử hết lời tán dương,
Sử, kinh, luật, luận lâu thông.
Tích xưa, chuyện cổ nằm lòng chẳng quên,
Thăng tòa thuyết pháp vang rền.
Thiện tín quy hướng cửa thiên tiến tu,
Đêm ngày hạ thủ công phu.
Nghiên tâm bồi diệp kinh thư trao dồi,
Nụ thiên rạng sáng trên môi.
Ngôn âm bất tuyệt, đất trời nhe an,
Thương người cơ cực làm than.
Từ bi giúp đỡ áo cơm, vật dùng,
Ni Trưởng Như Thủy ung dung,
Sống đời đạm bạc, hoằng thông đạo mầu.
Việt Nam, Mỹ Quốc, Áu Châu,
Pháp âm ban trái, giải đau lòng người.
Suối Từ, Quảng Đức, Vô Ưu,...
Âm vàng, lời ngọc còn lưu để đời.*

*Hương thiên tỏa ngát chân trời,
Nụ thiên mãi mãi rạng ngời thiên thu...!*

SƠN ĐỒNG NHẤT HƯỚNG (*)

*Sơn Đồng nhất hướng thẳng lên non,
Dầm đá, trầy chân, dạ chẳng sờn.
Quyết chí tâm chơn, truy diệu chỉ,
Ra công phá vọng, vén mê màn.
Rừng thiên Bát Nhã lưu Ni đức,
Cửa đạo Chơn Không dậy Pháp âm.
Viên Chiếu thiên đường tri diện mục,
Thao thao Pháp vũ, tuệ văn toàn...!*

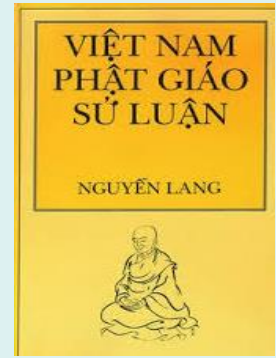
thơ CHÚC HIỀN

(2) Sơn Đồng Nhất Hướng: Lấy ý từ 2 câu:
"Mùa xuân ta lên núi
Hăm hở làm sơn đồng" (Thơ Như Thủy)

THIÊN PHÁI LÂM TẾ VÀ PHẬT GIÁO ĐÀNG TRONG

(Chương XXII, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP II)

Nguyễn Lang



(tiếp theo kỳ trước)

MÔN PHÁI LIỄU QUÁN

Nếu ở Đàng Ngoài thiên sư Chân Nguyên được xem là nhân vật then chốt để phục hưng Phật Giáo Đàng Ngoài, thì ở Đàng Trong thiên sư Liễu Quán cũng được xem là vị thiên sư lãnh đạo công cuộc phục hưng Phật Giáo Đàng Trong.

Ông là người làng Bạc Mã, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên, sinh năm 1670 từ một gia đình nghèo. Ông mồ côi mẹ từ hồi lên sáu tuổi. Năm mười hai tuổi ông đi chùa Hội Tôn với cha. Gặp thiên sư Tế Viên, ông rất yêu mến và xin ở lại chùa để học đạo. Cha ông ưng thuận. Làm chú tiểu ở chùa Hội Tôn, ông được thiên sư Tế Viên thương yêu. Ông ở lại, làm việc nấu nước, nhặt rau, học Hán tự, hai thời khóa tụng, luật sa di và những kinh điển để học. Chín năm sau, thiên sư viên tịch. Lúc bấy giờ ông mới mười chín tuổi. Tang lễ của thầy làm xong, ông để chùa cho các sư huynh trông nom, một mình lên đường học đạo. Năm 1690, ông vượt núi băng ngàn ra tận Thuận Hóa núi Hàm Long, cầu học với thiên sư Giác Phong. Ông được chấp nhận ở lại đây để tu học. Ai ngờ mới được một năm tròn thì ông nghe tin thân phụ bị bệnh. Ông xin phép trở lại quê nhà để lo săn sóc cho cha. Hàng ngày ông lên rừng đốn củi, đem về đổi gạo nấu cơm cho cha ăn. Bốn năm sau, thân phụ ông từ trần. Lo ma chay cho cha xong, ông lại lên đường học đạo. Năm 1695, nghe nói thiên sư Thạch Liêm tổ chức giới đàn lớn tại chùa Thiên Lâm, Thuận Hóa, ông đến xin ghi tên thụ giới tỳ khưu tại Giới đàn do thiên sư Tử Lâm là Hòa Thượng Đường Đầu. Đó là năm 1697, lúc ông được 27 tuổi. Định cư hai năm, ông lại lên đường cầu học, tham lễ khắp các tổ đình. Năm 1702 ông được gặp thiên sư Tử Dung tại chùa Ấn Tôn núi Long Sơn, Thuận Hóa. Thiên sư dạy ông tham khảo về công án: "Muôn pháp về một, một về chỗ nào?" (Vạn pháp quy nhất, nhất quy hà xứ?). Ông rút về núi Phú Yên tĩnh cư, tham cứu đến năm năm mà chưa phá vỡ được công án ấy, trong lòng lấy làm hổ thẹn. Một hôm đọc *Truyền Đăng Lục* đến câu "trở vật mà truyền tâm, chính vì vậy mà người ta không hiểu" (Chỉ vật truyền

tâm, nhân bất hội xứ), thoát nhiên ông thấy tỏ ngộ, bèn buông sách xuống. Mùa xuân năm 1708, ông trở ra Long Sơn, trình bày công phu mình với thiên sư Tử Dung. Tử Dung nói:

*Hổ thẳm buông tay
Một mình cam chịu
Chết đi sống lại,
Ai dám chê mình.*

Ông vỗ tay cười. Tử Dung nghiêm nét, nói: "Chưa được." Ông lại nói: "Trái cân vốn là sắt" (Bình thù nguyên nhị thiết). Tử Dung lắc đầu.

Sáng hôm sau, Tử Dung thấy ông đi ngang, gọi lại bảo: "Chuyện ngày hôm qua nói chưa xong, hôm nay hãy nói lại xem." Liễu Quán đọc:

*Sớm biết đèn là lửa
Cơm chín đã lâu rồi!*

Bây giờ Tử Dung không tiếc lời khen ngợi. Mùa hè năm 1712 khi hai người gặp nhau lần thứ ba tại đại lễ Toàn Viện tại Quảng Nam, Liễu Quán đem trình Tử Dung bài kệ *Tâm Phật* mà ông mới làm. Tử Dung hỏi: "Tổ truyền cho tổ, Phật truyền cho Phật, chẳng hay họ truyền nhau cái gì nhỉ?" (Tổ tổ tương truyền, Phật Phật tương thụ, vị thắm truyền thụ các thập ma?)

Liễu Quán đọc liền hai câu:

*Búp măng trên đá dài hơn trượng,
Cây chổi lông rùa nặng mấy cân.*

(Thạch dẫn trừu điều trường nhất trượng

Quy mao phủ phát trong tam cân)

Tử Dung lại đọc:

*Chèo thuyền trên núi cao
Phi ngựa dưới đáy biển*

**(Cao cao sơn thượng hành thuyền
Thâm thâm hải đế tẩu mã)**

Liễu Quán lại đọc tiếp:

*Dây đứt đàn tranh chơi suốt buổi
Gậy sừng trâu đất rỗng đầu đêm*

**(Chiết giác nê ngư triết dạ hồng
Một huyền cầm tử vận nhật đàn)**

Tử dung gật đầu tỏ ý rất bằng lòng.

Thiên sư Liễu Quán lúc bấy giờ đã 42 tuổi. Ông đã có nhiều đạo tràng hành đạo: đó là

chùa Thiên Tông, chùa Viên Thông (Thuận Hóa) và các chùa Hội Tông, Cổ Lâm và Bảo Tịnh ở Phú Yên. Chùa Thiên Tông được tạo dựng ở núi Thiên Thai, vào khoảng năm 1708. Mãi đến năm 1747, nghĩa là năm năm sau khi thiền sư Liễu Quán tịch, chùa mới được chúa Nguyễn Phúc Khoát ban biển ngạch sắc tứ. Đại Hồng Chung hiện giờ của chùa cũng được đúc vào năm đó, tức là năm Cảnh Hưng thứ tám. Chùa Viên Thông cũng được Liễu Quán tạo dựng ở chân núi Ngự Bình. Chúa Nguyễn Phúc Khoát rất sùng kính đạo hạnh của ông, nhiều lần triệu thỉnh vào phủ, nhưng ông một mực từ chối, không muốn lui tới nơi triều đình. Vì vậy, chúa thường tới chùa Viên Thông ở chân núi Ngự Bình để thăm ông và hỏi đạo. Vì lý do đó, ngọn núi kia được gọi là núi Ngự. Bốn giới đàn lớn được tổ chức liên tiếp trong ba năm, từ 1733 đến 1735 tại Thờ Thiên, có sự tham dự của các cao tăng và các bậc tế quan cư sĩ ở kinh đô; thiền sư Liễu Quán được thỉnh cầu chủ tọa. Giới Phật tử rất hâm mộ ông, cho nên năm 1740 lại thỉnh cầu ông chủ tọa giới đàn Long Hoa. Xong giới đàn này, ông trở về chùa Thiên Tông. Năm 1742, tuy đã 72 tuổi, ông vẫn phải làm Hòa Thượng Đầu của giới đàn tổ chức tại chùa Viên Thông. Để tử thụ giới của ông kể cả xuất gia lẫn tại gia có tới gần bốn ngàn người.

Mùa thu năm ấy, Liễu Quán an trú tại chùa Viên Thông; sáng ngày 21 tháng 11 âm lịch, ông gọi thị giả mang giấy bút tới, và viết bài kệ sau đây:

*Ngoài bảy mươi năm cõi sắc không
Sắc không không sắc đã dung thông
Sáng nay ven ước, về quê cũ
Há phải tìm cầu hỏi tổ tông
(Thật thật dư niên thế giới trung
Không không sắc sắc diệt dung thông
Kim triều nguyện mãn hoàn gia lý
Hà tất bôn mang vấn tổ tông?)*

Viết bài kệ xong, ông ngồi dùng trà. Đại chúng lên làm lễ, có người than khóc. Ông nói: "Quý vị đừng khóc. Các đức Phật thị hiện còn nhập Niết bàn, còn tôi thì đường đi nẻo về đã rõ ràng, không việc chi phải khóc." Mọi người im lặng. Thầy trò nói chuyện hồi lâu, ông hỏi: "Đã đến giờ mùi chưa?" Mọi người đáp: "Phải." Ông nói: "Sau khi tôi đi, quý vị phải nghĩ đến sự vô thường nhanh chóng của cuộc đời mà siêng năng tu tập trí tuệ, chớ quên lời dặn của tôi." Nói xong ông nhắm mắt mà tịch trong tư

thế kiết già.

Chúa Nguyễn Phúc Khoát sắc làm bia và tháp cho ông, và ban thụ hiệu là "Đạo Hạnh Thụy Chính Giác Viên Ngộ Hòa Thượng."

Tháp ông được dựng tại chùa Thiên Tông trên núi Thiên Thai. Ông là người thuộc đời thứ 35 dòng Lâm Tế. Ông để lại bài kệ truyền pháp sau đây:

**Thiệt tế đại đạo
Tánh hải thanh trường
Tâm nguyên quảng nhuận,
Đức bốn từ phong
Giới định phúc tuệ
Thế dụng viên thông
Vĩnh siêu trí quả
Mật khế thành công
Truyền tri diệu lý
Diễn xướng chính tông
Hành giải tương ứng
Đạt ngộ chân không**



Dịch:

*Đường lớn thực tại
Biển thể tính trong
Nguồn tâm thấm khắp
Gốc đức vun trồng
Giới định cùng tuệ
Thế dụng viên thông
Quả trí siêu việt
Hiểu thấu nên công
Thuyền giữ lý màu
Tuyên dương chính tông
Hành giải song song
Đạt ngộ chân không*

Thiền sư Liễu Quán đã làm cho thiền phái Lâm Tế trở thành một thiền phái linh động, có gốc rễ ở Đàng Trong. Trước ông, Phật Giáo ở Đàng Trong mang nặng màu sắc Quảng Đông. Ông đã Việt hóa thiền phái Lâm Tế, và làm cho thiền phái này trở thành thiền phái của đa số Phật tử Đàng Trong. Kiến trúc lễ nhạc bắt đầu trút bỏ màu sắc Trung Quốc và từ từ mang lấy màu sắc dân tộc. Những bài tán lễ như "Cực lạc Từ Hàng" chẳng hạn, đã hoàn toàn mang màu sắc Việt. Bốn vị đệ tử lớn của ông là Tổ Huấn, Trạm Quan, Tế Nhân và Từ Chiếu đã tạo lập bốn trung tâm hoằng đạo lớn, và hàng chục tổ đình được tạo dựng khắp Đàng Trong trong thế kỷ thứ mười tám đã thuộc về môn phái Liễu Quán. Phong trào Phật Giáo phục hưng ở thế kỷ thứ hai mươi đã dựa trên cơ sở của môn phái mang tên ông.

ĐẤU CHÂN HOẰNG HÓA TẠI CÁC VÙNG ĐẤT MỚI

Vào thế kỷ thứ mười tám, khi các chúa Nguyễn mở rộng bờ cõi về phía Nam thì một số cao tăng cũng theo làn sóng di cư đến trấn tích tại các miền đất mới. Ở Đồng Phố (Gia Định), có thiền sư Đạt Bốn từ Quy Nhơn vào lập chùa Thiên Trường năm 1755. Chúa Nguyễn Phúc

Khoát nghe tiếng ông, ban tặng cho chùa biển ngạch đề "Phổ Quang Thiên Sơn Tự." Sau đó, chùa lại đổi tên là Kim Chương. Thiền sư Quang Triệt lên kế vị ông sau khi ông tịch. Năm 1775, gặp thời nhiễu nhương, Hòa Nghĩa Đạo Lý tướng quân suy tôn đồng cung Nguyễn Phúc Dương lên kế nghiệp chúa Nguyễn để chống nhau với cách mạng Tây Sơn, đã cử hành lễ suy tôn tại chùa này. Vì vậy, sau đó chùa lại được ban sắc tứ là "Kim Chương Tự." Người tiếp nối Quang Triệt là thiền sư Quang Tuệ. Một ngôi chùa khác cũng được thành lập tại Gia Định trong thời chúa Nguyễn Phúc Khoát là chùa Tập Phước. Có lẽ vị tổ khai sơn chùa này là một vị thiền sư đời 36 của dòng Lâm Tế. Theo các linh vị còn để thờ tại chùa thì đời thứ 37 là thiền sư Thánh Đắc, đời thứ 38 là thiền sư Phước Thường, đời thứ 39 là thiền sư Ân Thập và đời thứ 40 là thiền sư Hoàng Trí. Trịnh Hoài Đức từng làm thơ tặng một vị thiền sư tên là Viên Quang tại chùa Tập Phước. Sách *Đại Nam Liệt Truyện Tiền Biên* nói rằng thiền sư Viên Quang thuộc đời thứ 36 dòng Lâm Tế nhưng lại nói rằng Viên Quang tu tại chùa Giác Lâm, cũng ở Gia Định. Có lẽ thiền sư Viên Quang này là người đã khai sơn chùa Tập Phước, sau đó đã giao lại Tập Phước cho đệ tử trông nom rồi dời về chùa Giác Lâm ở cho được thanh tịnh hơn. Giả thuyết thứ hai: thiền sư Mật Hoảng đã khai sơn chùa Tập Phước và đã mời sư huynh mình là Viên Quang đến cư trú với mình. Sau khi Mật Hoảng được triệu về kinh sung chức trú trì chùa Quốc Ân thì Viên Quang cũng về cư trú tại Giác Lâm. Hai thiền sư này đều là đệ tử của thiền sư Linh Nhạc thuộc pháp phái Nguyên Thiệu, gốc ở chùa Thập Tháp.

Nhưng các vị du tăng hành đạo còn đi xa hơn là Gia Định, về thâu các nơi như Biên Hòa, Tây Ninh, Hà Tiên v.v... Ở Tây Ninh chẳng hạn, thiền sư Đạo Trung khai sơn chùa Linh Sơn ở núi Điện Bà vào năm 1763. Ông là đệ tử của thiền sư Đại Cơ, và thuộc đời thứ tư của môn phái Liễu Quán. Đại Cơ là đệ tử của Tế Giác, và Tế Giác là đệ tử trực tiếp của Liễu Quán. Đạo Trung sau 30 năm trú trì tại Linh Sơn, giao sơn môn này cho đệ tử là Tính Thiện và về khai sơn chùa Long Hưng ở Thủ Dầu Một. Đó là vào năm 1794 (84). Ở Hà Tiên thì có thiền sư Hoàng Lung. Theo sách *Đại Nam Liệt Truyện Tiền Biên*, thiền sư Hoàng Lung là người Quy Nhơn. Ông vân du tới tỉnh Hà Tiên. Tại đây thấy núi Bạch Tháp ở phía Bắc đỉnh Vân Sơn núi non quanh co, cỏ cây xanh tốt, ông liền dừng bước hoảng hóa tại đây. Ông tịch năm 1757. Đệ tử làm lễ hỏa thiêu nhục thân và lập tháp để thờ xá lợi của ông.

(84) Tài liệu trong *Tây Ninh xưa và nay* của Huỳnh Minh, 1972.

CÒN NGÂN LỆ SỬ

*Từ lúc quê mình thôi lửa đạn
Xanh mùa thương nhớ, buổi sầu tan.
Chao ôi, mấy lượt lời non nước
Vẫn thế, bao phen chuyện đá vàng!*

*Dòng mộng đã theo trời viễn mộng
Non ngàn còn lạnh dấu sương ngàn.
Ai hay giữa chôn hồn hoa cỏ,
Lệ sử còn ngân những điệu đàn!*

*Những điệu đàn xưa ai có hay
Rơi từng nhịp xuống nước non này.
Hư danh đã lụy cùng dâu bể
Lòng thật còn thơm với cỏ cây.*

*Mắt rộng vẫn xanh tình hạt bụi,
Đời hoang nên tím giọt đài mây.
Dấu trăm năm nữa, ngàn năm nữa...
Hùng sử quê hương đẹp tháng ngày.*

South Dakota, tháng 4.2018

thơ MẶC PHƯƠNG TỬ



Độc Thơ Lý Thừa Nghiệp

NGUYỄN GIÁC

Anh là một nhà thơ độc đáo, làm thơ y hệt như người hát Kinh Phật. Không phải một hình thức đọc tụng Kinh Phật như đời thường. Thơ Lý Thừa Nghiệp không đời thường, tuy vẫn nói về Sóc Trăng quê ngoại, nói về mẹ, nói về em, nói về Melbourne với Cù Lao Dung... nhưng tất cả hình ảnh đời thường hiện lên trong thơ anh đều nhắc tới những pháp ấn, rằng tất cả các pháp là bất như ý, là vô thường, là không gì nắm bắt được. Thơ Lý Thừa Nghiệp là một thân chứng về cõi đời này, trong niềm vui đã ẩn tàng nước mắt, trong gặp gỡ đã có mầm ly biệt, trong những tình cờ gặp gỡ vừa khởi lên đã thấy những rỗng lặng trống không của tâm hiện ra.

Đó là những bài thơ hiếm gặp trên đời này. Đó là thơ Lý Thừa Nghiệp. Đó là những dòng chữ làm chúng ta giật mình ngay tức khắc. Như dường chữ nhảy ra khỏi trang giấy. Nhiều bài thơ của anh có sức mạnh làm tôi sửng sờ, ngồi yên lặng lẽ, và đôi mắt nhìn cho tới dòng cuối bài thơ.

Thí dụ, trong bài Nghe Kinh trong thi tập "Về Nghe Bát Nhã Ca" của Lý Thừa Nghiệp, trích:

*Sáng nghe một bài kinh
Ngủ uẩn bỗng của mình
Nhang thắp hồng sám hối
Bụi tàn bay lung linh.*

Làm sao có thể có những dòng thơ dị thường như thế? Kinh nghe buổi sáng có cả triệu triệu người từng nghe. Khi thi sĩ viết "ngủ uẩn bỗng của mình," chúng ta có cảm giác như trang kinh oằn xuống với cả biển khổ của trần gian. Ngủ uẩn là một khái niệm trừu tượng, là năm nhóm hình thành thân tâm chúng ta -- sắc thọ tưởng hành thức -- vậy mà, từ khái niệm trừu tượng trở thành cái gì rất cụ thể, để "của mình" và để làm hồng lên nén nhang sám hối. Dòng thơ như len vào làn da được, hệt như làn gió ban mai bên cửa sổ.

Thơ Lý Thừa Nghiệp cũng phần lớn mang giáo lý nhà Phật, có khi nêu ra những câu hỏi rất mực gian nan, như trong bài Căn Nhà:

Sao gọi là sinh, sao gọi là tử



Nhà thơ LÝ THỪA NGHIỆP

Khi tâm người rỗng lặng trống không.

Đó là các dòng thơ tự thân là những câu hỏi làm chúng ta mất ngủ, có khi vật vờ cả một đời. Khi tâm rỗng lặng? Lấy chữ đâu để ra thơ? Thắc mắc của tôi cũng hệt như khi đọc thơ của nhiều thiền sư năm xưa, khi sinh và tử là suy nghĩ trọn đời cho một công án, thế rồi một hôm thấy tâm mình rỗng lặng, không thấy tâm mình sinh khởi, và do vậy cũng không thấy tâm mình biến diệt nữa.

Thơ Lý Thừa Nghiệp nơi đây là những câu hỏi lớn, với sức mạnh thi ca như thế, hiển nhiên là thơ

của anh phải từ máu xương da thịt của anh, không giống ai và như một ngọn núi tách rời các rặng núi.

Và do vậy, có rất nhiều khi, thơ Lý Thừa Nghiệp như một dạng kể lại Kinh Phật, không phải như người tụng kinh đời thường, mà như một người hát rong Kinh Phật. Thoạt nghe như thơ tình, thoạt nghe như thơ Thiền, nhưng từng câu chàng đứng hát giữa trận mưa đầy nước mắt của ba cõi vô thường. Thí dụ, như trong bài Mùa Dược Thảo, trích:

*Núi xanh ngăn ngắt mùa dược thảo
Ta đứng bên đời mưa Pháp Hoa
Cỏ cây bỗng chốc thay dung mạo
Hà sa hà sa lệ nhạt nhòa*

...
*Ta hẹn em về mùa thảo dược
Bùn sen ngơ ngác tiếng mưa rào
Chớ hỏi vì sao con trăng khuyết
Tam giới rơi đều, bọt nước xao.*

Chúng ta có thể thắc mắc: phải chăng Lý Thừa Nghiệp đang làm thơ, hay đang hát lời Kinh Phật? Vì sao trong thơ họ Lý đầy những pháp ấn chư Phật? Thí dụ như trong bài Trên Ngàn Năm, chúng ta nhìn thấy pháp ấn Vô Thường hiện hiện qua các hình ảnh: mưa suốt những ngàn năm chuyển biến, trong đó cưu mang cả vui và buồn

*Mưa trên ngàn năm cũ
Hạnh phúc lần ngâm ngợi
Lớn rỗng theo thác lũ
Đất trời hể đang trôi...*

Hay như pháp ấn Khổ tức là Bất Như Ý, đã ẩn tàng trong dòng thời gian miên viễn và hiển hiện trong thơ Lý Thừa Nghiệp, qua bài Lên Đồi Xem Mưa Bay, nơi những cảnh đời như lau sậy bị xô giạt hiện lên trên ngàn ngàn trang giấy, nơi mưa trôi lũ cuốn trong dòng thời gian, thoát sinh rồi thoát tử không ai hay, trích:

*Chầm chậm từng hạt mưa
Rơi trên ngàn trang giấy
Những thân người lau sậy
Qua đời không ai hay*

Và kỳ lạ như thế, các bài thơ nghe như là thơ tình, vì nói về một "em" năm xưa của những ngày mưa hay nắng, khi qua chiếc cầu đã rêu phong mấy độ vô thường, vậy rồi nhắc nhớ tới một đường chim bay của tâm thức... Phải chăng là thơ tình, hay thơ Thiên? Như trong bài Đường Chim Bay Ngày Trước, trích:

*Em về đây ngày mưa hay ngày nắng
Nhịp cầu này mưa gió đã rêu phong
Xin hãy nhớ đường chim bay ngày trước
Bên rặng dừa biển nổi biển mênh mông*

Một số bài thơ Lý Thừa Nghiệp dùng nhiều chữ cổ, hình ảnh cổ. Chữ "thất đại" là trong Kinh Phật, hay các hình ảnh cổ như thời Đường: áo hoàng hoa, bầy hạc cũ, bờ dâu xưa, khói tang điền... Trường hợp này, độc giả không đủ kiến văn về tích cổ có thể không nắm hết ý. Dù vậy, ngay cả khi không hiểu hết, những cảm xúc bùi ngùi cũng hiện ra giữa các dòng thơ của anh, rằng lia thất đại mới có tri giác thực, từng trang thơ của họ Lý hiện lên các bờ khói sương vô thường, như trong bài Vỗ Cánh Thiên Thu, trích:

*Lý thất đại bước lên thềm tri giác
Áo hoàng hoa lất phất bên sông
Bầy hạc cũ bay về phương khác
Bờ dâu xưa nghi ngút khói tang điền...*

Đặc biệt, Lý Thừa Nghiệp có những bài thơ tình rất mực đậm đà, nơi đó giai nhân có môi hồng thắm Chạp (tức tháng 12 âm lịch, là gần Tết, tượng trưng cho mùa xuân sắp đến) thắm đỏ dòng mực từ nghiên bút thư sinh (hẳn là chàng họ Lý?). Nhưng còn "rám buồng cau" thì sao? Có phải chữ người xưa ám chỉ "buồng cau" là nữ tính chớm chớm, vừa nhu nhú như cau của cô nàng tuổi mười lăm? Bài thơ Nghiên Mực Đỏ rất mực lãng mạn, trích:

*Nghiên mực đỏ pha hồng môi thắm Chạp
Gió dậy thì ai thổi ráng buồng cau
Lòng ta chờ nguyện dòng sông bạc
Trăng mười lăm con bướm mộng khay
trầu*

Một độc đáo của Lý Thừa Nghiệp còn là thơ lục bát, nơi đây anh viết có khi hết như ca dao, có khi hết như người đạo sĩ thơ mộng đi hái thuốc trên núi Cấm, và có khi hết như quý ngài du tăng. Trích phần đầu của bài Tụng Một Thời Kinh như sau:

Vì người tụng một thời kinh

*Tôi đi rước nắng về in hiên trời
Chiều trông chiều vẫn thành thơ
Tôi đi hái thuốc về in hiên nhà
Tâm ai bủa khắp sơn hà
Tôi đi gieo hạt di đà mười phương*

Thế thơ thất ngôn qua tay Lý Thừa Nghiệp cũng là một tuyệt kỹ. Trong bài thơ đề tặng Hòa Thượng Thích Từ Thông, năm Hòa Thượng 90 tuổi, nhà thơ họ Lý viết bốn đoạn thơ 7 chữ, mỗi đoạn 4 câu, người xưa gọi là thất ngôn tứ tuyệt. Cũng cần nhắc rằng, Thầy Thích Từ Thông còn được nhiều học giả Việt Nam xưng tụng là Đệ nhất giảng sư về Đại Thừa, với hàng ngàn băng giảng trên YouTube. Trong bài thơ đề tặng Hòa Thượng, Lý Thừa Nghiệp viết, trích 4 dòng cuối:

*Lô nô sinh tử hề! Như bụi
Tắm áo phong phanh gió bạt ngàn
Cười khan một tiếng rền trầm núi
Xuống hàng vẩy mực thuyết Kim Cang.*

Thơ Lý Thừa Nghiệp hay tới như thế, thơ hay tới đây sóng khắp biển trời trên từng trang thơ, thơ hay tới cả ngàn năm mưa bụi rù nhau về mừng ngày hội chữ nghĩa trên thơ, thơ hay tới mức trắng xanh và nắng vàng cùng về chiếu rọi trên trang chữ. Anh là người dùng thơ để hát các pháp ấn Kinh Phật.

Vẩy mực thuyết Kim Cang... Tuyệt vời là thơ. Xin ghi lời trân trọng cảm ơn nhà thơ nơi đây. Rất mực trân trọng.

Nguyễn Giác, tháng 3/2018



Là khách lạ, ngay trên quê hương mình!

HUỆ TRÂN

Có tình cờ không, khi tin tức trên mạng gần đây, cả trong và ngoài nước đều đưa tin và hình ảnh những địa danh như Khánh Hòa, Nha Trang, Đà Nẵng, Quảng Ninh, Bãi Cháy, Hạ Long... đều đang biến dạng thành đất Tàu!

"Đất Tàu" chứ không phải "Phố Tàu" như China Town, Japanese Town, v.v... ở Hoa Kỳ, hay ngay như Chợ Lớn khi xưa, là những minh định rõ ràng trên phương diện thương mại, nơi đó, phố đó, với những thỏa thuận dành cho dân tộc đó buôn bán, giao tiếp, giới thiệu, những gì đặc thù của dân tộc họ, với người đồng hương cũng như với người bản xứ.

Những địa danh tại Việt Nam đang được đề cập đến không ở trong dạng thức đó. Hình ảnh phổ biến là những dãy phố, những hàng quán treo biển hoàn toàn chữ Tàu, không có một chữ tiếng Việt! Và choáng ngợp tới mức mắt với 2 màu vàng, đỏ. Cũng theo tin tức thì có những tiệm, ngoài biển viết là bán các loại nước hoa, mỹ phẩm nổi tiếng (nhờ người biết chữ Tàu dịch lại) nhưng vào trong tiệm thì không hề có những món hàng loại đó, nhưng người ra, kẻ vào thì cứ xì xỏ tiếng Tàu, chả có chi thắc mắc! Không biết người bán thực sự bán món gì và người mua thực sự tìm mua gì, thậm chí có tiệm, họ còn tự nhiên thoải mái mua bán bằng tiền Tàu!!

Tất nhiên, đây chỉ là một vài địa danh tiêu biểu được báo chí nhắc tới.

Cũng theo những tin phổ biến rộng rãi, thì nhiều khách du lịch nước ngoài (không phải khách Tàu) khi dừng chân ở những địa danh nêu trên đã không khỏi ngẩn ngơ tự hỏi

"Có mua làm vé du lịch Trung Quốc, thay vì Việt Nam???"

Những bi hài kịch này khiến tôi nhớ về thời điểm khoảng giữa năm 2001. Đó là khi ranh giới Việt - Trung bị âm thầm dời đổi, chỉ bằng một cái bảng mới, với tên "Cây số Zero," nằm giữa Ai Nam Quan cũ và Cửa Hữu Nghị bây giờ.

Ranh giới này đã dời sâu vào nội địa Việt Nam, cắt đôi thác Bản Giốc thuộc tỉnh Cao Bằng, từng là thắng cảnh nổi tiếng của miền Bắc Việt Nam, nay một nửa đã thuộc về Trung Quốc. Dân chúng quanh vùng cao nguyên đó, khi nhìn thấy "Cây số Zero" cũng chỉ là nhìn thấy một cách mơ hồ. Chỉ khi có ai đó, hồn nhiên bước qua và bất ngờ bị gọi lại, hỏi giấy tờ, mới được dạy dỗ là đã phạm tội vượt biên giới, vì đây là... đất Tàu!!!

Đất đã vậy, biển thì sao?

Chỉ tạm đọc một góc nhỏ trên nghiencuuquocte@org về chính sách của Trung Quốc đối với tranh chấp biển Đông từ 2007 đến 2012 sẽ hiểu ngay vì sao Trung Cộng có thể đơn phương áp đặt lệnh cấm đánh cá ở biển Đông, đặc biệt là vào những mùa đánh bắt cao điểm đối với ngư dân Việt Nam; vì sao tàu chiến Trung Cộng có thể coi thường dư luận quốc tế mà nã súng vào những chiếc thuyền đánh cá mong manh của ngư dân Việt Nam, có nơi chỉ cách Sài-gòn 350 Km!!!... Bị đuổi, bị cấm, bị bắn trên những vùng biển đã nhiều đời nuôi sống ngư dân mà không được nhà nước lên tiếng bảo vệ, che chở, thì chờ đợi chi ở những phiên tòa, khi người dân lên tiếng phản đối nhà máy gang thép Formosa của

Đài Loan, thải khí độc tràn lan mặt biển khiến hải sản chết trắng suốt dọc bờ biển miền Trung, mà những người dân đó lại bị bắt, bị kết tội, bị bỏ tù...

Nhớ về những thời điểm này cũng khiến tôi nhớ một bài viết cũ, tôi viết đã hơn 10 năm, vì hình ảnh ngày nay quá tương phản!

Lục tìm chồng sách cũ, thấy lại bài viết trên trang giấy đã ngả vàng, tôi đọc lại, khó ngăn nỗi ngậm ngùi, nên xin trích dăm đoạn, chia sẻ nơi đây:

"... Có phải những tầng mây xám thấp, mang theo tiết lạnh cuối đông mới khiến lòng người dễ buồn ngủi khi đọc một đoạn văn, nghe một dòng nhạc? Với tôi, hình như không! Tôi không thường bị ngoại cảnh kéo chùng xuống, mà những sự kiện phi thường trong thâm lặng lại là những gì dễ khiến tôi sững sốt bàng hoàng. Như hôm nay, ngoài vườn đang tràn ngập nắng vàng, mây xanh, gió mát và chim hót líu lo. Vậy mà tôi đang thốn thức vì vừa đọc một bài trên báo, viết về những người mẹ Tây Tạng can đảm, âm thầm đưa con nhỏ vượt Hy Mã Lạp Sơn với một ước mong duy nhất là gửi được con mình cho các ngôi trường của người Tây Tạng lưu vong, ở Nepal hay Ấn Độ, nơi đó, những người mẹ hy vọng con mình được hướng dẫn nền giáo dục Tây Tạng và sẽ giữ được giáo Pháp của Phật Giáo Tây Tạng.

Vượt Hy Mã Lạp Sơn đồng nghĩa với vượt ranh giới giữa sống và chết, vì muốn trùng hiểm nguy của chênh vênh đèo núi, của tuyết phủ rêu phong, của những họng súng biên phòng hờm sẵn, của đói, lạnh, thương tích... Vậy mà, những người mẹ vẫn đưa con

ra đi; gửi được con rồi, lại đơn độc vượt núi băng rừng trở về, trong tâm trạng kiếp này đành vĩnh biệt!

Bi thương đến thế, nhưng theo bài báo thì hàng năm vẫn có từ 2500 đến 3000 người mẹ Tây Tạng vượt Hy Mã Lạp Sơn với tấm lòng bằng thạch là tìm môi trường bảo vệ văn hóa của dân tộc mình cho lớp măng non. Niềm hy vọng đó của họ đang mòn dần theo năm tháng với những biến chuyển lạnh lùng của thế đứng toàn cầu!

Nhưng thực tế đó không lay chuyển Trái-Tim-Tây-Tạng.

Đây có phải là quyết tâm bất thối, như những Phật tử tu pháp môn Tịnh Độ, hướng về Tây Phương Cực Lạc bằng Tín, Nguyện, Hành thì Tịnh Độ ngay nơi bước chân qua?

Những người mẹ Tây Tạng vô danh đó tin gì, nguyện gì, mà có thể quyết tâm phụng hành như thế? Làm sao những người mẹ đó có đủ can đảm dắt các con nhỏ xông pha sương tuyết, thập phần hiểm nguy với dấu mốc mờ hồ, xa thẳm, là con mình sẽ không bị đồng hóa với ngoại bang, sẽ được nuôi dạy trong nền giáo dục đặc thù dân-tộc-tính và nhất là được tự do phụng thờ giáo pháp mà họ hãnh diện gọi riêng là Phật Giáo Tây Tạng?

Động lực giúp họ can đảm

ra đi, chắc không phải chỉ là sức chảy của triển suối, dòng sông, mà phải là sức mạnh bạt ngàn sóng cả của đại dương trùng trùng bất tận. Những bà mẹ Tây Tạng đó phải là những chiến sỹ vô danh quả cảm, phi thường, không chỉ âm thầm mang thân mình chiến đấu, bảo vệ nền văn hóa của dân tộc mà còn đặt cả hậu thân vào lý tưởng.

Trong lễ Quán Đảnh Mật Pháp Kalachakra lần thứ 30 của thế giới, Đức Đạt Lai Lạt Ma, vị lãnh đạo tinh thần của dân tộc Tây Tạng đã ngâm ngùi bày tỏ rằng, rồi chỉ còn là vấn đề thời gian, một mai Tây Tạng bị sức ép, thống nhất vào Trung Quốc, nếu thế giới không bất ngờ đột ngột thay đổi cục diện cho một trật tự toàn cầu!

Đó là trạng huống thực tế mà những ai quan tâm đều có thể nhìn thấy. Đường xe lửa nối liền Hoa Lục và Tây Tạng sẽ ồ ạt đưa người Hán vượt biên hợp pháp, đem theo công kênh hành trang ngũ trược vào một xứ sở bốn mùa trầm lắng tiếng chuông ngân!

Rồi sẽ còn không, hương thiền trang nghiêm nơi bao tu viện ẩn mình sau những rừng cây, đồi núi trong xanh?

Rồi sẽ còn không, tiếng kinh chiều nhắc nhở người quy thiện?

Rồi sẽ còn không, những cậu bé được dọn thân tâm từ thuở ấu thơ, hoan hỷ lấy mái tu viện làm nhà, lấy sư trưởng, bạn đồng môn làm thân thuộc?

Rồi sẽ còn không, nền văn hóa tắm đấm giáo pháp từ bi, thể hiện trong từng cá nhân, từng gia đình?

Rồi sẽ còn không, bóng ca-sa thấp thoáng trên đường phố, hòa vào dòng chảy của dân tộc, chung một đạo vị từ bi, nhân ái?

Rồi sẽ còn không, ngôn ngữ, phong tục, tập quán của một xứ sở nhỏ bé với hơn sáu triệu dân mà đại đa số thuần nhất hướng về Chư Phật?

Hy vọng mong manh quá! Vậy mà những người mẹ can trường kia vẫn tiếp tục mang thân tâm mình và con mình để vun đắp, tài bồi niềm hy vọng ấy trong trạng huống cực kỳ hiểm nguy, cực kỳ cùng khốn! ..."

Có ai quên đau, tủi hổ khi nhìn về bên kia dãy Hy Mã Lạp Sơn, để thấy mờ ảo trong sương tuyết, những bà mẹ lầm lũi, run rẩy, ôm con vượt chết, chỉ để tới được miền đất tạm dung, nơi hy vọng tìm được sự sống cho thế hệ mai sau, một đời đáng sống. Đó là được sống với trọn vẹn TINH THẦN DÂN TỘC.

Trong khi, tại quê hương Việt Nam, những người còn đang nắm chủ quyền, lại tự biến dạng quê Cha đất Tổ bằng bản chất dị biệt của dân tộc khác!

Ngày nay đang tự biến thành Đất Tàu, liệu ngày mai còn là Đất Việt không?

Ngược lên chót đỉnh non cao, nơi năm mươi con từng theo Mẹ lên núi.

Nhìn xuống thẳm sâu đại dương, nơi năm mươi con từng theo Cha xuống biển.

Ồi, dường như núi cao, biển sâu đều đang đồng vọng âm thanh...

Âm thanh tiếng gọi của Hồn Thiêng Sông Núi!

Huệ Trân

(Mùa Hè mất dấu chim bay, 2018)

(Photo: An Bình—news.zing.vn)





GIAO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ & CANADA
KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ 8
BAN TỔ CHỨC
THIỆN VIỆN CHÂN KHÔNG - HAWAII
1105 Hind Iuka Drive, Honolulu, HI 96821
ĐT: (808) 222-0909 - E-mail: chankhongtv2@gmail.com

**CHƯƠNG TRÌNH KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP
BẮC MỸ LẦN THỨ 8 - 2018 VÀ DU LỊCH TÂM LINH
TỪ NGÀY 11 – 09 – 2018 ĐẾN NGÀY 17 – 09 – 2018**

THÔNG BẠCH (SỐ 4)

Thứ Ba, Ngày 11 – 09 – 2018:

- 03 : 00 PM: Chư Tôn Đức Tăng Ni và các Học Viên check in khách sạn
- 07 : 00 PM: Họp thông qua chương trình và thời khóa tu học.

Thứ Tư, Ngày 12 – 09 – 2018 đến Thứ Sáu 14 – 09 – 2018:

- 07 : 00 AM: Điềm tâm sáng tại phòng ăn ALA MOANA HOTEL.
- 09 : 00 AM: Lễ khai mạc Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 8 tại Ala Moana Hotel (Ball Room) - (Chương trình và thời khóa tu học do Chư Tôn Đức Giáo Thọ đảm trách. Sẽ có chương trình chi tiết riêng.)

Thứ Sáu 14 – 09 – 2018:

- 05 : 00 PM: Xem Polynesian Magic Show (Waikiki) và dùng tối tại đây.

Thứ Bảy, 15 – 09 – 2018:

- 08 : 00 AM - 03 : 00 PM: Hành hương và tham quan thắng cảnh Thành Phố Honolulu.
- 03 : 30 PM: Đi xem Show Làng Văn Hóa Polynesian Cultural Center (Dùng tối tại đây.)

Chủ Nhật, 16 – 09 – 2018:

- 08 : 00 AM: Thăm viếng và cầu nguyện nơi Cây Bồ Đề được trồng trên 100 năm tại **Poster Botanical Garden**. Cây Bồ Đề lịch sử này do Đại Đức Dharmapala mang từ Bồ Đề Đạo Tràng - Ấn Độ sang tặng cho Phật Giáo tại Tiểu Bang Hawaii.
- 10 : 00 AM: Thăm viếng **Pali Look Out**. (Nơi di tích lịch sử trận đánh thống nhất các bộ lạc tại Quần Đảo Hawaii vào năm 1700.)
- 11 : 00 AM: Tham dự lễ khất thực Cổ Phật tại **Ala Moana Park**.
- 03 : 00 PM: Lễ bế mạc khóa tu học tại **Hội Trường Ala Moana Hotel – Ball Room**.
- 05 : 00 PM: Dùng cơm chiều tại **Ala Moana Park**.
- 06 : 00 PM: Tham dự Đại Nhạc Hội Gây Quỹ với Chủ Đề: **ĐẠO CA – NHỮNG DÒNG CHẢY TÂM LINH** tại **Hội Trường Ala Moana Hotel Ball Room**. Chương trình văn nghệ có sự tham gia của các ca nghệ sĩ nổi tiếng cùng với các ca sĩ thân hữu của Nhóm **TÌNH NGHỆ SĨ** điều hợp chương trình.

Thứ Hai, 17 – 09 – 2018:

- 09 : 00 AM: Check Out khách sạn và ăn sáng tại Makai Food Court (Ala Moana Shopping Center.)
- 11 : 00 AM: Xe bus đưa ra phi trường Honolulu International Airport.

ALOHA & MAHALO.

(Xin điền Phiếu Ghi Danh ở trang 46)



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ & CANADA
KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ 8
BAN TỔ CHỨC
THIỆN VIỆN CHÂN KHÔNG - HAWAII
 1105 Hinalu Drive, Honolulu, HI 96821
 ĐT: (808) 222-0909 - E-mail: chankhongtv2@gmail.com



THÔNG BẠCH (CUỐI CÙNG)

**CHƯƠNG TRÌNH KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP
 BẮC MỸ LẦN THỨ 8-2018 & DU LỊCH TÂM LINH**
 TỪ NGÀY THỨ BA 11/09/2018 ĐẾN NGÀY THỨ HAI 17/09/2018

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÃU NI PHẬT

Kính bạch Chư Tôn Thiên Đức Tăng Ni,
 Kính thưa Quý Thiện Nam Tín Nữ Phật Tử,

Khóa tu học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 8, do thiện viện chân không Hawaii đảm nhiệm việc tổ chức, dự điểm và hội gian dự sắp xếp như sau:

Để việc sắp xếp được chu đáo hơn, quý Phật tử cũng như bất cứ quý đồng hương nào có nhã ý muốn tham dự, xin vui lòng ghi danh với ban tổ chức trước ngày 05/08/2018.

*Chi phí cho mỗi đầu người là \$ 1,605.00 USD. (Phòng ngủ cho 1 người)
 Chi phí cho mỗi đầu người là \$ 988.00 USD. (Phòng ngủ cho 2 người)
 Chi phí cho mỗi đầu người là \$ 896.00 USD. (Phòng ngủ cho 3 người)
 Chi phí cho mỗi đầu người là \$ 851.00 USD. (Phòng ngủ cho 4 người)*

Chi phí cho 7 ngày 6 đêm bao gồm: xe đưa rước phi trường, phòng ngủ, ba bữa ăn mỗi ngày, đưa đi tham quan chùa và thắng cảnh (Xem show trả riêng)

* Bất cứ vì lý do gì nếu quý vị hủy bỏ chuyển đi khóa tu học sau 20/8/2018 quý vị sẽ bị phạt 60%

** Những học viên không ở hotel mà chỉ tham dự 3 ngày tu học thì lệ phí sẽ là \$300 (chi phí thuê phòng học)

*** Chư Tăng Ni phụ giúp \$500 USD lệ phí phòng ngủ

CHƯƠNG TRÌNH TU HỌC VÀ DU LỊCH TÂM LINH ĐƯỢC TÓM LƯỢC NHƯ SAU:

Thứ ba, 11/09/2018 >>> 03:00 PM: Check-in khách sạn
 07:00 PM: Họp thống qua chương trình và thời khóa tu học

Thứ tư, 12/09/2018 đến thứ sáu, 14/09/2018 >>>

Điểm tâm tại phòng ăn Ala Moana Hotel
 Lễ khai mạc khóa tu học Phật Pháp tại Ball Room (Ala Moana Hotel)

Thứ sáu, 14/09/2018 >>> Xem Polynesian Magic Show (Waikiki) hoặc dạo phố đêm

Thứ bảy, 15/09/2018 >>> Hành hương và tham quan thắng cảnh thành phố Honolulu

Đi xem Show Polynesian Cultural Center hoặc đi thăm viếng Pearl Harbor

Chủ nhật, 16/09/2018 >>> Cầu nguyện nơi cây bồ đề được trồng trên 100 năm tại Poster Botanical Garden
 Tham viếng Pali Look-out

Tham dự lễ khất thực Cô Phật tại Ala Moana Park

Lễ bế mạc khóa tu học tại Ball Room (Ala Moana Hotel)

Dùng cơm chiều tại Ala Moana Park

06.00 PM: Tham dự Dạ Nhạc Hội (Giây Quỹ với chủ đề:

ĐẠO CA - NHỮNG DÒNG CHẢY TÂM LINH tại Ball Room (Ala Moana Hotel)

Thứ hai, 17/09/2018 >>> Check-out & ăn sáng tại Makai Food Court (Ala Moana Shopping Center)

Xe bus đưa ra phi trường Honolulu International Airport

Nguồn phiên âm từ **THIỆN VIỆN CHÂN KHÔNG** - Address: Khóa Tu Học Bắc Mỹ Lần 8.

Và gửi về: **Thiện Viện Chân Không** - 1105 Hinalu Dr. - Honolulu, HI 96821

Mọi chi tiết xin liên lạc: (808) 222-0909 hoặc (808) 479-3939 hoặc (808) 304-6259 hoặc (808) 258-6289

TM. BAN TỔ CHỨC, TRƯỞNG BAN: Tỷ Khéo THÍCH THÔNG HẢI

T. Thonghai



(Xin điền Phiếu Ghi Danh ở trang 46)



GIAO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THÔNG NHẤT HOA KỲ & CANADA
KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ 8
BAN TỔ CHỨC
THIÊN VIỆN CHÂN KHÔNG - HAWAII
1105 Hind Iuka Drive, Honolulu, HI 96821
ĐT: (808) 222-0909 - E-mail: chankhongtv2@gmail.com

PHIẾU GHI DANH
CHƯƠNG TRÌNH KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ
LẦN THỨ 8 VÀ DU LỊCH TÂM LINH
TỪ NGÀY 11-09-2018 ĐẾN NGÀY 17-09-2018

HỌ VÀ TÊN: _____ PHÁP DANH: _____

ĐỊA CHỈ: _____

SỐ ĐIỆN THOẠI: _____

HÃNG BAY: _____ CHUYẾN BAY: _____

NGÀY ĐẾN: _____ GIỜ ĐẾN: _____

NGÀY VỀ: _____ GIỜ VỀ: _____

SỐ TIỀN ĐÓNG BẢNG: CASH CHECK TÓNG CỘNG SỐ TIỀN: _____

PHÒNG NGỦ CHO: 1 NGƯỜI 2 NGƯỜI 3 NGƯỜI 4 NGƯỜI

NHỮNG YẾU CẦU ĐẶC BIỆT: _____

HỌ, TÊN VÀ ĐIỆN THOẠI
CỦA THÂN NHÂN
KHI CẦN LIÊN LẠC: _____

Chi phí cho mỗi đầu người là \$ 1,605.00 USD. (Phòng ngủ cho 1 người)
Chi phí cho mỗi đầu người là \$ 988.00 USD. (Phòng ngủ cho 2 người)
Chi phí cho mỗi đầu người là \$ 896.00 USD. (Phòng ngủ cho 3 người)
Chi phí cho mỗi đầu người là \$ 851.00 USD. (Phòng ngủ cho 4 người)

Ngân phiếu xin đề THIÊN VIỆN CHÂN KHÔNG
Memo: Khóa Tu Học Bắc Mỹ Lần 8.
Và gửi về: Thiên Viện Chân Không
1105 Hind Iuka Dr.
Honolulu, HI 96821

* Mọi chi tiết xin liên lạc: (808) 222-0909 hoặc (805) 479-3939 hoặc (805) 304-6259 hoặc (808) 258-6289.

PHÁP ẤN

Thích Nguyên Hùng



Pháp ấn, tiếng Phạn dharma-mudrā, trong đó dharma là pháp, là những lời dạy của Đức Phật, và mudrā là dấu ấn, là khuôn dấu, là đặc chất, là tiêu chuẩn. Ấn còn có nghĩa là chân thật, bất động, bất biến, như ấn tín của quốc vương. Pháp ấn là dấu ấn của Chánh pháp, là dấu hiệu đặc trưng để nhận biết Phật pháp, nhưng cũng có thể là chỉ cho giáo pháp cô đọng, tinh yếu, cốt tủy, tức là pháp yếu.

Sau này, nhiều trăm năm sau Phật Niết-bàn, thuật ngữ Pháp ấn được dùng để chỉ cho kinh điển do Phật thuyết, ngược lại, kinh điển nào có nội dung tư tưởng trái ngược với pháp ấn thì được coi là kinh điển không do Phật thuyết.

Những bản kinh sau đây sẽ cho chúng ta thấy khái niệm pháp ấn được Đức Thế Tôn dùng để giảng dạy những giáo lý nhiệm mầu, thâm sâu; những pháp hành căn bản để thành tựu giải thoát.

Thánh pháp ấn là khuôn dấu về Chánh pháp của bậc Thánh, pháp ấn của bậc Thánh, hay pháp này chính là pháp hành, pháp yếu căn bản đi đến thành tựu Thánh quả. Kinh ghi: *"Này các Tỳ-kheo, thế nào là Thánh pháp ấn? Thánh pháp ấn này nếu được tu tập sẽ đưa đến tri kiến thanh tịnh. Giả sử vị Tỳ-kheo ở chỗ nhàn cư, hoặc ngồi dưới gốc cây, chốn không nhàn, quán sát nhận biết rõ sắc là vô thường, thấy sắc vốn không cố. Đã nhận biết rõ vô thường, hiểu rõ đến chỗ Không, Vô đều là hình dung biến hóa nhanh chóng, vô ngã, vô dục, cho nên tâm liền ngưng nghỉ, tự nhiên thanh tịnh mà được giải thoát."* (1)

Thánh pháp ấn ở đây được nhận diện là vô thường, không, vô ngã và Niết-bàn.

Tự tánh không

Pháp ấn là pháp của Phật, siêu việt, không thể nghĩ bàn, tri kiến không thể đạt tới. Kinh ghi: *"Tự tánh Không, không có sở hữu, không vọng tưởng, không sanh, không diệt, thoát ly mọi tri kiến. Tại sao? Vì tánh Không, không có xứ sở, không có sắc tướng, không có tướng, nó vốn không sanh, không phải chỗ mà tri kiến có thể đạt tới, thoát ly mọi vướng mắc; vì do thoát ly mọi vướng mắc, nên hết thảy pháp nó đều dung nhiếp, an trú tri kiến bình đẳng, tức là tri kiến chân thực. Tỳ-kheo nên biết, tánh Không là như vậy, các pháp cũng là như vậy,*

đó gọi là pháp ấn." (2)

Ở đây, tánh Không là pháp ấn.

Tam giải thoát môn

Có khi Đức Phật nói ba cánh cửa giải thoát là pháp ấn. Kinh ghi: *"Pháp ấn này chính là ba giải thoát môn, là pháp căn bản của chư Phật, là đôi mắt của chư Phật, đó là chỗ quy thú của chư Phật."* (3)

Rồi Đức Phật giải thích, nếu ai tu tập, quán sát đúng như thật rằng: *"Sắc là khổ, là không, là vô thường, nên sinh khởi sự nhàm chán và thoát ly chúng, an trú tri kiến bình đẳng. Cũng giống như thế, quán sát: thọ, tưởng, hành và thức, là khổ, là không, nên sinh khởi sự nhàm chán và thoát ly chúng, an trú tri kiến bình đẳng."*

"Này các Tỳ-kheo! Các uẩn vốn là không tự tánh, do tâm mà có sinh, khi tâm pháp diệt tận rồi, thì các uẩn không còn tác khởi."

"Thấu suốt rõ ràng như thế, tức là trực tiếp giải thoát, đã trực tiếp giải thoát rồi, thì thoát ly mọi tri kiến. Đây gọi là Không giải thoát môn."

"Lại nữa, an trú ở trong tam-muội, quán chiếu các sắc cảnh, hết thảy chúng đều diệt tận, thoát ly mọi ấn tượng. Cũng vậy, với thanh, hương, vị, xúc và pháp, cũng đều diệt tận, thoát ly mọi ấn tượng; quán sát như vậy, gọi là Vô tướng giải thoát môn. Vào cửa giải thoát này rồi, liền thành tựu được tri kiến thanh tịnh. Do vì có sự thanh tịnh đó, nên tham, sân và si hết thảy chúng đều diệt tận. Những thứ ấy, đã diệt tận rồi, thì liền an trú tri kiến bình đẳng."

"Đã an trú vào tri kiến này rồi, tức là thoát ly kiến về ngã cùng với kiến về ngã sở, tức liền thấu suốt rõ ràng mọi kiến, không sở sinh, không có chỗ y chỉ."

"Lại nữa, đã thoát ly kiến về ngã rồi, tức không còn kiến, văn, giác và tri."

Tại sao vậy? Vì do nhân duyên, mà các thức sinh khởi, thì tức nhân duyên đó, cùng với thức được sinh ra, hết thảy chúng đều vô thường. Do vì nó vô thường, cho nên thức bất khả đắc. Thức uẩn đã không, thì không có chỗ tạo tác. Gọi là Vô tác giải thoát môn." (4)

Bốn pháp thù thắng

Một thời, Đức Thế Tôn du hóa ở cung Hải

Long vương cùng với 1.250 vị Tỳ-kheo, và số đông các hàng Đại Bồ-tát. Bấy giờ, Long vương Sāgara bạch với Thế Tôn: "Kính bạch Thế Tôn! Có pháp gì mà người thọ trì chút ít lại được phước nhiều không?"

Khi ấy, Phật bảo Hải long vương: "Có bốn pháp thù thắng, nếu ai thọ trì, đọc tụng, hiểu nghĩa, thì dụng công tuy ít mà được phước rất nhiều, so với công đức của người đọc tụng tám vạn bốn ngàn pháp tạng không khác. Bốn pháp đó là gì? Là thường tư duy: các hành vô thường, tất cả đều khổ, các pháp vô ngã và chỉ có Niết-bàn là an lạc. Long vương nên biết, đây là bốn pháp thù thắng, hàng Đại Bồ-tát Vô tận pháp trí, sớm chứng vô sanh, mau đến viên tịch, là vì họ thường tư duy, nghiền ngẫm bốn pháp này!" (5)

Vô thường, khổ, vô ngã, Niết-bàn được cho là bốn pháp ấy!

Ba pháp ấn

Một thời, sau khi Thế Tôn vào Niết-bàn không bao lâu, Trưởng lão Channo đi khắp nơi để thỉnh cầu các Tỳ-kheo chỉ dạy, rằng "xin chỉ dạy tôi, nói pháp cho tôi, để cho tôi biết pháp, thấy pháp và tôi có thể như vậy mà quán sát pháp."

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nói với Channo: "Sắc là vô thường. Thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Tất cả các hành đều vô thường. Tất cả các pháp đều vô ngã. Niết-bàn là tịch diệt." (6)

Chữ 'hành' ở đây chỉ cho tất cả mọi hiện tượng sinh diệt, biến hóa; nó đồng nghĩa với từ 'hữu vi'. Tất cả mọi hiện tượng chưa từng dừng nghỉ quá trình chuyển động dù chỉ trong nháy mắt, chúng luôn luôn thay đổi, sinh diệt và biến hóa, cho nên nói 'chư hành vô thường': tất cả mọi hiện tượng đều luôn thay đổi, không thường hằng bất biến.

Hiện tượng ở đây bao hàm cả vật chất lẫn tinh thần, chúng biến đổi liên tục không gián đoạn.

Vô thường, anitya hoặc anityatā, có nghĩa là tất cả các pháp hữu vi ở thế gian không có gì tồn tại mãi mãi, cái gì cũng thay đổi, biến hóa, sanh diệt không dừng. Tất cả các pháp hữu vi đều do nhân duyên mà sanh và đều có bốn tướng trạng: sanh, trụ, dị, diệt, gọi là tứ tướng vô thường. Bốn tướng này sanh diệt trong từng sát-na, sanh đó liền diệt đó.

Luận Đại trí độ, quyển 43, nói vô thường có hai loại, là niệm niệm vô thường và tương tục vô thường.

- Niệm niệm vô thường: Trong mỗi niệm, trong mỗi sát-na, các pháp hữu vi trải qua bốn tướng trạng sanh, trụ, dị, diệt; niệm này vừa sanh liền diệt, vừa diệt liền sanh, liên tục không gián đoạn.

- Tương tục vô thường: Vô thường tiếp nối vô thường tạo thành một dòng chảy vô thường tương tục: sanh, trụ, dị, diệt, rồi lại sanh, trụ, dị, diệt...

Luận Biện trung biên, quyển trung, phân tích vô thường thành ba loại: vô tính vô thường, sanh diệt vô thường và cấu tịnh vô thường.

- Vô tính vô thường: Còn gọi là vô vật vô thường. Tính biến kế sở chấp (các pháp vốn không có tự tính, do chúng sanh suy diễn, vọng tưởng [biến kế] rồi chấp vào đó mà cho là có tự tính), vì tính của nó là thường Không. Thành duy thức luận thuật ký giải thích: Vì thế tính thường không, tức là cái tính ban đầu, mà luận Biện trung biên gọi là Vô hữu vật (không có vật gì cả), thật sự thì không có gì vô thường cả (vì không có vật thì làm gì có vật vô thường?), cho nên nói các hành vô thường chỉ là một cách nói tạm thời.

- Sanh diệt vô thường: Còn gọi là khởi tận vô thường. Các pháp nương vào nhau mà sanh khởi, nương vào cái khác mà sinh khởi (y tha khởi), tức là đều do duyên mà sanh, cho nên nó cũng sẽ do duyên mà diệt tận, vì vậy mà gọi là sanh diệt vô thường.

- Cấu tịnh vô thường: Còn gọi là hữu cấu vô cấu vô thường. Các pháp viên thành thật cũng chuyển biến vô thường, bản chất của nó không có dơ hay sạch. Nếu ở trong dòng sanh tử mà nói thì gọi là dơ, nếu cắt đứt dòng sanh tử rồi thì gọi là tịnh, cho nên cấu hay tịnh đều vô thường. Ngoài ra, luận Thuận trung, quyển hạ, cũng nói vô thường có ba loại là niệm niệm hoại diệt vô thường, hòa hợp ly tán vô thường và tất cánh như thị vô thường. Đại thừa nghĩa chương, ở quyển 2 và quyển 18 cũng đề xuất ba loại vô thường là phân đoạn vô thường, niệm vô thường và tự tánh bất thành vô thường.

Về mặt tên gọi vô thường trong hai bộ luận vừa nêu khác nhau nhưng ý nghĩa thì tương đồng.

Luận Hiển dương thánh giáo, quyển 14 thì đề xuất sáu loại và tám loại vô thường. Sáu loại vô thường là:

a) Vô tính vô thường: Nghĩa là tất cả các pháp tính vốn không, là tính biến kế, chứ không phải thật có, như hoa đốm giữa hư không, tính của nó là thường không (thường không có thật).

b) Thất hoại vô thường: Các pháp đều hoại diệt và biến mất vô thường.

c) Chuyển dị vô thường: Chuyển dị là thay đổi thành cái khác, biến thành cái khác. Các pháp thường đổi khác như thế, giống như đứa bé trong bào thai luôn chuyển đổi trong suốt mười tháng hoài thai thì mới lớn lên thành người được.





d) Biệt ly vô thường: Có hợp có tan.

e) Đặc vô thường: Hiện tại thọ cái quả vô thường là do cái nhân vô thường đã tạo.

f) Đường hữu vô thường: Các pháp đang hiện hữu nhưng thực chất đang chuyển hóa liên tục qua bốn tướng trạng thành, trụ, hoại, không.

Tám loại vô thường là: 1. Sát-na vô thường, 2. Tương tục vô thường, 3. Bệnh vô thường, 4. Lão vô thường, 5. Tử vô thường, 6. Tâm vô thường, 7. Khí vô thường, 8. Thọ dụng vô thường. Trong đó, sát-na và tương tục là hai loại vô thường có mặt khắp mọi nơi; bệnh, lão, tử là ba loại vô thường ở nơi sắc thân; tâm vô thường là chỉ cho tâm thức luôn thay đổi; khí và thọ dụng là hai loại vô thường ở nơi sắc bên ngoài thân.

Liên quan đến tướng trạng vô thường, các kinh luận phần nhiều dùng những hình ảnh để diễn tả, như kinh Kim cương bát-nhã, dùng hình ảnh giấc mộng, ảo thuật, bọt nước, cái bóng, hạt sương, tia lửa điện để thuyết minh tất cả các pháp hữu vi đều vô thường, không thật.

Đại tạng pháp số, quyển 46, thì căn cứ vào Tông cảnh lục liệt kê tám thí dụ là nước xuôi về đông, mặt trời xế bóng, chớp lòe đá lửa, bóng câu qua khe cửa, đèn chong trước gió, sương đầu ngọn cỏ, cây khô vách núi, chớp lòe trước mắt để chỉ tính chất vô thường của các pháp.

A-tỳ-đạt-ma tạp luận, quyển 6, cũng nêu các tướng trạng vô thường, tóm lược có 12 loại, đó là tướng không có thật, tướng hoại diệt, tướng biến dị, tướng biệt ly, tướng hiện tại, tướng tự nhiên, tướng sát-na, tướng tương tục, tướng bệnh yếu, tướng tâm hành mỗi mỗi thay đổi, tướng hưng suy, tướng thể gian thành rồi hoại.

Ngày nay, khoa học tự nhiên dường như đã làm sáng tỏ thêm khái niệm vô thường của Phật giáo. Hồi trước, người ta cho rằng, nguyên tử, đơn vị vật chất nhỏ nhất, là bất biến, không thay đổi; nhưng ngày nay người ta đã chứng minh được nguyên tử cũng thay đổi, không phải là bất biến, và cũng không phải là vật chất nhỏ nhất. Bên trong hạt nguyên tử còn có điện tử, trung tử... chúng có thể tính luôn luôn vận động kết hợp mà thành. Vật chất nhỏ bé nhất có thể nói là lạp tử, nhưng lạp tử cũng không

phải là một vật chất cố định, bất biến; nó cũng thường xuyên biến hóa. Những khám phá mới của khoa học này ngày nay ai cũng biết. Vật chất hình thành từ những nguyên tử phức hợp, từ vật chất nhỏ nhất cho đến vật chất cực lớn như thiên thể vũ trụ, đều hình thành từ những hạt cơ bản có tính chất vật lý, hóa học biến hóa không dừng. Sự khám phá khoa học này đã thêm một lần nữa chứng minh giáo lý 'chư hành vô thường' của Phật giáo luôn là chân lý.

Tuy nhiên, Phật giáo không dựa vào khoa học để tồn tại! Phật giáo nhận thức các pháp vô thường không phải bằng phương pháp phân tích của khoa học mà bằng thực nghiệm hiện lượng hay trực giác chứng ngộ.

Chữ 'pháp' trong 'chư pháp' cùng một ý nghĩa với 'chư hành', đều chỉ cho tất cả mọi hiện tượng.

Vô ngã là không có cái ngã. Khái niệm về ngã, trong tư tưởng triết học và tôn giáo của Ấn Độ cổ đại thường chỉ cho bản thể hoặc thật thể vĩnh hằng, không bị sanh diệt, biến hóa. Phật giáo cho rằng, cái thật thể hay bản thể nằm ngoài kinh nghiệm nhận thức của con người, nó có tồn tại hay không chúng ta không có phương pháp nào để xác định nhận biết, cho nên gọi nó là vô ký, và do đó Đức Phật khuyên các Tỳ-kheo không nên tìm hiểu về vấn đề này.

Dưới một ý nghĩa nào đó, Phật giáo không nói 'ngã' không có thật thể, nhưng Phật giáo nói, ở trong thế giới của chúng ta, tất cả mọi pháp đều vô ngã. Do đó, khi nói 'chư pháp vô ngã' có nghĩa là tất cả mọi sự vật đều không có ngã.

Đại đa số quần chúng đều dễ dàng tiếp nhận ý nghĩa 'chư hành vô thường', nhưng đối với ý nghĩa 'chư pháp vô ngã' thì ngoại đạo không thể chấp nhận được, cho nên, giáo lý 'chư pháp vô ngã' trở thành giáo lý duy nhất của Phật giáo.

Thuở Phật còn tại thế, các tôn giáo bấy giờ đều cho rằng tất cả mọi sự vật đều có bản thể tồn tại vĩnh viễn bất sanh bất diệt. Bản thể đó gọi là Ngã (atman). Tôn giáo bấy giờ khi đề cập đến Phạm, đề cập đến Ngã, tức là đều chỉ cho cái bản thể. Bản thể hay thật thể của vũ trụ gọi là Phạm (brahman), còn bản thể hay thật thể của cá nhân thì gọi là Ngã (atman).

Phật giáo cho rằng, cái bản thể đó con người không thể nhận thức được, cũng không có phương pháp gì để chứng minh nó có tồn tại hay không, cho nên Phật giáo gọi là vô ký, tức không xác định. Hơn nữa, cái bản thể hay thật thể này nó không có quan hệ gì đến hiện tượng giới và thế giới của chúng ta, nó cũng không có lợi ích gì đến sự nghiệp tu hành giải thoát, do đó không cần phải đem nó ra đặt vấn đề để nghiên cứu. Cái thấy của Phật giáo là tất cả mọi hiện tượng giới đều không có Ngã.

Khi Phật giáo Đại thừa hưng khởi, thuật ngữ Không (sūnya) và Không tính (sūnyatā) được sử dụng rộng rãi để nói đến Vô ngã. Vô ngã và Không là đồng nghĩa.

Thiền tông Trung Hoa cũng sử dụng từ 'Vô' để chỉ cho ý nghĩa Vô ngã. Cả hai thuật ngữ 'Không' và 'Vô' đều không mang ý nghĩa hay liên quan gì đến khái niệm hư vô.

Phật giáo không đề cập đến vấn đề bản thể luận. Phật giáo nói đến Không và Vô, nhưng nó không mang ý nghĩa hay liên quan gì đến bản thể luận, mà nó phản ánh sự thật trạng thái của hiện tượng giới là Không và Vô. Vô ngã là từ ngữ biểu thị trạng thái không tồn tại một cái ngã của tất cả mọi hiện tượng.

Tất cả mọi hiện tượng đều Vô ngã và Không tức là chúng không có tự tính (niḥsvabhāva), không có tính cố định, luôn vô thường; không tự sanh ra, không tự có mặt.

Tất cả các pháp đều không tự sanh ra và cũng không tự nó mất đi. Nghĩa là, các pháp không phải là bất sanh, bất diệt, các pháp không có thực thể cố định. Khái niệm 'cố định' là chỉ cho sự tồn tại độc lập. Nếu con người có tính cố định thì người này không liên quan đến người khác. Nhưng trên thực tế, xã hội nhân sinh đều có mối quan hệ mật thiết với nhau, không có cái gì tồn tại tuyệt đối, đơn độc, riêng lẻ. Tất cả mọi sự vật hiện tượng đều tồn tại trong một mối tương quan, liên hệ với thời gian, không gian và tương tác lẫn nhau.

Xã hội, nhân sinh cũng không có hoạt động cố định, tất cả đều tùy thuộc vào những điều kiện nhân duyên mà biến hóa, thay đổi.

Trên thực tế, Vô ngã và Không có thể phân ra làm hai phương diện để nói, đó là Vô sở đắc và Vô quái ngại.

- Vô sở đắc (aprāpti), tức là không thể nắm bắt được (không chấp trước). Con người có một ý niệm cho rằng có cái ta và cái của ta, và còn có người nghĩ rằng những cái đó là cố định, trường tồn, và luôn mong nó cố định bất biến. Nhưng sự thật, không có cái gì để gọi là ta và của ta, bởi vì tất cả đều Vô ngã, đều là Không.

- Vô quái ngại (anāvāraṇa), tức là không còn chướng ngại, đạt được sự tự do tự tại. Đây là trạng thái đạt được khi tu tập thành công Vô sở đắc, không còn chấp trước. Không chấp trước thì có được khả năng hoạt động tự do tự tại mà vẫn đúng như pháp. Khổng Tử cũng có nói là "*Tùy theo chỗ ước muốn của tâm mà vẫn không ra ngoài khuôn phép.*" Câu nói này cũng có ý nghĩa như trong đạo Phật, một khi đã Vô ngã, đã Không rồi thì tự do tự tại, không có gì có thể gây chướng ngại. Lý tưởng của Phật giáo là hoàn thành nhân cách, đạt đến một cuộc

sống thường nhật thông dong tự tại. Đức Phật dạy chơi trong Tam giới chính là đạt được cảnh giới Vô chướng ngại này.

Vô ngã và Không là đặt bản thân mình vào trong trạng thái Không. Do đó, ở trong cái trạng thái Không ấy không có một cái Ta làm trung tâm cho mọi tham dục, không có cái Ta nhiều

hại, dọa nạt người khác, ganh ghét, nịnh hót, khinh miệt, oán hận hay luyến mộ người khác... Để thân tâm mình vào trạng thái Không là luôn luôn đứng ở lập trường của người khác, đứng ở lập trường của toàn thể, để rồi từ đó suy nghĩ chín chắn rồi sau đó mới hành động, và hành động mà không làm nhiều loạn người khác. Đồng thời, đối với người và vật luôn luôn ôm ấp tâm lòng từ bi thương xót, không có sự đối lập giữa ta và người mà luôn luôn rộng rãi bao dung người khác. Vô ngã, như vậy, cuối cùng trở thành Đại ngã chăng?!

Vô ngã là cái nhìn chính xác và như thật về xã hội và nhân sinh. Có thể nói, Vô ngã đồng nghĩa với Duyên khởi và Chư pháp thật tướng (tướng chân thật của các pháp).

Niết-bàn, nirvāṇa, trong ngôn ngữ Ấn Độ bao gồm những ý nghĩa: lửa tắt, hết, chết, hoàn

toàn yên lặng, yên ổn, vắng lặng hoàn toàn, chết và đi qua chỗ khác. Ngài Huyền Tráng dịch là viên tịch.

Người Ấn Độ dùng từ này để chỉ cho ngọn lửa bị tắt ngấm, hoặc bị gió thổi cho tắt; chẳng hạn, khi ngọn đèn bị tắt thì gọi là 'đăng diệt Niết-bàn.' (7)

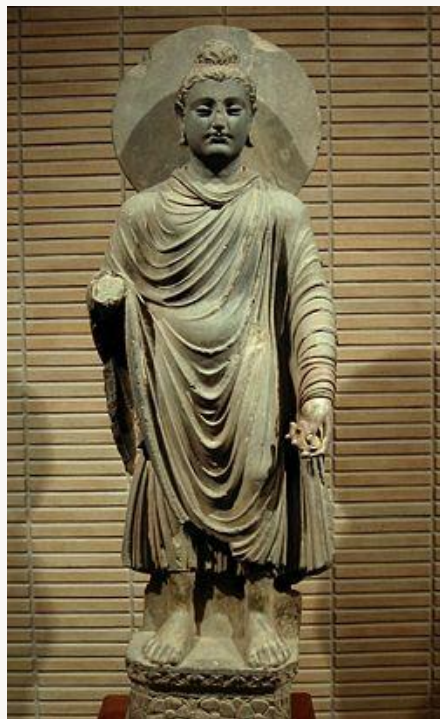
Các tôn giáo tại Ấn Độ đã sớm sử dụng từ ngữ này để chỉ cho cảnh giới lý tưởng tối cao. Luận Đại Tỳ-bà-sa liệt kê dị giáo có tới năm loại 'hiện pháp Niết-bàn', tức họ cho rằng sự hưởng thụ khoái lạc nắm dục ở thế gian và đạt được bốn thiên định là Niết-bàn.(8)

Bà-la-môn giáo lấy sự tu trì đạt đến cảnh giới Phạm - Ngã hợp nhất, hoặc sau khi chết sanh lên Phạm thiên là chứng 'Phạm Niết-bàn'.

Từ đó, chúng ta biết rằng, nguyên thủy từ 'Niết-bàn' không phải là danh từ riêng biệt của Phật giáo. Tuy nhiên, khi danh từ 'Niết-bàn' xuất hiện trong kinh điển Phật giáo thì nó đã mang nội dung ý nghĩa mới; và cho đến ngày nay thì từ 'Niết-bàn' đã trở thành một thuật ngữ đặc hữu và trang nghiêm của Phật giáo.

Trong kinh Đại bát-niết-bàn liệt kê Niết-bàn có 25 loại (9); luận Tứ đế nêu Niết-bàn có 66 tên gọi khác nhau.(10) Điều này cho thấy trạng thái an lạc, hạnh phúc có rất nhiều cấp độ khác nhau trong lộ trình đoạn hoặc, tu chứng.

Trong kinh luận Hán tạng, người ta phải



dùng các từ vô vi, chân đế, bỉ ngạn, vô hoại, vô động, vô ưu, vô cấu, bất sinh, giải thoát, vô úy, an ổn, vô thượng, cát tường, vô hý luận, vô tránh... cho đến các từ chân như, thật tướng, Như Lai tạng, pháp thân v.v... để chỉ trạng thái hoặc tính chất của Niết-bàn.

Có quan niệm cho rằng, chết là Niết-bàn, như khi nói 'nhập Niết-bàn', nghĩa là một vị Thánh giả trở lên từ bỏ xác thân này. Đó là một quan niệm sai lầm! Nếu nói rằng chết là Niết-bàn thì khi Đức Thích Ca Mâu Ni thành đạo dưới cội cây bồ-đề, ngay sau khi thành đạo, chứng Niết-bàn Ngài đã chết rồi! Cho nên, dưới cây bồ-đề Đức Phật chứng Niết-bàn và cái chết không liên quan gì nhau hết. Nên hiểu, như kinh Thắng Man đã nói, "*Người chứng đắc a-nậu-đa-la tam-miệu-tam-bồ-đề tức là chứng đắc Niết-bàn.*" (11)

Các nhà phiên dịch khi diễn tả cái chết của một Thánh giả thì dịch là 'bát-niết-bàn' (parinirvāna). Chữ 'bát' (pari) có nghĩa là 'hoàn toàn không còn sót lại,' vì vậy, bát-niết-bàn có nghĩa là thân và tâm cuối cùng của một vị A-la-hán đã hoàn toàn diệt hết, tức vô dư niết-bàn (Niết-bàn hoàn toàn, không còn sót lại gì hết). Hiển nhiên, trạng thái Niết-bàn này so với Đức Phật khi ngồi dưới cội cây bồ-đề hoặc một vị Thanh văn đang còn sống chứng đắc 'hiện pháp Niết-bàn' có sự khác biệt.

Niết-bàn có nghĩa là 'diệt.' Chữ 'diệt' này có nghĩa là diệt hết mọi phiền não, tai họa. Kinh Tạp A-hàm nói: "*Tham dục đã được đoạn trừ vĩnh viễn, sân khúế đã được đoạn trừ vĩnh viễn, ngu si đã được đoạn trừ vĩnh viễn, tất cả mọi phiền não đã được đoạn trừ vĩnh viễn, đó là Niết-bàn.*" (12) Kinh Đại bát-niết-bàn cũng nói: "*Hết khổ đau nghĩa là Niết-bàn.*" (13) Đó là thuyết minh chữ 'diệt' có nghĩa là tiêu diệt phiền não và khổ đau; phiền não và khổ đau tiêu diệt thì xuất hiện cảnh giới tịch tịnh, an ổn, khoái lạc, gọi là Niết-bàn tịch tịnh.

Nam truyền và Bắc truyền đều có kinh Niết-bàn, và cả hai truyền thống đều rất coi trọng bài kệ trong kinh Niết-bàn là 'chư hành vô thường, thị sinh diệt pháp, sinh diệt diệt dĩ, tịch diệt vi lạc'. Tịch diệt là đời sống tràn đầy pháp hỷ, không chỉ Thanh văn mà ngay cả tinh thần của Bồ-tát cũng được nuôi dưỡng đời sống bằng pháp hỷ tịch diệt.

Câu-xá luận dùng hình ảnh ngọn lửa tắt ngấm để dụ cho trạng thái Niết-bàn mà Đức Phật chứng được với tâm giải thoát cũng như vậy. Luận nói: "*Giống như ngọn lửa tắt ngấm (ngọn lửa Niết-bàn), sự giải thoát tâm cũng như vậy. Có nghĩa là, giống như sự lụn tàn của ngọn lửa chỉ là sự đi qua của ngọn lửa mà không phải sự đi qua của một thực thể nào khác, sự giải thoát của tâm Thế Tôn cũng vậy, chỉ là sự diệt tận các uẩn chứ không có gì khác.*" (14)

Kinh Niết-bàn của truyền thống Bắc truyền hình như đã phủ định ý nghĩa trên của Câu-xá và cho rằng: "*Nếu nói Như Lai nhập Niết-bàn*



giống như củi hết lửa tắt thì nói như vậy là bất liễu nghĩa; còn nói Như Lai nhập vào pháp tính thì là liễu nghĩa." Kinh này còn nói: "*Nếu dầu đã cạn hết thì ánh đèn cũng tắt theo, ánh đèn đã tắt là dụ cho phiền não đã diệt hết, ánh đèn tuy đã tắt nhưng cây đèn thì vẫn còn; Như Lai cũng như vậy, phiền não tuy đã diệt hết nhưng pháp thân thì vẫn thường tại.*" (15)

Kinh Niết-bàn của truyền thống Bắc truyền là một tập hợp vô cùng phong phú về ý nghĩa của Niết-bàn, như cho rằng Niết-bàn có đầy đủ ba đức tính là pháp thân, bát-nhã, giải thoát; hoặc có đầy đủ bốn đức tính thường, lạc, ngã, tịnh; hoặc có đầy đủ tám công đức thường, hằng, an, thanh lương, bất lão, bất tử, vô cấu, khoái lạc, giống như tám hương vị của đề hồ. Ý nghĩa của Niết-bàn như vậy cho thấy bản thể của Niết-bàn không hề rơi vào trạng thái hư vô, tịch diệt, ngược lại, Niết-bàn lấy thật tướng hoặc pháp thân làm bản thể và có tác dụng làm cho sinh mạng vô cùng tận.

Trên phương diện lịch sử, chúng ta nhận thấy rằng, thời kỳ Phật giáo bộ phái, Niết-bàn được phân thành hai loại, Hữu dư Niết-bàn và Vô dư Niết-bàn. Hữu dư Niết-bàn nói rằng, tuy đã đoạn tuyệt tất cả mọi phiền não để siêu thoát sanh tử, nhưng vẫn còn chịu quả báo của nghiệp quá khứ (tức chỉ cho nhục thể), nên chưa thể nói là Niết-bàn hoàn toàn. Ở một phương diện khác, Vô dư Niết-bàn là đã đoạn tuyệt tất cả mọi phiền não và cũng đã đoạn tuyệt nhục thể, không còn dư y, tức là Niết-bàn hoàn toàn, như Phật nhập diệt. Bát-niết-bàn là chỉ cho Niết-bàn hoàn toàn.

Đến thời kỳ Phật giáo phát triển, Niết-bàn được nhận thức thêm là Tự tính thanh tịnh Niết-bàn và Vô trú xứ Niết-bàn, thành ra có bốn loại Niết-bàn.

Tâm tính tức là Phật tính, xưa nay vốn thanh tịnh, có đủ các đức tính của Niết-bàn là thường, lạc, ngã, tịnh. Phật tính này chính là Tự tính thanh tịnh Niết-bàn. Vô trú xứ Niết-bàn là chỉ cho 'nhờ vào đại trí mà không trụ ở trong sanh tử, nhờ đại bi mà không trụ nơi Niết-bàn'; Vô trú xứ Niết-bàn cũng có nghĩa là Niết-bàn chân thật, không trú nơi sanh tử, không trú nơi Niết-bàn, không chấp trước, không trú trước. Trạng thái Niết-bàn của Đức Phật nhất định cũng giống như vậy.

Kết luận

Trong rất nhiều kinh, Đức Phật thường hỏi các Tỳ-kheo:

- Này các Tỳ-kheo! Năm uẩn là thường hay vô thường?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn, là vô thường.

- Nếu là vô thường, là pháp thay đổi thì có ngã và ngã sở không?

- Không có ngã và ngã sở.

Đức Phật liền dạy:

- Này các Tỳ-kheo! Hãy quán sát như vậy!

Quán sát các pháp vô thường, vô ngã liền đạt được giải thoát.

Căn cứ đoạn kinh văn này chúng ta có thể thấy ba pháp ấn liên quan và nhất quán với nhau. Trong ba pháp ấn, Niết-bàn tịch tịnh tức chính là giải thoát, cũng chính là không. Đức Phật từng dạy rằng: "Các hành đều là Không. Không thường, luôn thay đổi, không có ngã và ngã sở. Tính của các pháp là như vậy."

Bản tính của tất cả các pháp hữu vi là không tịch. Không tịch cho nên vô thường, vô ngã; và vì vậy mà có thể thực hiện Niết-bàn. Ý nghĩa này được khai triển từ ý nghĩa không trong duyên khởi. Cho nên, trong kinh thường nói "Không tương ưng với duyên khởi". Duyên khởi vốn được khai triển từ ý nghĩa không, quán sát duyên khởi thì ngộ được lý tính của tất cả các pháp đều quy về không tịch. Đây là phương pháp và cũng là mục đích mà Đức Phật tuyên thuyết giáo lý Duyên khởi.

Phật nói Tam pháp ấn là từ tư cách hay tự thân của một chúng sanh hữu tình mà nói. Hữu tình là vô thường, vô ngã và không tịch. Trong các tôn giáo truyền thống của Ấn Độ, đặc biệt là các tôn giáo mới hình thành, mỗi tôn giáo đều cho rằng, trong cái thân năm uẩn sanh tử này, hoặc ngoài cái thân năm uẩn này, có tồn tại một cái ngã chân thật và thường trụ. Đức Phật cho rằng, hữu tình là hữu tình của duyên khởi, y theo duyên khởi mà nói thì không có một cái gì là thường trụ, cái gì cũng vô thường, vô ngã.

Một số người cho rằng, hoàn cảnh thích ý là hạnh phúc, hoặc cho rằng duy trì được trạng thái tâm cảnh hòa bình, không khổ không lạc là an ổn. Nhưng theo tuệ giác của Đức Phật, như vậy cũng còn khổ! Cái khổ này, không phải là cái khổ ưu sầu, mà là cái khổ do vô thường. Tất cả mọi niềm vui hạnh phúc, an ổn đều thay đổi, biến hóa không dừng. Cho dù có xứng tâm vừa ý cách mấy, bình an cách mấy, rồi thì cũng chỉ được một thời gian, cuối cùng đều hoại diệt. Có sanh ắt có tử, có trẻ ắt có già, có mạnh ắt có yếu, do đó mà nói "Vô thường là khổ".

Bà-la-môn giáo có thuyết Thường ngã, đó là cái hạnh phúc vi diệu thù thắng. Đức Phật phản đối chủ thuyết này. Tất cả mọi sự mọi vật đều vô thường, biến đổi thì làm gì có cái hạnh phúc vi diệu thù thắng cứu cánh viên mãn? Cho nên, Phật nói vô thường là khổ. Khổ nên vô ngã. Vì sao? Vì ngã có nghĩa là chủ thể, là làm chủ mọi



sự, là tự do tự tại. Nhưng, tất cả mọi loài hữu tình đều do các pháp uẩn, giới, xứ mà thành và biến hóa vô thường, mà vô thường thì khổ, khổ thì không có tự tại, như vậy làm sao gọi là có ngã được? Đức Phật dạy, do vì chúng sanh hữu tình chấp có ngã cho nên mới tạo nghiệp để rồi lưu chuyển sanh tử không dừng. Chấp ngã là căn nguyên của sanh tử luân hồi. Nếu như giác ngộ vô ngã thì không còn cái nhân sanh tử; hoặc, nghiệp đều không khởi, ngay đó thấy được thật tướng các pháp, đạt được chánh giác, tất cả đều là tịch tịnh Niết-bàn.

Đức Phật dựa trên đời sống của chúng sanh hữu tình mà nói ý nghĩa tam pháp ấn. Chúng sanh hữu tình tồn tại trên thế gian này dựa vào năm uẩn và hoàn cảnh để năm uẩn tồn tại, tất cả những pháp này đều là vô thường. Thế gian quả thật là vô thường, nhưng không thể nói vì vô thường nên thế gian khổ và vô ngã. Chẳng hạn, nói cây viết này là vô thường, điều này đúng, nhưng không thể nói vì vô thường nên cây viết khổ và vô ngã. Cây viết là vô tình, căn bản là nó không có cảm giác, tức là nó không biết khổ hay không khổ. Nó không biết khổ hay không khổ, cũng không biết tự do hay không tự do, và cũng không biết chấp trước là ngã. Nó không có ngã, và cũng không có nhu yếu để đòi hỏi vô ngã. Cho nên, thuyết vô thường là khổ, khổ nên vô ngã là y cứ trên đời sống của chúng sanh hữu tình mà nói.

Đức Phật thuyết giảng ba pháp ấn với một phương pháp vô cùng thiện xảo, bởi đồng một mệnh đề mà vừa làm hai phương diện giải thoát: vừa là chân tướng của sự thật, là lý tính phổ biến, vừa là quá trình thực tiễn.

Ba pháp ấn có nghĩa vô cùng sâu xa, nhưng trong mỗi pháp ấn đã bao hàm hai pháp ấn kia.

Mỗi một pháp ấn đã có thể khai hiển nội dung chánh giác. Tức là, mỗi một pháp ấn đã có năng lực xa lìa chấp trước, chứng quả chân thật. Y theo cánh cửa vô thường mà ngộ nhập, tức là vào cánh cửa Vô nguyện giải thoát môn; y theo vô ngã mà ngộ nhập, tức là vào cửa Không giải thoát môn; y theo Niết-bàn tịch diệt mà ngộ nhập, tức là vào cửa Vô tướng giải thoát môn. Bởi vì căn tính của chúng sanh hữu tình vốn bất đồng, cho nên hoặc nói như vậy, hoặc nói như kia, hoặc nói hai pháp ấn, hoặc nói ba pháp ấn, bốn pháp ấn...

Thứ tự quá trình tu tập luôn in đậm tam pháp ấn: trước hết là quán vô thường, do vô thường mà quán thấy vô ngã, và thấy vô ngã là đạt được Niết-bàn. Trong kinh thường nói: yếm ly, ly dục, giải thoát. Đây cũng là thứ tự tu tập theo tam pháp ấn. Quán chiếu các hành vô thường cho nên yếm ly những tai họa của thế gian mà tìm cầu sự xuất ly; thông đạt các pháp vô ngã, không có gì là ta, của ta cho nên xa lìa được tất cả mọi ái dục; ly dục rồi thì tất cả mọi phiền não đều rơi rụng, do đó mà đạt được Niết-bàn giải thoát.

Trong bộ luận Đại trí độ, Bồ-tát Long Thọ nói: Vô thường là cửa không, không là cửa Vô sanh. Đây cũng là cách nói khác về thứ tự của ba pháp ấn, vì không tức là vô ngã, vô sanh tức là Niết-bàn.

Có thể nói giáo lý ba pháp ấn vừa diễn tả chân tướng của các pháp, vừa là lịch trình, là bản đồ tu học. Đây là giáo pháp đặc biệt hy hữu và chỉ duy nhất có trong Phật giáo!

Thích Nguyên Hùng
(Nguồn: thuvienhoasen.org)

(1) ĐTK/ĐCTT, T02, n°.0103, Phật thuyết thánh pháp ấn kinh, p.0500a10.

(2) ĐTK/ĐCTT, T02, n°.0104, Phật thuyết pháp ấn kinh, p.0500b25.

(3) ĐTK/ĐCTT, T02, n°.0104, Phật thuyết pháp ấn kinh, p.0500c02 : 此法印者, 即是三解脱門, 是諸佛根本法, 為諸佛眼, 是即諸佛所歸趣故.

(4) Kinh dẫn thượng.

(5) ĐTK/ĐCTT, T15, n°.0599, Phật vị Hải Long vương thuyết pháp ấn kinh, p.1057b10.

(6) ĐTK/ĐCTT, T02, n°.0099, Tạp A-hàm, kinh số 262, Xa-nặc. Tương đương Pali, S.22.90, Channo.

(7) Câu-xá luận, quyển 16.

(8) ĐTK/ĐCTT, T27, n°.1545, p.994c.

(9) ĐTK/ĐCTT, T12, n°.0374, p.0512c.

(10) ĐTK/ĐCTT, T32, n°.1647, p.0389c.

(11) ĐTK/ĐCTT, T12, n°.0353, p.0220c.

(12) ĐTK/ĐCTT, T02, n°.99, p. 126b.

(13) ĐTK/ĐCTT, T12, n°.0374, p.0514c.

(14) ĐTK/ĐCTT, T29, n°.1558, p.35a.

(15) ĐTK/ĐCTT, T12, n°.0374, p.0402a.

VÔ NGẦN

*nắng vô ngần vào mắt em hỗn độn
vô ngần tôi rụng cả một mùa thi
mưa vô ngần đuổi vào em trận lớn
vô ngần tôi tá túc mộng xuân thì.*

NẢY NỔ

*lăn hòn đá xuống vực đời
cội nguồn nẩy nở nghe rơi tiếng tòm
tôi vào vi diệu nẻo ngang
chớm qua đường tắt vội vàng trời lên
tần ngần cổ thụ hai bên
hỏi thăm nào biết chân kinh chỗ nào
lăn hòn đá xuống vực sâu
dặm trần nghi ngút một màu tử sinh.*

LÒ CÒ CON MỘNG

*cuộc tình cũng trọn một lần
đủ đưa em quá giang gần bên tôi
cuộc đời cũng trọn sinh sôi
đủ đưa tôi quá cảnh ngoài biên xa
quá ngoài vạn lý tuổi già
câu thơ lảm đảm rút ra nụ sầu
quá ngoài hoạt cảnh biển dâu
bao nhiêu hộp rượu đổi màu thanh xuân
quá ngoài bước nhảy ngoài đồng
lò cò con mộng nhảy vòng mệnh tôi
cuộc tình vào trọn đôi lời
đủ ru em giữa bến đời lao xao.*

thơ PHÙ DU

Người đổi chó

NGUYỄN VĂN SÂM

SƠ LƯỢC TIỂU SỬ TÁC GIẢ NGUYỄN VĂN SÂM:

Sanh ngày 21 tháng 03 năm 1940 tại Sài Gòn. Tốt nghiệp Cử Nhân Giáo Khoa Triết Học (Tây Phương) 1965. Cao Học Văn Chương Việt Nam 1972, Năm Thứ Nhứt Tiên Sĩ Văn Chương Việt Nam, khóa đọc nhất trước 1975.

Tùng dạy Trung học (Nguyễn Đình Chiểu, Mỹ Tho, Petrus Ký, Sài Gòn) Đại Học (Sài Gòn, Cần Thơ, Hòa Hảo, Cao Đài, Vạn Hạnh). Vượt biên đến Nam Dương tháng 03, 1979, vào Mỹ tháng 09. Dạy học từ đó đến khi về hưu năm 2006.

Viết cho các tạp chí Văn, Văn Học, Đi Tới, Chánh Pháp...

Tác phẩm:

Trước 75: 1. **Văn Chương Tranh Đấu Miền Nam** (Kỷ Nguyên, Sài Gòn, 1969) 2. **Văn học Nam Hà** (Lửa Thiêng, Sài Gòn, 1972, 1974), 3. **Văn Chương Nam Bộ và cuộc Kháng Pháp 1945-1954** (Lửa Thiêng, Sài Gòn, 1972, Xuân Thu, CA, 1988)

Sau 75: A. **Sáng tác**: 1. **Miền Thượng Uyển Xưa**, tập truyện (Bách Việt, CA 1983, in chung với Đặng Phùng Quân), 2. **Câu Hồ Vân Tiên**, tập truyện (Gió Việt, TX, 1984), 3. **Ngày Tháng Bông Bènh**, tập truyện (Gió Việt, TX, 1987), 4. **Khói Sóng Trên Sông**, tập truyện (Văn, CA, 2000), 5. **Quê Hương Vụn Vỡ**, tập truyện (Viện Việt Học, CA, 2012), 6. **Giọt Nước Nghiêng Minh**, tập truyện (Viện Việt Học, CA, 2018.) 7. **Ước Vọng Bay Tan**, kịch thơ (Tiếng Quê Hương, Virginia, 2016) B. **Phiên âm từ sách Nôm**: 1. **Trương Ngáo** (Viện Việt Học, 2008), 2. **Tội Vợ Vợ Chịu** (Viện Việt Học, 2010), 3. **Người Hùng Bình Định** (Viện Việt Học, 2012), 4. **Mà Lòng Tôi**

(Viện Việt Học, 2013) 5. **Tình Mê Một Cõi** (Viện Việt Học 2015), 6. **Báo Ứng Nhân Quả** (Gió Việt, 2016) C. **Chú Giải Sách Xưa**: 1. **Kể Chuyện Tình Buồn** (Chú giải U Tình Lục của Hồ Văn Trung, 2014, 2. **Chuyện Đời Xưa** (Chú giải Chuyện Đời Xưa của Trương Vĩnh Ký (Ananda Viet Foundation, 2017).

Cơn lên máu cấp tính đeo theo tôi cả chục năm nay đổ ập xuống, trần nhói tim thời kỳ thứ ba thứ tư bùng lên, tôi mơ hồ thấy cánh vật quay mòng và mình sắp ngã, tôi cúi xuống ôm con Mực nói thân thiết: "Mầy tha lỗi cho tao nghe Mực, từ nay mầy về ở với tao. Tao đổi nghề, không đi đổi chó nữa. Tao đổi nghề! Tao đổi nghề...!" Con Mực liếm mặt tôi. Và tôi tiếp đi không còn biết trời trăng gì nữa.

Ban đầu thì tôi chê cái nghề kỳ cục này. Gì mà chó cái lồng chó kêu ăng ăng sau *bọt-ba-ga* cái tiến, đi tới đâu chó trong xóm thì nhau sủa tru mà dẫn chúng thì thò đầu ra ngó chăm bằm rồi xăm xì "đồ thẳng cha làm cái nghề thất nhưn sát đức, giết chó nên chó thấy là sủa ì xèo, tru nghe thảm thiết..." Đã vậy mà phía trước, chỗ tay cầm thì chất chống dầy ứ và lưng lẳng treo mấy cái nồi soong, chảo, ấm, thau, xô... lúc xe chạy phát ra tiếng kêu lo-ong co-oang nhưc đầu nhưc óc. Lĩnh kính thiệt là lĩnh kính. Nhiều khi mấy con chó trong lồng chắc linh cảm số phận mình phải bị mổ bụng móc bộ đồ lòng thui

lông, nướng da, treo tòn teng trước khi bị xéo từng miếng bày lên bàn nhậu, nên bức bối cắn vật nhau khiến tôi kèm lái thiếu điều lợi tay mà thấy té lúc nào không biết, nhiều khi phải ngừng lại nghỉ, chờ cho chúng bớt hăng máu ngà mới có thể đi nữa..

Có điều là chạy xe xuyên từ xóm này qua xóm khác tôi cũng tự cho là có ích trong việc luyện tập thân thể, nhờ hít thở chút không khí thoáng mát của các quận ngoại thành, sướng hơn những đứa buôn bán trong nội thành, tháng này năm nọ hít bụi trăm ngàn xe thì nhau thảy khói đen kịt, về lâu về dài chắc thế nào cũng viêm cuống họng hay đen buồng phổi. Hư con mắt là chuyện chắc chắn, khỏi bàn!

Nghề này cũng còn cái lợi khác là biết nhân tình thế thái, hiểu được sinh hoạt của dân chúng vùng xa. Tôi hay lợi dụng chuyện bán mua trao đổi kà rà kè rề nói chuyện với người đàn bà ngồi chõm hõm trắng bánh trắng trong căn nhà lá ọp ẹp có thể nhìn thấy từ nhà trước cho tới mấy cái nồi ơ chống trơ tuốt ngoài sau bếp. Ngó theo hai tay thoăn thoắt của chị ta, tôi thấy ngộ ngộ làm sao! Tay mặt mướt bột, trắng lên lớp vài bít miệng nồi, tay trái quơ nấp đậy lại, chừng độ một phút sau, tay mặt lại giở ra cạy lớp bột mỏng đặt lên tấm nia, tay trái quậy bột... cứ vậy mà tiếp tục từ cái từ cái, cho tới khi tấm nia đầy thì dựng qua một bên, chờ trời nắng đem ra sân phơi. Tối gần chỗ lò bún, tôi đã cảm nhận mùi chua chua khai khai của bột gạo xú để qua đêm, từ trong mấy cái xô bể miệng đóng cả lớp rêu xanh bên ngoài họ dùng để đựng bột không biết từ đời tám quánh nào tới giờ. Hỏi sao lại để bột *khai* ngấy như vậy, chị chủ cười giải thích gọn bâng: "Làm bún thì bột phải ngâm qua đêm nên khai chua thôi, *không khai không thành bún*." Tôi cũng không hiểu gì hơn với câu trả lời đó, nhưng phải đi, không thể lằng chằng hỏi rạch ròi cho tới ngọn ngành được.

Khó lòng lắm. Mấy tháng trước thẳng bán dừa xiêm nhảy vô can một anh chồng say xin đánh vợ tàn nhẫn, đã bị vu oan là *mầy lấy vợ tao nên mầy binh nó* và rồi bị bửa sọ chết dưới lưỡi dao chặt dừa của chính mình... thiệt lằng nhách! Đời bây giờ người ta dễ nóng và dễ làm bậy lắm. Một chút nghi ngờ nhỏ nhỏ cũng có thể sanh chuyện lớn, bỏ mạng một hai người như chơi, ngừa trước vẫn là hơn.

Tôi đi qua nhiều chỗ ít người lạ đặt chun tới đầu đó là đất đỏ thành, những nơi không có phương tiện giao thông gì khác ngoài xe đạp hay chiếc Honda (tôi quen miệng gọi tuốt tuốt các thứ xe gắn máy là *xe Honda* trong khi từ dài tới báo bây giờ đều gọi nó là *xe máy*), những nơi có mấy bà già lụm cụm nói rằng mình ở đây từ thời Nhật Bản đảo chánh tới giờ bảy tám chục năm trời chưa từng ra tới chợ Sài Gòn. Có đi như vậy mới mở mắt, mới thấy những chuyện ngược đời vô lý, giúp mình thêm kinh nghiệm để sống còn. Chẳng hạn như chỗ làm lạp xưởng, chỗ làm bánh trung thu, chỗ cắt tiết nhỏ lông gà vịt cung cấp cho các chợ, chỗ chế biến lòng heo để làm phá lấu cho các nhà hàng cao cấp, chỗ làm nước tương tàu vị yếu, chỗ vô nước đóng chai, chỗ làm tương chao, chỗ làm các loại nước chấm, tương ớt bằm... Tất cả là một sự dơ dáy đến cùng cực, mất vệ sinh kinh khủng, không thể tưởng tượng được nếu không thấy tận mắt. Tôi tự hỏi sao công nhân làm việc ở đó có thể sống sót được, và sao người ta, những người có chút học thức và rùng rình tiền bạc, lại có thể thản nhiên ăn uống những thứ dơ dáy như vậy mà cứ nhắm mắt khen ngon, không biết mình đã nuốt vô thân thể biết bao nhiêu chất độc hại sẽ tạo nên những di chứng sau này, không phải đời mình thôi, có thể truyền qua tới đời con đời cháu. Đi qua một lò làm bánh tráng, làm bún mùi chua nồng vậy mà còn dễ thở hơn đi ngang qua



chỗ làm lạp xưởng, hay làm đồ lòng, ở đây ruồi vô số và mùi thịt thúi bay dính vô quần áo đi xa cả cây số mùi vẫn còn phưởng phất. Ác nhất là mùi thứ nước màu đỏ đỏ họ dùng để tẩm ướp thịt, nghe như mùi sơn ở cái trại hòm, làm mình liên tưởng đến mùi người chết để qua ngày, hòm bị xì hơi. Đi qua chỗ làm nước tương thì còn ghê hơn, thùng bong chất tràn đầy ra tới sân, chất nước đen ngòm đó được sang qua sớt lại, được vô chai vô thùng, thường là không bao giờ được rửa cẩn thận hay khử trùng, tẩy uế, giòi bọ đầy đủ. Giá cả thì ối thôi giá nào cũng có! Khá khá một chút thì nước nhứt nước nhì đựng trong thùng chai có nhãn hàng hoàng, rẻ rẻ thì nước cặn, nước pha chứa trong *can* hủ không ai biết gì ở trong.

Vậy mà tôi thường đi qua những chỗ đó. Dân ở đây có nhiều chó rất mập mập, lông mượt coi sạch sẽ không ghê chốc. Họ cũng không cần phân biệt chó mực, chó vện, chó cò, chó vá gì hết. Con nào với họ cũng là chó, họ chỉ kêu nài khi tiếc con chó quá mập hay quá lớn mà thôi. Lúc đó thì tôi sẵn sàng móc đưa họ thêm năm ba ngàn cho qua chuyện, nghĩ rằng mình có ăn thì cũng không nên ép người quá đáng. Thăng Tư mặt theo chủ lò chó ở Gò Vấp

rất khoái chó mập, có bao nhiêu nó cũng thâu tuốt. Đối chó lấy nổi nhôm là những người đàn bà mặt mày trôm lơ cần nôi, xoong, chảo, đụn, nên hi sinh một hai con chó trong nhà là chuyện dễ dàng, tôi nói sao họ nghe vậy, trời trăng gì cũng được.

Nói tóm lại cái nghề đổi chó ở ngoại thành coi bộ dễ kiếm cơm và dễ học khôn để sanh tồn. Tôi dễ dãi và chịu thiệt thòi khi cần thiết, chẳng hạn đã hứa rồi thì dầu sau này nôi xoong bị lên giá chút đỉnh, tôi cần răng chịu chứ không kỳ kèo đòi thêm hay lờ đi đem đổi mỗi khác lợi hơn. Đó là *chữ tín của người quân tử* một lời, những thằng cùng nghề nghe tôi nói vậy thì cười chê tôi đại, phán rằng *nói đi nói lại mới là quân tử khôn*. Phải sống trước đã, thiên hạ cả nước mầy chục năm nay ai cũng xạo, ai cũng trơ mặt bóng tội gì mầy làm người mã thượng ngu, sĩ diện hão để chịu thiệt thòi. Ai vô bù lỗ cho mầy đây?

Bây giờ thì khác rồi! Mới có sáu bảy tháng thôi mà tôi thấy mình thay đổi nhiều. Hom hem đáng điệu, hốc hác mặt mày mà lòng thì chai đá, lại thêm tánh tham lam và bầy hầy, trơ trẽn. Lúc chưa bị nghỉ việc, gia đình còn êm ấm, thậm chí khi thất cơ lỡ vận mà còn kiếm ăn được bằng sự quen biết cũ thì đâu có vậy, thấy ai nghèo khổ không giúp được họ lòng cũng xót xa, thấy tội nhỏ xác xơ công lưng bươi bãi rác để kiếm sống cũng biết quay mặt chỗ khác dấu tiếng thở dài. Bây giờ thì nghề nghiệp làm mình biến thể nên tôi có thể an nhiên đứng tiểu bên hông nhà người ta hay chia xẹt vô hàng rào sắt một cách tự tại dưới cái bảng xách mé *Chỉ có chó mới đá ở đây*, hề ai nói tới thì sẵn sàng gây gỗ, thậm chí đàn bà con gái đi gần tới tôi còn chần chờ đứng cho lâu hay làm bộ hờ hênh rồi cười khoái chí. Tôi đi hành nghề với cái miệng dẹo neo kéo nài từng đồng, dầu cho đổi tác đương sống trong căn nhà trống trước huyệt sau của người nghèo mặt. Chuyện họ kéo nài

đối với tôi không còn hữu hiệu nữa. Họ đưa con mập, lớn bự thì tôi chê rằng người nhậu chỉ thích ăn thịt chó nhỏ, vì thịt ngon, còn chó lớn mập, thịt dai đối thì đối vậy chó khó bán cho lò. Còn ai đưa chó nhỏ, ốm thì dễ rồi, chỉ việc nhúng trề làm bộ bỏ đi thì thể nào cũng mua giá bèo, đối được với nỗi nhỏ mòng, xài chừng một hai tháng là móp, lúng.

Bữa nay tôi trúng mảnh. Bà già kia kêu tới cho không con chó mực mới đẻ, bầy con của nó bà đã lỡ cho lối xóm hết rồi. Con Mực cả tuần nay nhớ con nên thấy ai đi lớn gần nhà là xổ ra rượt, rồi lại sanh chứng cắn con nít trong nhà. Bà năn nỉ 'Em bắt nó đi giùm qua, đổi chác gì, đem nó đi là làm phước cho qua, để đây có ngày qua mang qua.' Có nghề và kinh nghiệm bắt chó vậy mà tôi cũng hụt hơi mới thọc được cái vòng vô cổ nó. Con mực này chống chọi với địch thủ rất khí thế, tôi biết khôn đã mang bao tay vậy mà cũng trầy trụa chút đỉnh. Giờ thì đem tới cho ông Tám quán nhậu ở kế bên nhà thờ Tam Phú, Thủ Đức, ống dẫn cả tháng nay là có con nào toàn mực đem thẳng tới tiệm, khỏi phải đem vô lò người ta ăn đầu ăn đuôi. Tôi định bụng trao tay xong, nhét tiền vô túi thì về ngủ được rồi. Trời nắng quá chừng về sớm một bữa là thần tiên một bữa. Ôi Mực ơi, tao cảm ơn mày. Mày chết mà nhiều người khoái khẩu, tao được đỡ khổ một ngày dang nắng vậy là cái chết của mày có lý lắm chứ không phải chơi đâu nhen Mực!

Khi chạy xe ngang qua lò chó của thằng Tư mặt theo, tôi



tính đi thẳng luôn. Có chỗ tẩy hàng rồi ghé vô làm gì để phải nghe nó vừa cò kè từng đồng vừa nói tấn ơn. Còn đương mỉm cười với cái bằng chữ nghĩa trời thần đập vô mắt mỗi lần đọc: *Tại đây mua sắc dụng* năm đối diện với tấm bảng *Miếu Bà Chúa Sứ* thì nghe lùm xùm trong hẻm, thiên hạ đổ ra coi thẳng Tư mặt theo rượt theo con chó vàng đầu bê bết máu chắc đầu đã bị ăn mấy búa tạ rồi. Con chó tội nghiệp chạy lò cò tìm chỗ trốn mà thằng Tư thì xách búa chạy theo chửi thề Đ.M. lia lịa. Tôi ghét cái câu thẳng này tuyên bố mỗi ngày phải đập đầu chừng một chục con thì uống rượu mới ngon. Nó còn vênh vào giải thích rằng là chích điện cho chết thì thường quá mà món hàng mất giá đi vì thịt hơi xanh coi không bắt mắt. Nó nói mà nhe hai hàm răng lờm chờm đóng bựa vàng và khói thuốc đen phụ họa với cái mặt theo bị chém thời cổ Hỷ nào coi thiệt là dọa con nít ông kẹ bắt. Con chó vừa chạy vừa sủa, cuối cùng bí lối nó chúi đầu vô góc kẹt cửa nhà kia để trốn, nhưng cũng không khỏi bị nện vài búa vô sổng lúng. Bị đau con Vàng quay lại tấn công bất ngờ, tấp một cái lẹ như chớp vô mặt thằng Tư theo. Tôi không thấy rõ mặt nó ra sao, chỉ thấy nó Đ.M. rồi buông búa ôm mặt, nhưng tôi rùng mình. Máu người máu chó trộn lẫn nhau coi tởm quá. Con chó dĩ nhiên bị người nhà của thằng Tư xúm tới đập liên hồi, tru như chó sói tru trắng. Tôi thiệt tình lợm giọng muốn mưa trước cảnh tượng cái đầu nó từ từ biến dạng thành đồng bầy nhầy.

Nghe tiếng đồng loại tru thảm thiết, con Mực nãy giờ nằm im trong lồng trên xe của tôi, bỗng nhiên lồng lộn vùng vẫy, nó sủa bằng một giọng đứt khoảng của sự sợ hãi đến cùng cực với đôi mắt ghèn trôi theo máu trào ra ở khóe. Tôi chột động tâm. Cái nhìn của con Mực sao bi thiết đến lạnh mình. Tôi nhớ tới

tấm hình những người Do Thái sắp hàng đi theo họng súng của lính Quốc Xã bước vô lò thiêu, nhớ tới những tiếng *bup, ôi, bup, ôi* liên tiếp vang lên trong đêm vắng khi bị giam trong rừng nơi biên giới Thái-Miên thuở nào. Sao con vật có thể khóc máu trào theo nước mắt được chứ? Lúc đó mắt tôi khô queo mà?

Không cần suy nghĩ, tôi mở cửa lồng định bụng thả cho con Mực chạy đi. Nhưng mà lạ, nó không chạy ra xa mà cắn ống quần tôi, vừa cắn vừa kéo vừa gâu gâu. Tôi tức giận đá cho nó một cái như trời giáng vậy mà nó cũng không buông, rằng nó như có dây cột vô ống quần tôi, lôi đi. Tôi không còn cách nào khác hơn là vừa nhắc lò cò theo nó vừa đập đập nó bằng cái nón bảo hộ. Con chó vẫn kéo. Chừng độ 2, 3 thước khỏi cái xe, tôi đập được con Mực một cái trúng đầu, nó nằm xuống, thì cũng lúc đó tiếng kèn rú long trời cộng với tiếng hú ga nổ pô của hai chiếc xe máy phân khối lớn chạy đua từ đâu xẹt tới, một chiếc, do tránh người, đâm ầm vô xe làm ăng của tôi, tạo ra một âm thanh chói tai và cát bụi mịt mù, nỗi niều xoang chào rớt rời lồng chống.

Thẳng nhóc, công tử con đại gia, cày mặt mình trên đất, may mà không bị thương nặng, lật đật bỏ dậu, dựng xe lên, chửi thề, coi như cái xe tôi có lỗi là chắn đường làm nó té. Tôi chóng mặt ngang, hình như tôi quá kinh hoàng sau khi thoát khỏi tai nạn, không còn tỉnh trí, chỉ nghe mơ hồ như có ai nói thẳng cha đối chó này hên cùng mình, nếu nó còn đứng chỗ cái xe thì tiêu tưng rồi. Tôi thờ dài ngó cái xe của mình, cong queo, gãy đổ đến tội nghiệp, tôi ngó xuống con Mực, nó không cắn ống quần tôi nữa mà ngược nhìn tôi thần thiết vẫy đuôi, hai khoé mắt của nó ghèn pha máu vẫn còn chảy, bây giờ xuống gần tới mũi...

Nguyễn Văn Sâm

MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY

ĐẬU HŨ RÁN NHỒI CÀ CHUA

Cà chua nhồi đậu hũ rán là một món ăn chay thanh đạm nhưng lại không kém phần hấp dẫn, thích hợp cho những dịp ăn chay hoặc bữa cơm cuối tuần. Lại còn rất phù hợp với những người cao huyết áp, mỡ máu hay tiểu đường. Món này hội tụ đủ vị chua chua của cà chua, mặn vừa phải, sốt cà đậm đà, phần nhân mềm, thấm đậm ngon không tả nổi, ăn cùng cơm nóng hay bánh mì đều được. Là món ăn thanh đạm, nhưng lại không kém phần hấp dẫn



Nguyên liệu làm cà chua nhồi đậu phụ rán:

- Cà chua to ngon 6 quả
- Đậu hũ 2 miếng
- Hạt tiêu xay 1 muống cà phê
- Hành khô 0,50g
- Nấm rơm 100g
- Dầu ăn 300ml
- Đậu phụng (lạc) 0,30g
- Rau thơm 1 mớ

Cách làm cà chua nhồi đậu phụ rán:

- Cà chua rửa sạch cắt đôi, móc bỏ ruột, úp xuống rồi cho ráo nước. Nấm rơm làm sạch, băm nhỏ.
- Đậu hũ bóp như.
- Bắc chảo dầu lên bếp, đun nóng già, phi thơm hành khô băm nhỏ. Cho nấm rơm, đậu hũ, lạc rang chín giã nhỏ,



muối, hạt tiêu xay vào đều.

• Lấy mùc vào cà chua cho miết mặt đẹp. vào hấp thuy.

• Cà chín lấy ra để nguội, thả vào chảo dầu nóng già rán

chín vàng. Cho ra đĩa, rắc hạt tiêu xay, rau thơm lên trên.

• Cà nhồi đều, không bị vỡ nát, nhân bên trong vừa gia vị, thơm mùi đặc trưng.



Chu Ngọc Anh

Chú thích: Tbsp: tablespoon (muống canh), khoảng

KHI CON CHIM THÔI HÓT

Khi con chim thôi hót.
Khi con bướm, con ong không còn nữa.
Khi núi rừng trơ trụi.
Khi ao hồ khô cạn.
Khi cá chết nổi lều bều.
Khi không khí đen ngòm lá phổi.
Thì bạn có ngồi trong cung vàng điện ngọc.
Bên cạnh một đồng đô-la.
Thì cũng chỉ ngồi trong địa ngục.
Vậy tôi xin bạn,
Bỏ bớt đô-la để lo cho trái đất này trong sạch.
Khi con chim thôi hót.
Khi vợ chồng không còn nói với nhau những lời
dịu ngọt.
Mà bằng tranh luận chọi đời.
Khi bạn bè không còn nhìn nhau bằng tấm lòng
huynh đệ.
Mà bằng nhãn quan chính trị.
Khi quần chúng gặp nhau,
Phải dò xét xem có cùng chính kiến.
Thì thế giới này sẽ là bãi chiến trường.
Khi bạn bệnh Ô. Trump,
Coi chừng mất việc và là người kỳ thị.
Khi bạn ủng hộ Clinton, Obama,
Coi chừng người ta sẽ nói bạn là quân bán nước
hay khuynh tả.
Ồi sự chia rẽ thật kinh hoàng, kỳ lạ!
Khi con chim thôi hót.
Rồi chỉ còn tranh giành quyền lực.
Vì quyền lực để ra hạnh phúc,
Và để ra vô số bạc tiền.
Khi con chim thôi hót,
Khi bé thơ không còn thích đuổi chuồn chuồn, bắt
bướm.
Mà chỉ thích chơi games.
Những trò chơi chém giết rất hồn nhiên,
Rồi có thể đánh bom tự sát.
Khi con chim thôi hót.
Con nai không nước uống.
Con suối nhỏ cũng u buồn.
Thì mạng sống của suối cũng có ngày chấm dứt.
Khi con chim thôi hót.
Thế giới này chỉ còn nhạc *Rock*, *Football* và *Sex*.
Những cô gái hở hang có thân hình gợi dục,
Được tôn thờ như “thánh nữ” thời xưa.
Hình ảnh gửi đi được triệu triệu người thèm khát.
Đó là thứ “tôn giáo” của thời kỳ điện tử.
Loại “tôn giáo” hái ra tiền bạc.
Đạo đức, tâm linh rồi thành món hàng xa xỉ.

Là đồ trưng ở viện bảo tàng.
Khi con chim thôi hót.
Thì *software* là bộ óc tinh khôn.
Con người ra, chỉ những xác không hồn.
Như chiếc máy và chỉ cần bấm nút.
Khi con chim thôi hót,
Tất cả vũ khí rồi sẽ phải tàng hình.
Những *robot* rồi sẽ thay người lái.
Để bom đạn dội xuống mà không ai hay biết.
Lúc đó bạn và tôi sẽ chết,
Chết như mơ và chết thật tình cờ! (1)
Khi con chim thôi hót,
Những đóa hồng rồi cũng héo tàn.
Hoa hướng dương cũng chẳng buồn than khóc.
Xe vận tải kia rồi thành phương tiện giết người.
Khi con chim thôi hót.
Sống cho mình và chẳng biết có ai.
Con người ra rồi sẽ thành cỗ máy.
Máy làm tình và máy giết người thôi.
Khi con chim thôi hót,
Mà bạn nói ra những lời đạo đức.
Coi chừng người ta sẽ nói bạn là quân đạo đức
giả.
Cho nên tốt hơn chúng ta im lặng.
Khi con chim thôi hót,
Thì nguyện cầu cũng chỉ là vô ích.
Vì nguyện cầu xong rồi ra ngồi ăn nhậu.
Thêm hung hăng, thêm can đảm giết người.
Khi con chim thôi hót.
Đồng bằng Sông Cửu Long sẽ mất đi một nửa.
Nhiều thành phố sẽ chìm sâu xuống biển.
Như Jakarta, New Delhi, Florida và nhiều nơi
khác.
Những ông bà tỷ phú đâu chịu thiệt?
Sẽ mua nhà, xây dinh thự ở Hỏa Tinh.
Để kẻ nghèo sống ở đây chờ chết.
Khi con chim thôi hót,
Dù tí ti người cầu xin tha thiết.
Và cho dù “Đấng Cứu Thế” xuống đây.
Thì trái đất cũng chỉ là địa ngục.

thơ

ĐÀO VĂN BÌNH

(Trích trong *Kinh Hạnh Phúc sắp xuất bản*)

(1) Lời của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn

WHEN THE BIRDS STOP SINGING

When the birds stop singing
When the butterflies and the bees disappear
When the mountains and forests became barren
When the lakes and ponds dry up
When the dead fish float about
When the air blackens the lungs
you will see you are sitting in a hell
despite you are sitting next to piles of dollars
in a golden palace or a jewel castle
Hence I ask you
to give some dollars to help clean the earth
When the birds stop singing
When the husband and wife bicker at each other
with abusive words, not sweet words.
When the friends start seeing at one another
through the political eyes, not with brotherly
kindness
and when the people gather
and have to guard against other political views
the world becomes a battleground.
When you defend Trump
you would lose your job and be called a racist.
When you support Clinton and Obama
You would be called a traitor or a leftist.
Oh, the political division of people is so weird
and terrible.
When the birds stop singing
people begin to compete to win the power
that will give them happiness
and lots and lots of money.
When the birds stop singing
then the kids hate to run after dragonflies and
butterflies
Instead, they will addict to play the games
whose scenes are full of innocent killings
where they could wear suicide-bomb vests.
When the birds stop singing
and the deer have no water to drink
the small creek turns sad
its life is going to end.
When the birds stop singing
the world still has only the Rock music, Football
and Sex.
With skimpy clothing and sexy bodies
the girls are worshipped as the ancient "holy
ladies."
Millions of people are hungry for their images.
That is the religion in the electronic age,
a kind of religion that makes lots of money.
Becoming unneeded goods

morality and spirituality will be exhibited only
in museums.
When the birds stop singing
the software will be the smart brains
and humans will be lifeless corpses
- just like the machines that will move when the
buttons are pressed.
When the birds stop singing
all weapons have to be invisible
and the robots will replaces the pilots
- thus, nobody would see the dropping bombs
Then you and I will die
just like dying in a dream, very abruptly.
When the birds stop singing
the roses will wither soon
the sunflowers won't bother to cry
the trucks will become the killing machine.
When the birds stop singing
people live for themselves, care not for others
and become the machines
- the machines that fulfill their sexual fantasies
and kill enemies.
When the birds stop singing
you will want to be silent
Beware that you will be called a hypocrite
if you say moral words.
When the birds stop singing
prayers are useless
After the praying sessions, people get drunk
and will be more aggressive for the next killing
action.
When the birds stop singing
half of the Mekong River will disappear
many cities will dip in the ocean water
- Jakarta, New Delhi, parts of Florida, and many
others.
Moving to a safe place
the billionaires will buy mansions in Mars
The poor have to live here, waiting for death.
When the birds stop singing
despite billions of humans pray intensely
and even if the Savior comes here
the Earth will be just a hell.

Translated by **NGUYỄN GIÁC**

*(Excerpt from 'The Discourse of Happiness' to
be published soon.)*

CHÁNH NGŨ

Bình Anson

Chánh ngữ là lời nói chân chánh, không tạo nghiệp bất thiện bằng lời nói, mà trái lại, dùng lời nói để tạo các nghiệp thiện lành. Trong Bát Chánh Đạo, Chánh Ngữ là chi thứ ba, và được định nghĩa như sau, như đã ghi trong Tương Ưng Bộ: "Thế nào là chánh ngữ? Đó là từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói lời độc ác, từ bỏ nói lời phù phiếm." Đó là về mặt tiêu cực. Về mặt tích cực, Đức Phật cũng dạy rằng chúng ta phải cố gắng tu tập để có những lời nói chân thật, hòa hợp, dịu dàng, và có ý nghĩa. Khi ta thực tập được những lời nói này, ta được nhiều người quý mến. Để đáp lại, họ sẽ lắng nghe những gì ta nói ra, và sẽ đáp ứng thân thiện và xây dựng.

Trong Tăng Chi Bộ 10.176, Đức Phật dạy:

-- "Có bốn pháp tịnh hạnh về lời nói:

1) Ở đây, có người đoạn tận nói láo, từ bỏ nói láo. Nếu không biết, người ấy nói: "Tôi không biết"; nếu biết, người ấy nói: "Tôi biết"; nếu không thấy, người ấy nói: "Tôi không thấy"; nếu thấy, người ấy nói: "Tôi thấy". Như vậy lời nói của người ấy không trở thành cố ý vọng ngữ, hoặc nguyên nhân vì mình, hoặc nguyên nhân vì người, hoặc nguyên nhân vì một vài quyền lợi gì.

2) Người ấy đoạn tận nói hai lưỡi, từ bỏ nói hai lưỡi. Nghe điều gì ở chỗ này, người ấy không đi đến chỗ kia nói, để gây chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, người ấy không đi nói với những người này, để gây chia rẽ ở những người kia. Như vậy người ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, tăng trưởng những kẻ hòa hợp, thích thú hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp.

3) Người ấy đoạn tận lời nói độc ác, từ bỏ lời nói độc ác. Người ấy chỉ dùng những lời nói nhu hòa, êm tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui ý nhiều người.

4) Người ấy đoạn tận lời nói phù phiếm. Người ấy nói đúng thời, nói chân thật, nói có ý nghĩa, nói Pháp, nói Luật, nói những lời đáng được gìn giữ. Vì nói hợp thời, nên lời nói thuận lý, có mạch lạc, hệ thống, lợi ích".

Đó cũng là 4 thiện nghiệp về Khẩu trong 10 thiện nghiệp (thập thiện nghiệp) mà Đức Phật thường giảng dạy cho các vị đệ tử cư sĩ. Còn các thiện nghiệp khác là về Thân có 3: các hành động không sát sanh, không trộm cắp,

không tà dâm; và về Ý có 3: các ý tưởng không tham, không sân, không si.

Cũng có trường hợp, khi ta nói chân thật và lễ độ mà vẫn chạm đến tự ái của kẻ khác, khiến họ phật lòng. Tuy thế, đôi khi cần phải nói sự thật dù có mất lòng nhưng hữu ích, có khả năng đem đến lợi lạc trên đường tu tập. Trong kinh số 58, Trung Bộ, Vương tử Vô Uy hỏi Đức Phật rằng có thể nào lời nói của Ngài làm phật ý người khác hay không. Ngài trả lời:

-- "Này Vương tử Vô Uy, lời nói nào Như Lai biết không như thật, không như chân, không tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác không ưa, không thích, Như Lai không nói lời nói ấy.

Lời nói nào Như Lai biết là như thật, như chân, không tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác không ưa, không thích, Như Lai không nói lời nói ấy.

Lời nói nào Như Lai biết là như thật, như chân, tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác không ưa, không thích, ở đây, Như Lai biết đúng thời mà giải thích lời nói ấy.

Lời nói nào Như Lai biết là không như thật, không như chân, không tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác ưa và thích, Như Lai không nói lời nói ấy.

Lời nói nào Như Lai biết là như thật, như chân, không tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác ưa và thích, Như Lai không nói lời nói ấy.

Và lời nói nào Như Lai biết là như thật, như chân, tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác ưa và thích, ở đây, Như Lai biết đúng thời mà giải thích lời nói ấy".

Như thế, chúng ta thấy rằng Đức Phật chọn đúng thời để giảng dạy người khác, với những lời lẽ như thật, như chân, đưa đến mục đích giải thoát giác ngộ, cho dù lời ấy được người nghe ưa thích hoặc không ưa thích.

Trong kinh Lời Nói (Tăng Chi 5.198), Đức Phật giảng 5 yếu tố của một lời nói thiện lành như sau:

--"Thành tựu năm chi phần, này các Tỷ khưu, các lời là thiện thuyết, không phải ác thuyết, không có phạm tội và không bị những bậc Hiền trí chỉ trích. Thế nào là năm? Nói đúng thời, nói đúng sự thật, nói lời nhu hòa, nói lời đem đến lợi ích, nói với lời từ tâm".

1) Nói đúng thời: có khi một lời chân thật nhưng không được phát biểu đúng lúc thì thành ra vô ích hoặc làm cho người khác bức mình. Người thiện trí phải tế nhị để áp dụng lời nói của mình đúng chỗ, đúng lúc.

2) Nói đúng sự thật: bậc thi?n tri thức nói một lời phải dựa trên sự thật, không ngụy biện, không lừa dối.

3) Nói lời nhu hòa: lời nói cần phải dịu dàng, lễ phép, tạo không khí hòa hợp.

4) Nói lời đem đến lợi ích: lời nói phải có mục đích và ý nghĩa của nó, dù là lời chân thật nhưng không có mục đích đem lại lợi ích cho ai,

thì đó cũng chỉ là lời nói nhảm, vô dụng.

5) Nói lời với từ tâm: lời nói phải phát xuất từ tấm lòng thương yêu, cần trọng.

Ngoài ra, trong bài kinh Khéo Thuyết, Kinh Tập 78, Đức Phật giảng thêm:

-- "*Thành tựu bốn chi phần, này các Tỳ-khưu, lời nói được khéo nói, không phải vụng nói, không có lỗi lầm, không bị người trí quả trách. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo chỉ nói lời khéo nói, không nói lời vụng nói; chỉ nói lời đúng pháp, không nói lời phi pháp; chỉ nói lời khả ái, không nói lời phi khả ái; chỉ nói lời đúng sự thật, không nói lời không đúng sự thật. Thành tựu với bốn chi phần này, này các Tỳ-khưu, lời nói là được khéo nói, không phải vụng nói, không có lỗi lầm, không bị người trí quả trách.*"

Trong Tăng Chi Bộ 10.69, Đức Phật khuyên chúng ta chỉ nên bàn luận về những đề tài thiết thực, có ích lợi trong sự tu tập:

-- "*Có mười đề tài đáng để đàm luận. Thế nào là mười? Đó là các câu chuyện về ít dục, câu chuyện về biết đủ, câu chuyện về viễn ly, câu chuyện về không tụ hội, câu chuyện về tinh tấn, câu chuyện về giới, câu chuyện về định, câu chuyện về tuệ, câu chuyện về giải thoát, câu chuyện về giải thoát tri kiến.*"

Ngài thiền sư Buddhadasa (Phật Lệ), Thái Lan, giải thích thêm:

1) Giảm dục (*Appiccha-gatha*): đàm luận để giảm lòng tham, dùng những từ ngữ khuyến khích ta tiết giảm lòng ham muốn.

2) Biết đủ hay Tri túc (*Santutthi-gatha*): đàm luận để đưa đến sự biết đủ, dùng những từ ngữ khuyến khích ta thỏa mãn với những gì mình đang có, mà không còn chú ý đến các tiện nghi xa hoa.

3) Viễn ly hay Độc cư (*Paviveka-gatha*): đàm luận để đưa đến sự sống một mình, dùng những từ ngữ khuyến khích việc sống và tư duy đơn độc, xa lánh các náo động.

4) Không tụ hội hay Giảm Tiếp (*Asamsagga-gatha*): đàm luận để tránh các tiếp xúc vô ích, dùng những từ ngữ khuyến khích ta tránh phí phạm năng lực và thì giờ.

5) Tinh tấn (*Viriyaambha-gatha*): đàm luận để bảo tồn và gia tăng tinh tấn, dùng những từ ngữ khuyến khích nỗ lực trong tu tập.

6) Giới đức (*Sila-gatha*): đàm luận để giữ giới hạnh tốt, dùng những từ ngữ để khuyến khích gìn giữ đức hạnh.

7) Thiền định (*Samadhi-gatha*): đàm luận để tạo lập tâm an định, thẳng băng, chuyên chú, tổng hợp, dùng những từ ngữ để khuyến khích tâm thêm trong sáng và ổn cố.

8) Trí tuệ (*Panna-gatha*): đàm luận để tạo



thông minh và trí tuệ, dùng những từ ngữ để khuyến khích sự phát triển tuệ minh triết.

9) Giải thoát (*Vimutti-gatha*): đàm luận để giải thoát, dùng những từ ngữ để khuyến khích sự giải thoát tâm trí khỏi mọi phiền não, mọi mầm mống bất thiện.

10) Tri kiến Giải thoát (*Vimuttinānādasāna-gatha*): đàm luận để tạo lập tri kiến giải thoát, dùng những từ ngữ để khuyến khích sự chú tâm và hiểu biết về tri kiến giải thoát, xả ly khỏi mọi tham thủ và phiền não.

Đức Phật rất chê trách những cuộc nói chuyện huyền thuyên, phí thời gian vô ích. Những lời gièm pha và đồn đãi không đem

đến lợi lạc gì, vì chúng làm quấy động sự yên tĩnh và định tâm. Ngài cũng giảng thêm rằng người ta không thể trở thành bậc trí chỉ vì nói nhiều, cũng không phải vì nói nhiều mà người ta được gọi là bậc lão thông Pháp (*Dhammadhara*), như trong các câu Pháp Cú sau đây:

*"Dầu nói ngàn ngàn lời,
Nhưng không gì lợi ích,
Tốt hơn một câu nghĩa,
Nghe xong, được tịnh lạc." (PC 100)*

*"Không phải vì nói nhiều,
Mới xứng danh bậc trí.
An ổn, không oán sợ.
Thật đáng gọi bậc trí." (PC 258)*

*"Không phải vì nói nhiều,
Là thọ trì chánh pháp.
Người nghe ít điều pháp,
Nhưng trực nhận viên dung,
Chánh pháp không buông lung,
Là thọ trì chánh pháp." (PC 259)*

Trong ngôn ngữ Pāli, danh từ "Mâu-ni" (*Muni*) trong tên "Thích-ca Mâu-ni" (*Sakya Muni*) có nghĩa là người luôn giữ sự yên lặng (bậc Tịch tịnh), thường được dùng để gọi một vị Thánh. Đức Phật thường khuyên các vị tu sĩ đệ tử rằng: "*Này các Tỳ-khưu, khi quý vị hội họp với nhau, có hai việc cần phải làm: một là đàm luận về Chánh pháp, hai là giữ sự im lặng của bậc Thánh*" (Phật tự thuyết, Ud 10).

Tóm lại, lời nói có một ảnh hưởng vô cùng quan trọng, không những tác động đến đời sống hạnh phúc của mỗi cá nhân mà còn có thể tác động đến sinh hoạt của xã hội. Nếu có tinh giác và định hướng tốt, lời nói qua các cuộc đàm luận, giao tiếp hằng ngày, sẽ mang đến nhiều lợi ích cho sự tu tập của những người con Phật chúng ta. Chính vì thế mà Đức Phật đã đưa Chánh Ngữ vào Bát Chánh Đạo, con đường Tám Chánh dẫn đến giải thoát giác ngộ.

Bình Anson
(<http://www.budsas.org>)

Truyện ngắn trăm linh tám chữ

STEVEN N.



NHÂN QUẢ KHÔNG BIẾT THIÊN VỊ

Phát hiện y nhiều lần đạo văn của mình, khi thì cắt hoặc sửa đổi chút ít, khi thì bê nguyên con. Anh nhẹ nhàng nhắc:

- Mình hoan hỷ chia sẻ với mọi người nhưng chỉ mong anh đừng tự ý sửa đổi hay thay tên tác giả.

Y chẳng những không nghe mà còn trắng tráo:

- Vạn pháp giai không, tên tuổi cũng không, tranh làm gì cái hư danh.

Biết gặp phải kẻ vô đạo, anh bèn chốt câu cuối cùng:

- Vạn pháp giai không nhưng họa-phước lại có, luật thế gian có thể tư tình nhưng luật nhân quả không hề biết thiên vị.

ĐI HAY Ở

Bốn bang loạn lạc, nổi da xáo thịt khốc liệt dần cũng đến hồi tàn. Bá tánh ra đi tìm đường sống, huynh đệ ly tán kẻ ở người đi. Nhiều năm sau lắng xuống nhưng thị phi vẫn không thôi. Thầy không tranh luận mà chỉ nhỏ nhẹ:

- Đi cũng hộ chúng mà ở cũng hộ chúng.

Giói truyền thông có nhiều kẻ quá khích và thiên lệch, thường đăng đàn lợi dụng phương tiện truyền thông bêu riếu người ở lại là theo gian nhân tà phái. Thầy bảo họ:

- Chịu khổ nhục ở lại để chúng còn, người ra đi thì gây dựng lại chúng.

TƯƠNG BÀ SÁU

Bên kia cổng Thầy Tư có bà Sáu làm tương nổi tiếng ngon nhất vùng. Tương của bà vừa béo, thơm lại rền... Người không ăn chay cũng thèm tương của bà. Không chỉ bán

mà còn biểu các chùa khắp các làng. Có kẻ xúi bà:

- Thời buổi này mà làm thủ công không khá đâu, bà phải dùng hóa chất phụ gia để tương nhanh rền, bán được nhiều và lãi sẽ cao.

Bà Sáu cương quyết:

- Không! Tôi phải giữ lấy nghề gia truyền và cái đức nhà.

Thầy nghe chuyện tán thán:

- Tương bà Sáu béo thơm ngon, tương bà sau tròn phước đức!

ĂN NHƯ SƯ, Ở NHƯ PHẠM

Đông Hải có một quốc độ nhỏ nhưng xưa nay vốn coi trọng người thầy. Người đi học làm thầy cũng được yêu mến. Nhưng từ khi tân vương chấp chính thì nghề giáo cũng suy vi theo, đạo đức suy đồi, sự kính trọng không còn, đời sống khó khăn nên người theo học cũng giảm dần. Có ông nghị đến thăm sinh viên một trường sư phạm và cảm thán:

- Ăn như sư, ở như phạm.

Báo chí có cơ hội phụ họa theo:

- Ăn thì canh toàn quốc (nước), học thì toàn chay (lý thuyết suông) thì năng lực và tâm huyết đâu mà dạy!

BÒN ĐỨA ĐẠI, ĐÃI ĐỨA KHỒN

Hãng đóng cửa, Tim đi làm nail tạm thời, mặc dù đã được cảnh báo trước:

- Nghề nail không cần trình độ chi mấy nhưng nhiều phiền não lắm đấy!

Quả thật vậy, ngày đầu đã chứng kiến hai thợ chửi nhau:

- Đồ tham lam, sao giựt khách của tôi!

Người kia không vừa:

- Đồ bần tiện, cứ lựa khách cho tít mà làm!

Hôm sau thì một anh thợ xé đôi đồng bạc:

- Khách cho một đồng, tao năm mươi năm năm mươi!

Tiền ngày nào cũng se sua hàng hiệu, có người khoe:

- Mới đi casino về thua hết mấy xấp, giờ phải cày bù lại!

CÔNG ĐỨC HAY CÔNG ĐÚT

Trải mấy đời thừa tướng nhưng chưa có thời nào tàn hại như thời của y: núi rừng loang lổ cào phá sạch, sông biển ô nhiễm muôn loại chết dần hồi, xã hội băng hoại ghê gớm. Riêng gia tộc y và đám thủ hạ thì giàu vô kể. Ngày cáo lão y còn lên giọng:

- Chúng ta phải sống cho tử tế.

Về quê, y cho bạt ngay quả núi và dựng ngôi chùa y hết tử cấm thành. Y bảo là làm công đức. Thiên hạ khóc như rì, quỷ thần oán thán. Riêng đám sĩ phu thì thăm bảo:

- Công đức hay công đút!

ĐẠI PHÚC

Vốn là xứ sở hùng mạnh và giàu có nhất nhì ở vùng đất lạnh, đã từng gây ra hai trận đánh nhau long trời lở đất. Cư dân hãnh diện về giòng giống của mình tương đối thuần chủng. Họ cũng khá nhân từ, khi thảm nạn thuyền nhân xảy ra. Họ đã cứu vớt hàng vạn người trên biển. Những nạn nhân này sau khi an ổn đã nhiều lần tỏ lòng biết ơn:

- Các vị thật là tốt bụng!

Một nam tử trông to cao cười hề hề chỉ bụng mình:

- Bọn tớ nổi tiếng đại phúc, có thể mới là dân xứ bia này!

Georgia, 5/2018

Anh em nhà họ Điền

BS. NGUYỄN Ý ĐỨC

Cổ tích Việt Nam có chuyện anh em nhà họ Điền, đọc lại mà thấy có nhiều điều đáng suy nghĩ.

Ngày xưa có dòng họ Điền, anh em sống với nhau từ đời nọ tới đời kia rất hòa thuận. Về sau họ này chỉ còn lại ba anh em sống vui vẻ tử tế, cho tới khi người thứ hai lấy vợ. Người vợ tính tình ích kỷ, lại hay sinh sự lằm lờ cho nên không khí trong gia đình không còn được như xưa. Rồi một hôm người vợ nhất quyết đòi chia gia tài của ba anh em và bắt ép chồng đi ở riêng.

Người chồng ban đầu nghĩ tình anh em bấy lâu nay sum họp mà không nỡ chia lìa, nhưng người vợ ngày đêm cắn nhả khó chịu, kiếm chuyện gây gổ trong nhà nên cũng

đành nghe theo lời vợ, xin anh em đi ở riêng.

Người anh cả khuyên không được cũng đành phải chia của cải cha mẹ để lại ra làm ba phần đều nhau. Chỉ còn một cây cổ thụ trước nhà, cành lá sum xuê xanh tốt, chưa biết làm cách nào để chia cho đều. Cả ba anh em cùng nghĩ ngợi, rồi sau cùng quyết định gọi thợ về hạ cây xuống, chia thành ván chia làm ba phần.

Đến hôm định hạ cây xuống, buổi sáng ba anh em ra vườn thì thấy cây cổ thụ đã héo khô từ bao giờ. Người anh cả bèn ôm lấy gốc cây mà khóc nức nở. Hai người em thấy vậy mới hỏi anh:

“Một thân cây khô héo, giá phỏng là bao mà anh phải thương tiếc như thế?”

Người anh cả đáp lại rằng:

“Có phải anh khóc vì tiếc cây đâu, song nghĩ loài cây cỏ vô tri kia nghe thấy sắp phải chia lìa mà còn biết buồn phiền khô héo đi, huống gì chúng ta đây là người cùng ruột thịt. Anh thấy cây mà suy nghĩ tới cảnh anh em chúng ta, anh mới phải khóc.”

Nghe anh nói, hai người em hiểu ý đưa mắt nhìn nhau rồi cùng òa khóc. Người vợ xúi chồng đi ở riêng thấy vậy cũng rơm rớm nước mắt, đâm ra hối hận, cúi đầu xin lỗi hai anh và thề không bao giờ còn tính tới chuyện chia lìa nhau nữa.

Từ hôm đó, ba anh em lại ở với nhau êm ấm, vui vẻ như trước. Cây cổ thụ đã khô héo cũng trở lại xanh tươi.

Thành ra tình ruột thịt bao giờ cũng quý, đừng chia lìa nhau.

Gia đình là một đơn vị của xã hội. Nếu mỗi cá nhân trong xã hội sống hòa thuận keo sơn với nhau thì tình thân cũng gia tăng mà xã hội đó cũng ngày một phát triển.

Mong sao xã hội mình cũng keo sơn như vậy.



HÌNH ẢNH ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PL 2562 DO GHPGVNTN HOA KỲ VÀ CỘNG ĐỒNG PGVN NAM CALI TỔ CHỨC





Photos by Thanh Huy (Việt Báo)

Gia đình đa tôn giáo

THÍCH QUẢNG AN

Beng...beng...!
Beng...beng...! Tiếng chuông nhà thờ lại điểm như mọi ngày. Hôm nay là Chủ nhật nên đứa em gái của tôi lại phải dậy sớm để đi lễ. Tôi chúa ghét cái ngày này, vì đây là ngày nghỉ mà đứa em gái của tôi thức dậy là cả gia đình tôi cũng không thể ngủ được với nó. Nhiều lần tôi đã góp ý nhắc nhở, lúc thức dậy phải nhẹ nhàng tránh làm ảnh hưởng đến người khác khi đang ngủ nhưng nó vẫn tánh nào tật đó. Riết rồi tôi cũng chẳng thèm nói nữa, chỉ tự nghĩ trong tâm làm sao đẹp quách được cái ngày này cho xong.

Nghĩ cũng lạ, trong gia đình mẹ tôi theo đạo Phật, ba tôi (đã mất) thì theo tín ngưỡng thờ cúng ông bà. Tôi có một người chị là luật sư rất mực tôn sùng Khổng giáo; một người anh là bác sĩ lúc đầu theo Phật giáo sau này chuyển sang ca ngợi Yoga dưỡng sinh; một đứa em gái là phóng viên tin tuyệt đối vào đức Chúa trời; đứa em trai còn đi học thì chưa định hình trường phái tôn giáo nó sẽ theo. Còn tôi, một đứa cứng đầu chỉ một mực dựa trên cơ sở của khoa học, cộng với tôi là giảng viên ngành vật lý của một trường Đại học có tiếng ở thành phố nên có thể nói tôi theo chủ nghĩa vô thần.

Cuộc sống thường nhật của gia đình tôi rất hạnh phúc trên phương diện vật chất nhưng về tinh thần thì có một chút sự bất đồng và thiếu hài hòa của mỗi thành viên. Riêng mẹ tôi, bà vẫn giữ được thái độ cởi mở, rộng lượng và yêu thương các con của mình. Tôi không biết, không cảm nhận được cũng như chưa thể suy nghĩ sâu sắc đến nội tâm của

mẹ; với tôi, mẹ là mẹ -- là người từng trải giữa cuộc đời sóng gió để mưu sinh nuôi các con của mình, tình thương của mẹ dành cho con là vô bờ bến, chỉ có thể. Tôi chưa bao giờ nghĩ mẹ tôi là một người cảm nhận sâu sắc và luôn thực hành theo lời Phật dạy, cho đến một ngày gia đình tôi xảy ra một biến cố, đó là vào ngày giỗ ba tôi.

Đây là ngày giỗ đầu tiên từ ngày ba mất. Sự ra đi của ba để lại cho gia đình tôi nhiều mất mát. Chúng tôi mất đi điểm tựa tinh thần, lạc đi chiếc gương soi, vắng đi những lời dạy về cách đối nhân xử thế, đạo lý làm người. Nhưng may thay chúng tôi vẫn còn một người mẹ - người đã thay ba làm điểm tựa, bắt tiếp nhịp cầu để chúng tôi tiếp tục bước đi trên đường đời.

Trước ngày giỗ ba hôm là buổi họp mặt gia đình để chuẩn bị cho ngày giỗ chính thức được chu toàn, mẹ lần lượt hỏi ý kiến các anh chị của tôi về những vấn đề liên quan đến việc thờ cúng. Có lẽ mọi việc sẽ ổn thỏa và kết thúc êm đềm nếu không có sự-- --"xen vào" của tín ngưỡng tôn giáo. Chị cả tôi đứng trên phương diện của Nho giáo nên một mực đề cao việc cúng kiếng. Chị cho rằng việc thờ cúng ông bà cha mẹ sau khi qua đời là việc phải làm của bất cứ người con nào, phải làm cho chu đáo để mọi người thấy được sự hiếu nghĩa của con cái trong gia đình, đó cũng là một phần nào báo đáp lại ân đức của cha mẹ đã sinh thành và nuôi dưỡng. Anh tôi theo phép dưỡng sinh Yoga nên ai nói gì anh cũng chỉ ừ à cho xong.

Em gái tôi ở góc nhìn của một tín đồ ngoan đạo Thiên Chúa nên không xem trọng việc thờ cúng gia tiên. Em trai tôi còn nhỏ nên chỉ biết lắng nghe ý kiến của các anh chị. Còn tôi, chắc có lẽ chịu ảnh hưởng nhiều từ ba nên vẫn giữ nét văn hóa thờ cúng ông bà. Tôi không tin mấy vào những điều thần bí của các tôn giáo, và việc thờ cúng cho người đã mất theo tôi chỉ là hình thức bên ngoài, không quan trọng. Nhưng thời thì lâu nay ông bà mình làm sao nay mình làm vậy cũng chẳng ảnh hưởng gì.

Sau một hồi đưa ra hàng loạt ý kiến, tư tưởng cá nhân của mỗi người; nào là nấu chay, mặn, những món nào ba thích ăn lúc còn sống bây giờ phải cúng, giấy tiền vàng mã đã mua chưa, cúng lúc mấy giờ, việc xả tang phải để ba năm, có nên mời ai đó về làm chủ lễ cầu siêu, bà con khách khứa đã mời đủ cả chưa,... Vì anh chị em tôi không thống nhất quan điểm của mình nên dẫn đến việc lớn tiếng với nhau. Nhìn sang mẹ, tôi thấy bà ngồi yên lặng nghe các con của mình, gương mặt vẫn bình thản. Cuối cùng là ý kiến của mẹ tôi, bà nói:

- Mẹ đã nghe các con nói hết những ý kiến của mình, mẹ không có ý phản đối. Tất cả các con đều đứng trên niềm tin, quan điểm tôn giáo mình đang theo. Cuộc đời và vạn vật trên cuộc đời này đều không có gì đúng và sai hoàn toàn; trong cái đúng nó đã có cái sai, trong cái sai nó đã ẩn tàng cái đúng. Tùy vào cách chúng ta nhìn và tư duy về nó.

- Hạnh, con theo Nho giáo đã lâu, đã đọc và nghiên cứu rất nhiều sách Thánh hiền nhưng có lẽ vì thời cuộc, vì danh tiếng với đời, vì sợ sự gièm pha dị nghị của dư luận nên chắc con đã quên. Mẹ hiểu rằng trong Nho giáo rất xem trọng việc thờ cúng gia tiên nhưng Khổng Tử cũng nói rằng: "*Lễ nói chung đi kèm với xa hoa lãng phí thì không bằng tiết kiệm. Nghi thức mai táng mà cầu kỳ, lòe loẹt thì không bằng trong lòng thật sự đau buồn.*" (1) Hình thức con bày

biện ra có chắc là đã thể hiện được nội dung bên trong của con? Cúng cho người đã mất không phải để họ nhận những phẩm vật mà ta dâng lên. Nên cúng ít hay nhiều, là món họ thích hay không không quan trọng, quan trọng là ta tưởng nhớ đến người đã mất, học theo những phẩm hạnh cao quý, những cống hiến đóng góp của người đó cho nhân loại và cuộc đời; xét lại mình điểm nào còn khuyết để sửa đổi, điểm nào tốt mà phát huy thêm. Ngày húy nhật cũng là ngày để anh em bà con trong gia đình có dịp cùng nhau gặp mặt, ôn lại những giá trị văn hóa truyền thống của cha ông nên con đừng quá trọng vào hình thức cúng như thế nào, cúng những gì. Đức hiếu sinh thể hiện ở lúc cha mẹ còn sống con cái có vâng lời, có kính dưỡng hay không chứ nào phải thể hiện qua lúc cha mẹ đã quá vắng. Tục đốt vàng mã các con cũng nên chấm dứt từ bây giờ, nó không có ích lợi gì cho người đã mất. Từ lâu ta đã bị ảnh hưởng bởi phong tục này của Trung Quốc, rồi dần dà chúng ta xem như đó là một tín ngưỡng của dân gian mình. Sự mù mờ của niềm tin, sự thiếu sáng suốt trong nhìn nhận; chỉ biết nghe mà không tư duy, chỉ biết tin mà không có lý trí dẫn dắt, chỉ biết làm mà không nghĩ nó lợi lạc hay vô ích nên chúng ta tự mâu thuẫn với chính mình. Một mặt, mong muốn cho người thân được thác sanh về cõi lành, mặt khác lại đốt giấy tiền vàng mã để họ có thể tiêu dùng dưới âm phủ. Cái sợ đi đôi với mù quáng, cái tin của mê không bao giờ đồng hành cùng cái tin của trí và hiểu. Ta sợ thánh thần giáng tội, sợ ông bà quở trách, sợ người đời gièm pha chê cười nên ta chỉ biết nghe và làm theo hàng thiên niên kỷ mà không dành đôi phút vài giây để tư duy và thẩm định tỏ tường. Văn hóa, truyền thống là do con người tạo dựng nên vậy con người phải biết cái gì phù hợp, lợi ích từ đó uyển chuyển khéo léo để không mất đi giá trị tinh thần

mà cũng vừa phải thích nghi với thời đại xu thế.

- Phúc, con theo pháp dưỡng sinh để bảo vệ sức khỏe, điều đó rất tốt nhưng con không thể chỉ nghĩ đến bản thân con. Đồng ý rằng ta phải luôn để cho tâm hồn bình thản, nhưng không có nghĩa là mặc kệ không quan tâm. Con khỏe mạnh nhưng con phải có tử tâm, phải yêu thương mọi người thì năng lượng ấy mới duy trì bền bỉ. Tình thương là chất liệu để nuôi dưỡng sự sống. Con rèn luyện một thân thể tráng kiện nhưng lòng con ích kỉ, tâm con nhỏ hẹp, yêu thương con không đủ rộng thì cũng vô ích mà thôi. Sức khỏe phải ở cả hai phương diện thể xác và tinh thần, tinh thần bao dung thì thể xác mới khỏe mạnh, tinh thần vị kỉ sẽ đưa đến thể xác ốm đau. Xung quanh con không chỉ có mình con, nên con sống không phải chỉ để cho riêng bản thân mà cần sống cho nhiều người. Con có mặt vì những người xung quanh con có mặt, những người xung quanh con có mặt vì con có mặt. Cuộc đời và con người trong cuộc đời này là sự cộng sinh, nhân duyên đến thì tụ, nhân duyên hết thì tan. Như ba của các con cũng thế, 63 năm hiện hữu trên cuộc đời là nhờ vào nhiều yếu tố tụ hợp, ba con đã có sẵn cùng khắp trong vũ trụ, khi những dạng vật chất hữu hình và vô hình ấy đủ duyên thì hợp thành thân thể vật lý là con người, rồi người ta gọi cho một cái tên để phân biệt người này với người khác. Ba con mất đi không đồng nghĩa là ba con đã không còn nữa mà trong từng hơi thở, từng tế bào, giọt máu nơi các con đều có ba của các con trong đó; ba luôn hiện hữu ở nơi các con.

- Từ, con là giảng viên đại học, dưới con còn có bao nhiêu là thế hệ tiếp nối, là mầm xanh của đất nước trong tương lai. Mọi cử chỉ, hành động, nói năng của con đều là tấm gương cho các em noi theo. Con theo khoa học,

tin vào những gì thực tế, những gì huyền ảo, phản khoa học thì con không tin. Nhưng trong vũ trụ bao la này, có những cái mà dưới tầm nhìn còn hạn hẹp của con người chúng ta không thể thấy, không thể nghe được. Mẹ không bắt buộc con phải tin vào một đấng thần linh, mẹ không khuyến khích con phải theo một tín ngưỡng tôn giáo nào, mẹ cũng không áp đặt con vào trong những khuôn khổ giáo điều. Niềm tin xuất phát từ nơi con, từ sự tự duy nhìn nhận của chính con. Con cảm thấy nó đúng, nó phù hợp, nó là chân lý thì con theo; ngược lại con có quyền khước từ. Nhưng con cũng nên nhớ một điều rằng có những cái là truyền thuyết hay truyền thống, có những cái được ghi chép lại trong sách vở, có những cái được nhiều người nhắc đến hay tuyên truyền, có những cái phù hợp với định kiến và lập trường của mình hay có những cái là của thầy mình tuyên thuyết đi chẳng nữa nếu sau khi đã quán sát, suy tư, thể nghiệm mà con không thấy nó là tốt lành, đạo đức, hướng thiện và được người trí tán thán thì con chớ vội tin theo. Nên con hãy cân nhắc trước khi đặt niềm tin của mình vào một ai đó hay là một chuẩn thuyết nào đó trong cuộc sống này.

- Tâm, con có duyên với Đức Chúa Trời, con theo Thiên Chúa giáo đã gần mười năm nay. Mẹ cũng thấy ở nơi con có nhiều thay đổi. Con tốt hơn, hài hòa hơn, rộng mở lòng mình hơn, quan tâm đến mọi người xung quanh hơn, như Kinh Thánh đã dạy: "*Người phải yêu người lân cận như chính mình.*"(2) Nhưng con cũng nên nhớ một điều rằng một cá nhân-tổ chức, một đoàn thể cộng đồng hay bất cứ một nền văn hóa xã hội nào cũng phải nhớ lấy nguồn cội, phải biết "*ấm thủy tri nguyên.*" Việc thờ cúng tuy chỉ là hình thức bên ngoài nhưng nó nói lên được ý nghĩa của việc nhớ ơn, nhớ đến tổ tiên ông bà cha mẹ - những người

đã cho ta tấm thân, hình hài vóc dáng này. Sống ở đời các con phải biết tri ân và báo ân. Không có văn hóa nào, tôn giáo nào, đảng giáo chủ nào dạy con người vong ân bội nghĩa không nhớ đến nguồn cội của chính mình. Trước đây những ai theo Thiên Chúa giáo đều không được thờ cúng ông bà, nhưng có lẽ gặp phải sự phản kháng của người dân cũng như không muốn mất đi tín đồ nên ngày 2-10-1964, Tòa Thánh ban phép cho các Đảng bản quyền Việt Nam được áp dụng huấn dụ Plane Compertum Est (3) của Bộ Truyền giáo liên quan đến việc tôn kính các tổ tiên trong nước Việt Nam. Việc này chắc con cũng rõ hơn mẹ. Quán xét ta sẽ thấy, phải chăng có gì đó đảng sau những lời giáo huấn của Chúa? Ai có đủ thẩm quyền để thay đổi?

- Tịnh, con đang còn là sinh viên, lối tư duy của con khác hẳn với thời đại của ba mẹ. Con sống trong một thế giới hiện đại, con tiếp cận được với nhiều nguồn thông tin, tiếp xúc với nhiều nền văn hóa, con người, nên sự hiểu biết, kiến thức, trực quan và sự nhạy bén của con hơn hẳn với những người như mẹ. Nhưng kinh nghiệm sống, đạo làm người, đức đối nhân con cần phải học hỏi thêm từ những người đi trước. Có lẽ mẹ cổ hủ, mẹ lạc hậu nhưng mẹ hiểu đâu là nhân, đâu là đạo, cái gì cần, cái gì chớ nên và tận sâu trong tâm thức mẹ vẫn luôn ý thức đến chừng mực của muốn và đủ. Kỹ thuật quá tân tiến sẽ dễ dàng làm cho con người đánh mất đi đạo đức. Thế giới hiện đại con người thông minh nhưng thay vào đó là tinh thần con đối rách nhân cách con lệch lạc. Mẹ chỉ mong khi con tiếp nhận bất kỳ một thông tin nào con phải dựa trên cơ sở của đạo đức, trên nền tảng của giá trị làm người chớ vội chạy theo số đông, tin theo những bất công mà cứ nghĩ nó tuyệt vời. Có lẽ hôm nay mẹ nói quá nhiều, nhưng ngày giỗ là gì nếu không phải là ngày để

thay ba nhắc nhở các con, tiếp sức cho các con vững bước trên con đường hoàn thiện nhân cách. Nếu bác sĩ con phải thương yêu bệnh nhân như mẹ hiền thương con thơ dại, khó con phải giúp, đau con phải chữa. Con cứu người tức là con đang cứu lấy nhân cách của chính con. Là Nhà giáo con phải lấy sự nghiệp trồng người làm chính. Thế hệ sau con có hay hay dở, tốt hay xấu phần quan trọng là ở nơi chính bản thân của người nhà giáo. Giáo dục người khác cũng chính là giáo dục cho chính con của con sau này. Luật sư là người đại diện cho công lý, bảo vệ cho lẽ phải. Con dám nói lên tiếng nói của sự thật là con đang giữ gìn chỗ lương tâm của con được trong sáng. Hiểu luật để bảo vệ, giúp đỡ mọi người chứ không phải để luồn lách, hại người. Trong gia đình chúng ta đã có ba người Thầy: Thầy thuốc, Thầy giáo và Thầy luật. Vậy các con hãy sống sao cho xứng đáng với danh từ mà người đời đã gọi - Thầy!

- Tâm, con là Phóng viên, là người đưa tin tức đến cho quảng đại quần chúng. Vì vậy tin bài phải là sự thật, tránh giật gân câu view, việc chỉ ba lại pha thành bảy. Đạo đức nghề nghiệp không cho phép mình làm như vậy, vì nó liên quan đến nhân phẩm, danh tiếng của cá nhân, tổ chức mà mình đưa tin. Bài hay tin tốt sao lại ít thấy các tòa soạn đăng tải, các mục chính chỉ toàn dành cho những tin như: đánh, cướp, giết, hiếp, chiến tranh, bạo loạn, khủng bố, bạo lực học đường, bạo lực gia đình. Đồng ý rằng những tin như thế nhằm cảnh tỉnh, nhắc nhở mọi người nhưng với lượng tin về những chủ đề đó quá nhiều vô tình gieo rắc vào tâm thức của trẻ thơ những điều không hay; những mầm mống của sự háo thắng, vô tâm; những lối suy nghĩ lệch lạc, thiếu đạo đức. Suy cho cùng có phải chúng ta đang gieo rắc mầm mống của sự háo thắng, vô tâm; những lối suy nghĩ lệch lạc, thiếu đạo đức. Suy cho cùng có phải chúng ta đang gieo rắc mầm mống của sự háo thắng, vô tâm; những lối suy nghĩ lệch lạc, thiếu đạo đức. Suy cho cùng có phải chúng ta đang gieo rắc mầm mống của sự háo thắng, vô tâm; những lối suy nghĩ lệch lạc, thiếu đạo đức.

chất trong sáng của các em?

- Cuối cùng, Tịnh! Con có lý tưởng dẫn thân vào con đường của chính trị, của quan quyền. Mẹ không cấm cản, mẹ chỉ khuyên con phải biết yêu nước thương dân, giữ cân-kiểm-liêm-chính. Cái gốc của việc thu phục lòng người đấy là đức, cái nhân của đức đấy là tu dưỡng chính mình. Trên không ngay thẳng chính trực thì dưới tất sẽ loạn. Sự tôn vọng của bất cứ chế độ nào phụ thuộc vào cách mà chế độ đó đang thực thi. Con hãy nhớ lấy điều đó.

Sau những lời dạy trên của mẹ khiến anh chị em chúng tôi lắng lòng suy ngẫm, nó như một dòng suối tinh thức mát dịu tưới tẩm lên những mảnh đất khô hạn, cần cỗi với thời gian và cuộc đời. Đại diện, chị cả tôi thưa:

- Dạ, thưa mẹ! Chúng con thấy thật hổ thẹn. Những lời mẹ dạy chị em chúng con chắc đều đã từng nghe nhưng vì sự bon chen với đời nên chúng con cũng vô tình hay hữu ý đánh mất. Nhân ngày giỗ ba gần đến mà chị em chúng con lại được nhắc nhở, lại được đánh thức. Chúng con xin cảm ơn mẹ, cảm ơn mẹ đã sinh ra chúng con, cảm ơn mẹ đã luôn sát cánh với chúng con trên mỗi bước đường đời, cho chúng con những bài học quý giá từ kinh nghiệm của bản thân. Chúng con sẽ gắng thực hiện theo lời mẹ dạy và xin mẹ hãy tha thứ cho chúng con nếu trong thời gian qua chúng con có làm cho mẹ phải phiền lòng hay buồn giận.

- Các con hiểu được là mẹ vui rồi. Thôi, buổi họp gia đình hôm nay có thể dừng tại đây, anh chị em các con cứ chuẩn bị cho ngày giỗ của ba thật đơn giản mà đúng nghĩa.

- Dạ, mà thưa mẹ. Chúng ta có cần mời quý Thầy về làm lễ cầu siêu cho ba không ạ? - Chị cả tôi thưa.

- Thôi, con thấy không cần đâu mẹ ạ. Đạo gần đây con thấy báo chí đưa tin quá nhiều về mấy Thầy; nào là Thầy chùa sử dụng đồ sang, Thầy chùa chém người, Thầy



chùa đánh bài, Thầy chùa có quan hệ yêu đương với nam nữ bên ngoài... nên đâu còn sự thanh tịnh mà làm chủ lễ cầu siêu. Đạo Phật bây giờ biến chất rồi. - Đứa em gái tôi chen ngang, nói.

- Thật ra mẹ cũng không có ý định mời quý Thầy về tụng kinh cầu siêu. Không phải vì mẹ cũng nghĩ như Tâm mà mẹ nghĩ rằng khi một hòn đá ném xuống nước, nếu ta mời các Thầy tới tụng kinh để cho hòn đá nổi lên thì hòn đá sẽ nổi lên chứ? Hay như ta đổ dầu xuống hồ nước rồi mời quý Thầy đến tụng kinh để dầu chìm xuống, dầu có chìm hay không? Nghiệp mà chúng ta tạo ra lúc còn sống sẽ dẫn dắt chúng ta vào những cảnh giới tương xứng. Nếu lúc còn sống ba của các con làm những việc xấu ác thì sau khi chết sẽ bị đọa lạc vào chốn khổ đau, ai có thể giúp ba các con siêu thoát lên được? Và nếu tất cả những việc làm của ba các con là tốt lành thì ba các con sẽ siêu thoát, ai có thể kéo ông ấy xuống? Chính bản thân chúng ta là chủ nhân của những hành động, vậy chúng ta phải chịu trách nhiệm với hậu quả của những hành động đó. Lời kinh tiếng kệ Phật dạy để cảnh tỉnh người sống, nhắc nhở chúng ta điều gì nên-không; phải-trái; tốt-xấu; đúng-sai; để có được hạnh phúc ngay trong thực tại và quả lành cho tương lai chứ không phải dùng để cầu siêu độ cho người đã chết. Lâu nay chúng ta đã nhìn nhận đạo

Phật một cách lệch lạc, nghĩ đạo Phật là thần bí, mê tín nhưng thực chất Phật giáo luôn đi trước mọi thời đại, vượt xa hẳn những gì khoa học đã và đang tìm hiểu. Trong một xã hội, đoàn thể hay tổ chức nào cũng có những thành phần tốt và xấu. Tăng đoàn cũng thế, ngay từ thời Phật còn tại thế đã có những vấn đề này nảy sinh nên với thời đại bây giờ không thể không có. Nhưng các con phải hiểu rằng: một cá nhân không tốt không phải là toàn bộ tổ chức ấy đều xấu. Chúng ta hay có thói quen quy nạp vội, khi nhìn thấy một sự việc sai trái của đối tượng ta thường đánh giá và đạp đờ đi những thành quả cống hiến mà họ đã làm lúc trước. Tăng chỉ là một phần trong ba ngôi báu của Phật giáo (4), nên chúng ta không thể quy chụp cho rằng Phật giáo là xấu, là hại; huống gì chỉ là một vài cá thể trong một Tăng đoàn rộng khắp. Y pháp bất y nhân-nghĩa là y cứ vào pháp mà thực hành chứ không y cứ vào người mà đánh giá. Pháp của Phật nói ra nhằm giúp cho chúng sanh y theo đó mà tu tập để được an lạc trong giây phút hiện tại và giải thoát được sanh tử ở những kiếp vị lai. Tại sao chúng ta không theo đó mà thực hành lại đi nhìn vào lỗi của một vài cá nhân nhỏ bé rồi cho rằng nó là xấu xa, là biến chất. Cũng giống như trong một gia đình có học thức, có

những thành quả và đóng góp cho xã hội nhưng có một thành viên không tốt, làm những chuyện ảnh hưởng đến cộng đồng, đến danh tiếng của tổ tông. Thông thường chúng ta sẽ có một cái nhìn phản cảm về gia đình đó vì một cá nhân đã đem đến nỗi khổ niềm đau, đem đến sự bất an cho xã hội. Do cách nhìn biên kiến, cùng với tâm nhỏ hẹp, cộng thêm tri thức nông cạn, rồi nghĩ về lỗi người, hiệp với tánh so đo hơn thua nên ta chỉ thấy cái xấu của một cá thể ấy mà không thừa nhận hay là phớt lờ đi những giá trị cống hiến của những thành viên còn lại. Giá như đời không gièm pha, người không dị nghị, xã hội không ruồng bỏ mà thay vào đó là động viên an ủi, khích lệ tinh thần, thông cảm vị tha thì sẽ tốt đẹp biết bao. Như thế các con đã hiểu ý của mẹ rồi chứ? Hãy mở rộng lòng mình ra hơn, nhìn đời với đôi mắt của yêu thương và hiểu biết. Được như thế thì hạnh phúc và thiên đường ngay ở đây và tại thế giới này, các con không cần đi đâu xa để tìm kiếm. *"Không có con đường dẫn đến hạnh phúc, hạnh phúc chính là con đường."*

Ngày giỗ của ba trôi qua trong niềm vui vầy của gia đình, tôi cảm nhận được hình dáng của ba vẫn đang ở đâu đây; trong những lời dạy của mẹ, trong ánh mắt của chị, trong nụ cười của anh hay là trong từng nhịp thở của tôi. Tôi cảm ơn mẹ đã mở ra cho tôi một chân trời mới, một cái nhìn hoàn toàn mới về Phật giáo. Nó là bước đầu học Phật của tôi, nấc thang đưa tôi đến với Chân-Thiện-Mỹ và hiểu rõ được chính mình, thấy sâu được sự thật của vạn hữu trên cuộc đời, thật mong manh như sương sớm trên đầu ngọn cỏ, như lá sẽ lìa cành lúc nào chẳng hay.

Cảm ơn Mẹ, vị Phật chân thật nhất đời con!

Thích Quảng An
(*Bài viết dự Ananda Viet Awards 2017*)

NHỮNG BỆNH TRONG TƯƠNG LAI

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức



Khi tôi rời trường y vào giữa năm 1970, những bí mật về y học có lẽ không giải quyết được nhưng cũng đã sẵn sàng để mang ra áp dụng. Đa số các bệnh mới đã được hoặc sẽ được chứng minh và còn lại chỉ là tìm cách chữa và các triệu chứng mà trước đây phân tán để sắp đặt lại thành hệ thống, diễn tả rõ ràng và có thể gom vào các hội chứng. Vậy mà đã gần 20 năm, thế giới có nhiều thay đổi mà chúng ta chưa biết chắc chắn là trong tương lai y học sẽ giải quyết như thế nào.

Đối với tôi, một trong những thay đổi trong 20 năm qua là sự xuất hiện của bệnh AIDS - nhưng có lẽ tại tôi làm việc tại miền West London, một vùng có nhiều bệnh AIDS nhất ở nước Anh. Có nhiều ý kiến khác nhau về AIDS, hay nói rõ hơn về HIV. Nhưng liệu một loại siêu vi trùng khác có lan ra khắp thế giới để gây ra một sự tàn phá như bệnh dịch hạch vào thời Trung Cổ.

Có nhiều lý do để tin rằng việc này sẽ xảy ra. Các bệnh mới đều gây ra do cách sống, kể cả xã hội và môi trường. Siêu vi trùng có thể biến đổi gần giống nhau nhưng hậu quả lại khác (hình như HIV đã làm như vậy nhiều lần) và sự thay đổi này xảy ra vì nhiều lý do như ảnh hưởng hóa học (có thể là do ô nhiễm không khí) và sức đề kháng của cơ thể.

Đi xa hơn nữa, nhưng cũng không hoàn toàn vô lý, là lý thuyết để giải thích sự xuất hiện của các loại siêu vi trong tương lai có thể làm cho tạo hóa kiểm soát được dân số. Ở một vài chủng loại, thí dụ như chuột, khi quá đông sẽ khiến cho chuột cái trở thành hết sinh được; nếu đông quá sẽ gây ra hung bạo và cuối cùng là sẽ ăn thịt lẫn nhau. Loại gặm nhấm cũng vậy. Chúng có cách riêng để đối phó với sự tăng số lượng: chúng tự hủy hoại bằng cách nhảy đại vào vách đá. Nhưng loại chuột đồng có cách giống loài người sẽ sinh sản mạnh trong 30 năm sắp tới: những con chuột nhỏ bé này có khoảng ba năm để tăng lên sau đó thì các con sản trong nòng sẽ giảm số lượng chuột đồng trở lại bình thường.

Một Thế Giới đầy Ô Nhiễm

Hóa chất kỹ nghệ có thể dẫn tới biến đổi của siêu vi trùng nhưng có lẽ chúng sẽ gây ra nhiều vấn đề thể xác, cấp kỳ hoặc mãn tính.

Có nhiều lý do đặc biệt là việc giải tán khối Đông Âu. Có thể là Xô Viết đã quên hậu quả của cả môi trường và sức khỏe của dân chúng vì ô nhiễm kỹ nghệ. Ngày nay, rất khó mà tìm thấy một tờ báo ở phương Tây mà không được đọc về hoàn cảnh bi đát ở đằng sau bức màn sắt.

Trong một báo cáo gần đây trên tờ Observer bên Anh, ông Yablokos, chính trị gia Nga Sô, nói rằng 20% dân Nga sống trong một vùng mà người ta gọi là vùng sinh thái có nhiều tai họa và từ 35-40 phần trăm sống trong vùng sinh thái không thuận lợi. Ông ta kết luận rằng tuổi thọ trung bình vào khoảng bảy năm ít hơn là ở các nước Tây phương vì rất cao về ô nhiễm kỹ nghệ, điều kiện làm việc lại quá khắt khe và mức độ phóng xạ cao hơn là ở vùng quê. Trong khi đó thì Nga đã tiêu gấp hai tổng số sản lượng quốc gia trong năm 1991 cho 20 năm sắp tới để điều chỉnh vấn đề nhưng có vẻ không đi đến đâu. Thêm vào đó các bộ phận thiết bị của khối Đông Âu không còn ngoại trừ một số lớn gần như quá cũ và kém bảo trì lò nguyên tử; thêm vào đó một số những con cừu ở Wales và đất đai ở Scandinavia vẫn còn mang nhiều dấu vết của Chernobyl làm cho vấn đề của Tây Âu trở nên rất đáng nói; và các tính toán đều hết sức đáng ngại.

Như vậy chúng ta đều đón nhận một số bệnh mới mà thiên nhiên hầu như đã dự đoán vì ô nhiễm kỹ nghệ. Chúng ta cũng chịu sự gia tăng của nhiều loại ung thư vì mức độ phóng xạ nhỏ cũng như một số bệnh mới thêm vào số bệnh hiện đã có. Và trong khi các quốc gia đang phát triển trở thành kỹ nghệ hóa thì bệnh tật cũng gia tăng khiến cho vấn đề này trở nên tồi tệ hơn.

Vì thế chúng ta sẽ đón nhận một số bệnh mới mà số lượng chỉ có tạo hóa mới biết được do ô nhiễm gây ra. Chúng ta cũng chịu nhiều bệnh ung thư vì lượng phóng xạ thấp cũng như một số bệnh mới thêm vào số bệnh hiện đang có. Và trong khi các tiểu quốc trên đường kỹ nghệ hóa thì vấn đề bệnh tật càng ngày càng trầm trọng hơn.

Kỹ nghệ hóa và các quốc gia thứ ba

Một trong những vấn đề về sức khỏe trong thế kỷ vừa qua là những tiến bộ về kỹ nghệ

nhằm phục vụ cho số dân chúng gia tăng.

Abestos có vẻ là một vật cách nhiệt tốt nhưng lại có thể gây ra ung thư; phân bón tăng sản xuất canh nông nhưng một số cũng gây ra khuyết tật khi có mang; bình phun và tủ lạnh đầu tiên là một ân huệ nhưng lại làm giảm lớp khí ozone và cũng gây ra ung thư da và hậu quả của chúng sẽ tăng. Và hậu quả của những quà tặng của thượng đế vào những năm 1990 khi chúng ta tiến tới 2020 thì sao? Câu trả lời sẽ là không ai biết vì các chất này không qua các thử nghiệm an toàn như dược phẩm (có vài loại dược phẩm qua được thử nghiệm nhưng lại hỏng khi thực hành); một số các khoa học gia lý luận rằng, vì lý do đạo đức, khi thử các sản phẩm mới trên súc vật giảm thì rủi ro lại tăng lên.

Tuy nhiên, có một điều chắc chắn là việc kỹ nghệ hóa sẽ có ảnh hưởng tai hại hơn tới những quốc gia hiện nay được coi như chậm tiến. Các quốc gia này rất cần kỹ nghệ để sống và nuôi số dân ngày một gia tăng (tỷ lệ sanh tại châu Phi, Trung Đông và Viễn Đông tăng kinh khủng mỗi năm). Nhu cầu tăng rất nhiều và lực lượng nhân công hữu hiệu – đã giảm ở châu Phi do bệnh AIDS – đều thiếu và một sự an toàn tối thiểu đều rất cần.

Vì những áp lực như vậy, các quốc gia đang phát triển làm sao có đủ phương tiện đối phó với các bệnh xảy ra cùng một lúc với thiếu y tế công cộng và dân số quá cao: tiêu chảy, kiết lỵ, bệnh lao và bệnh sốt Rickettsia. Sự bột phát mới đây của bệnh tiêu chảy ở Nam Mỹ là điểm xấu cho tương lai. Thuốc kháng sinh không cung cấp cho giải quyết lâu dài vì vi khuẩn có thể tạo ra những loại mới không tiêu diệt được bằng kháng sinh. Đại học Sheffield ở nước Anh hiện đang có danh sách vi khuẩn mới và kháng sinh mà các vi khuẩn này chống lại và danh sách này mỗi ngày mỗi dài. Cách giải quyết duy nhất là tăng giáo dục sức khỏe, y tế công cộng và hoàn chỉnh vệ sinh. Nhưng nguồn tài chính từ đâu mà có là điều còn đang bàn cãi.

Nguồn Tài Chánh

Cuối cùng thì mọi chuyện đều giải quyết bằng tiền. Y học đã thành công rất lớn trong việc đối phó với các bệnh cấp kỳ. Hậu quả là tại các quốc gia phát triển đã có một tỷ lệ hóa già rất cao của dân chúng: nói một cách giản dị là rất ít người trẻ chết vì các bệnh cấp kỳ. Đa số đều sống lâu hơn và chẳng may chết vì các bệnh thoái hóa kinh niên như bệnh Alzheimer, bệnh dây thần kinh vận động, khí thũng, viêm cuống phổi kinh niên... Các bệnh kinh niên cần nhiều tiền để nuôi và chăm sóc và giảm số sinh khiến cho các quốc gia tây phương thiếu nhân lực; sự gia tăng điều trị các bệnh cấp kỳ sẽ làm giảm nguồn tài chánh.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức
www.bsnguyenyduc.com



BAY TRÊN ĐÔI CÁNH SÁP

*và rồi đêm đã muộn phiền
chấp tay mà tạ trich tiên một lần
ngày đôi cánh sáp đang vãn
trời xa cứ tưởng như gân bên nhau*

*hẹn bay về phía mai sau
sáp đã tan chảy mà sâu chưa tan
đãi người còn lại gian nan
buồn vui một tiếng gọi khan giữa trời*

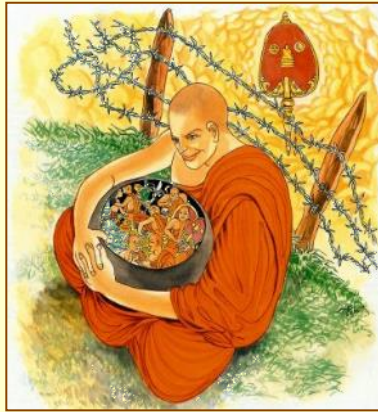
*còn bao nhiêu lệ mắt người
trái tim xin góp một lời ru nhau
còn bao nhiêu buổi về sau
một đôi dép cỏ qua cầu mà đi*

*một đôi cánh sáp vãn vì
hoa trên đất trich
yêu vì ái mây
giả như cảm được trên tay
một mùa xuân
tặng em bày cuộc chơi*

thơ **TRẦN THIÊN THỊ**

The Story of Bhikkhu Hatthaka

Dhammapada, Verses 264 & 265



While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verses (264) and (264) of this book, with reference to a Bhikkhu named Hatthaka.

Bhikkhu Hatthaka was in the habit of challenging ascetics of non-Buddhist faiths to meet him in a certain place to debate on religious matters. He would then go out by himself to the self-appointed place. When nobody appeared he would boast, "Look, those wandering ascetics dare not meet me, they have been beaten by me!", and such other things. The Buddha called Hatthaka to him and said, "Bhikkhu! Why do you behave in this way? One who says such things cannot become a samana in spite of his shaven head. Only one who has rid himself of all evil is to be called a samana."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 264. Not by a shaven head does a man become a samana, if he lacks morality and austere practices and tells lies. How could he who is full of covetousness and greed be a samana?

Verse 265. He who has totally subdued all evil, great and small, is called a samana because he has overcome all evil.

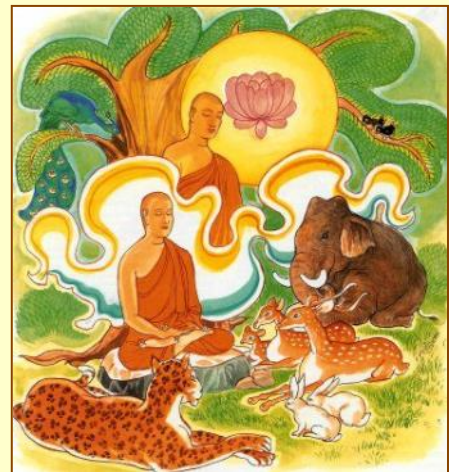
PRETENDING

Not only by shaving the head does one become a recluse!
If without morality, honesty and sincerity, how can one,
who is full of desire and greed ever truly be a recluse?

BHIKKHU

But he that overcomes all flaws,
both great and small, entirely and
completely, such one is verily a Bhikkhu.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.**,
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.



Phật dạy vua Thảng Quang làm chính trị

Soạn giả: THÍCH MINH CHIẾU
(Truyện Cổ Phật Giáo)

Bấy giờ vua Thảng Quang ở nước Kiêu Tát La đi đến chỗ Phật, đầu mặt lễ dưới chân Phật, chấp tay hướng lên Phật mà bạch rằng:

“Bạch Đức Thế tôn! Xin Ngài từ bi dạy các pháp làm chính trị cho tôi hiểu biết mà cai trị nước nhà.”

Phật dạy rằng:

“Phàm là một vị Thiên Tử, chủ quyền một nước, thống lãnh muôn dân, phải rộng lòng nhân đức, đầy đủ các đức tính từ bi, thương yêu dân như cha thương yêu con vậy, hằng cầu nguyện cho được yên lành. Nếu họ có điều gì độc ác, thì nên dạy bảo khiến họ biết chừa bỏ, còn làm điều gì hiền lành ích lợi thì nên khuyến khích cho họ tinh tiến thêm lên.

Nếu Đại vương thương yêu dân như cha thương yêu con, thì tất cả dân đều trung thành hiếu thuận như con thảo thờ cha mẹ.

Còn cách chính trị phải đủ: Nhân, tình, ân, thứ, khoan hậu, nhu, hòa. Thuế má chớ

nên bắt họ đóng nặng, công việc chớ nên sai khiến nhọc nhằn nhiều, chọn kẻ hiền tài mà phong làm quan, mỗi người coi một việc, phải tùy cơ tùy thời, không cần phải dùng nhiều người mà sinh sự phiền phí. Nếu có kẻ nào tàn ác, thì phải loại bỏ, còn người nào hiền lành thì phải khuyến thưởng, và lại kẻ nào sinh điều ác nghịch, không lòng trung lương, tức thì phải phạt trị, chớ nên để lạm dụng mà sinh di họa về sau!

Cần nhất phải tuân theo chế độ chân chánh của các vị Thánh Vương đời trước, chớ nên hà khắc tàn hại những kẻ dân đen, mà mắc phải khổ báo luân hồi, đền trả thân mạng về sau.

Thường phải dốc lòng tôn kính Tam Bảo, chớ sinh lòng tà kiến. Sau khi ta nhập diệt rồi, thì phó thác lại cho các vị Thánh Vương. Đại thần cùng nhau dương ngọn đèn tuệ cho thường quang minh, bánh xe pháp luân thường chạy, phải gắng sức giữ gìn cho lâu dài,

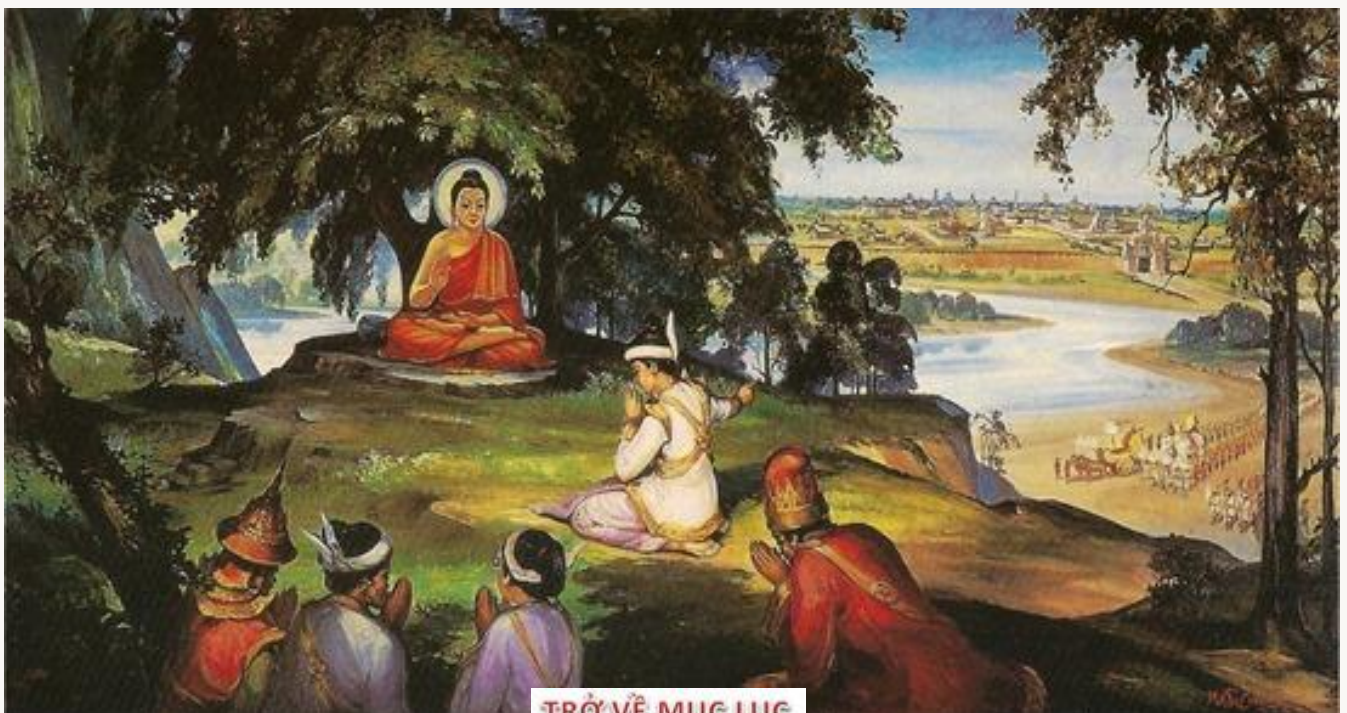
chớ nên để tiêu diệt.

Nếu các Đại Vương y theo pháp tu hành, mà giữ đúng như lời ta dạy dỗ, thì Chư Thiên cũng thấy hoan hỷ, các bộ Long Vương cũng đều vui lòng, trong nước được hưởng mọi sự tốt: mưa thuận gió hòa, lúa đậu được mùa, nhân dân no ấm, tai nạn tiêu trừ, nước nhà an lạc, thiên hạ thái bình, ngôi rộng của nhà vua được bền vững, phúc duyên tăng tấn, tuổi thọ được thêm cao.

Nếu được như vậy, thì tiếng đồn vang khắp gần xa, các nước lân bang đều khâm mộ, đem lễ vật đến mà cống hiến. Nếu Đại Vương tuyên truyền Chánh Pháp được như thế, thì chẳng những nước trị dân yên mà thôi, và lại sau khi thăng hà, còn được sinh về cõi trời, mà hưởng phần tiêu dao khoái lạc nữa.”

Tuần lời Phật dạy vua làm lễ ra về.

TÂM MINH



Hoa Ưu Đàm Đã Nở

NHẠC: NAM HÙNG
THƠ: THÍCH NỮ GIỚI HƯƠNG

Bossanova - Beguine ♩ = 90

The musical score is written in treble clef with a key signature of two sharps (F# and C#) and a 4/4 time signature. It features a Bossanova/Beguine style with a tempo of 90 beats per minute. The melody is accompanied by chords and includes triplets. The lyrics are in Vietnamese and describe a scene of enlightenment and spiritual growth.

Sáng nay trời sáng tỏ, Chim nghiêng mình lắng nghe. Trái
đất như ngừng đợi, Thái Tử vừa ra đời. Trời hồng rạng phía đông, Bóng
tối lùi sau núi. Chân lý được khơi dậy, Bảy bước hóa sen hồng.
Nỗi khổ có thể dứt, Luân hồi có thể ngưng.
Hạnh phúc có thể tìm, có thể tìm. Ngay giữa cuộc đời này, ngay giữa cuộc đời này.
Có nỗi vui nào hơn, Ta không phải vô thường.
Không phải chết là hết, chết là hết. Ta vượt trên sanh diệt, ta vượt trên sanh diệt.
Vừa dẫn sanh Ngài nói, Trên trời và dưới đất. Giữa
hữu và vô tình, Chân ngã là quý nhất. Mừng ngày Phật Đản Sanh, Lâm
Tì Ni thượng uyển. Hoa Ưu Đàm đã nở, Tỏa sáng lòng thế gian.

© Copyright by Nam Hung & Thich Nu Gioi Huong (May - 2011). All Rights Reserved.

Chuyện Tám Trúng

CHÚ CHÍN CALI

Làng tôi có ông Tám Trúng. Tuổi khoảng 70 nhưng không ai gọi là “ông” vì Tám Trúng có lẽ là một trong những người nghèo nhất trong làng.

Gia sản của Tám Trúng là cái chòi lá thô sơ. Tám Trúng ngủ trên cái vạt tre với mảnh chiếu rách và đong đưa kéo kẹt với cái võng treo dưới tàn cây dâu trước nhà. Tám Trúng có hai cái nồi con, một cái để nấu cơm, một cái để kho, một cái bát để vừa làm chén ăn cơm vừa làm bát uống trà. Tám Trúng rất thích uống trà và suốt ngày phì phà điều thuốc lào.

Tám Trúng hiền từ. Ít khi nghe ông nói vì Tám Trúng sống bên lề xã hội, không thân quyền, không bạn bè, nhưng ung dung, tự tại. Không thấy ông vui hay buồn hay giận dữ. Đường như Tám Trúng đã quên mất hẳn nụ cười. Trẻ con nghịch ngợm ném đất vào chòi chọc phá, chỉ thấy ông bước ra nhìn rồi đi vào, không giận hờn. Chọc phá hoài cũng chán, chúng bỏ đi.

Người ta ta thường thấy Tám Trúng lom khom tìm hái các loại rau dại mọc hoang dọc theo bờ kinh, con lộ, hoặc lổm bõm xúc cá bắt cua trong đầm, dưới mương. Tuy nghèo nhưng Tám Trúng không bao giờ ăn cắp hoặc xin ai điều gì. Nhờ vậy ông được nhiều người trong làng tin cậy, cậy giữ nhà cửa, chăm sóc gia súc vườn tược khi họ đi vắng, hoặc canh chừng vườn trái cây trong mùa chín rộ. Thỉnh thoảng Tám Trúng bán mấy trái dừa khô lượm được ngoài sông hoặc con cá con tôm câu được. Nhờ vậy Tám Trúng kiếm được ít tiền để mua gạo, muối, xì dầu và các món cần dùng.

Ngày nào cũng vậy, Tám Trúng ra vườn quơ bó củi và một nắm lá dừa khô, vừa đủ để nấu một nồi cơm và nồi kho mận. Lửa tắt còn than vừa đủ để nấu sôi nồi nước pha trà. Nồi cơm vừa đủ ăn sáng và chiều. Ấm trà vừa đủ dùng trong ngày. Không dư, không thiếu, không bao giờ để dành cho ngày mai.

Không ai biết về tiểu sử của Tám Trúng. Người ta chỉ thấy Tám Trúng là một chàng trai vạm vỡ từ xa về sau ngày “giải phóng,” rất hiếu thảo với mẹ già và ở luôn trong căn chòi sau khi bà mất. Thời gian không làm thay đổi nếp sống của Tám Trúng, chỉ làm mái tóc ông bạc màu và vết tích thời gian khắc sâu những nếp nhăn sâu hoắm trên gương mặt phong trần.

Lần đầu, vì hiếu kỳ, tôi ghé thăm Tám Trúng lúc ông đang đong đưa kéo kẹt trên chiếc võng trước nhà, miệng phập phà điều thuốc rế, gương mặt căn cỗi nhưng thành thoi, tự tại. Đôi mắt ông lim dim, không nhìn người, không nhìn đời, không thấy nét vui, không thấy vẻ buồn. Thật thanh tịnh.

Mấy năm sau, tôi ghé thăm Tám Trúng. Cảnh vật đã đổi thay. Con đường vào nhà ông mọc đầy lau sậy. Cái chòi xiêu vẹo ngày xưa nay là bụi chuối xum xuê, lung lay trước gió. Cây dâu trước nhà vẫn xanh tươi nhưng hình bóng Tám Trúng ngày xưa đã tan biến vào dĩ vãng.

Đời người chỉ là cơn gió thoảng, và cơn gió đã thoảng qua đây rồi.

Dòng sông trước nhà vẫn tiếp tục chảy vào, chảy ra, theo con nước lớn, nước ròng,

muôn đời không bao giờ nghỉ.

Dòng đời vẫn tiếp tục trôi.

Có ai cần biết, trên đời này có tên Tám Trúng đã sống tại đây và đã chết tại đây?

Tôi tự hỏi, Tám Trúng ông là ai? Một người bất thường, hay là một vị cao nhân ẩn sĩ đã giác ngộ?

Tôi cứ mãi thắc mắc và vẫn chưa tìm ra câu giải đáp.

Phật tại tâm. Phật tánh càng sáng tỏ với sự phát triển của trí tuệ, với tuổi đời, và kinh nghiệm sống. Vì vậy, người lớn tuổi thường có khuynh hướng đi tu.

Người trí thức nghiên cứu Phật pháp để trau dồi trí tuệ, tu tâm, dưỡng tánh. Có người học đạo, đi tu mong được chứng quả, giác ngộ. Có vị nhiệt tâm hơn, xuống tóc qui y, làm Sư, làm Thầy, nương cửa Phật để giúp khai trí chúng sanh tìm đến con đường giác ngộ. Có vị phát tâm bồ đề, bố thí, cúng dường, phóng sinh, làm công quả, không tiếc công tiếc của. Kẻ phàm phu thì cúng chùa, lạy Phật, tôn Sư, cầu xin lòng từ-bi Tam Bảo để được cứu rỗi, nhưng có mấy ai đạt được trình độ tu của Tám Trúng, dấu rằng có thể ông chưa bao giờ biết đến chữ “tu,” chưa bao giờ đọc một câu kinh hay nghe một lời kệ?

Tám Trúng trông như một người đã đạt Chánh Niệm, Nhất Tâm, đã chiến thắng được thất tình lục dục, tâm thật thanh tịnh. Có phải chúng ta bỏ công, bỏ của, bỏ tâm sức để tu tập, cực khổ ngồi thiền, tụng kinh gõ mõ, làm công quả chỉ mong sao được trở thành như Tám Trúng, người chưa bao giờ biết đi tu?

Tám Trúng, ông là ai?



TÔI YÊU

Tôi yêu quê hương tôi
Từ khi mới chào đời
Lời cha ru, mẹ hát
Từ bé bỏng nằm nôi.

Tôi yêu tiếng nước tôi
Tiếng phong phú tuyệt vời
Bông trâm như tiếng nhạc
Réo rắt trong lòng tôi.

Tôi yêu ngôi chùa làng
Là chỗ dựa tâm linh
Của dân lành chất phác
Tôi lễ Phật nghe kinh.

Tôi yêu con chim xanh
Líu lo hót trên cành
Hàng thông reo vi vút
Trời cao nguyên thanh thanh.

Tôi yêu sóng rạt rào
Bờ biển cát trắng phau
Suối reo rừng thu vắng
Đêm vắng vạc trắng sao.

Tôi yêu những ngọn đồi
Hồi nhỏ chạy rong chơi
Tóc xanh cài hoa nắng
Tuổi đẹp nhất trong đời.



TRỞ VỀ QUÊ

(Tặng tác giả truyện dài Bụi Đường)

Tôi trở về quê như áng mây
Nổi trôi phương nọ, nhớ phương này
Mong về ôm ấp chân trời cũ
Bỏ lúc phiêu bồng mỗi cánh bay.

Tôi trở về quê như cánh chim
Ngao du sơn thủy biết bao miền
Tha phương dù có nhiều ngô thóc
Vẫn nhớ thương về tổ ấm êm.

Tôi trở về quê như cánh buồm
Thời kỳ ly loạn vượt trùng dương
Biển mênh mông sóng, người còn-mất
Nhớ lại bụi ngùi dạ xót thương.

Tôi trở về quê thăm xóm làng
Còn lưu bao kỷ niệm thân thương
Đường đời dù khó gặp nhau nữa
Nghĩa nặng tình thâm mãi vẫn vương.

Tôi trở về quê thăm phé binh
Một thời oanh liệt đã cao bay
Vận nước tang thương: buồn, tủi, hận!
Thống nhất đời anh sóng lất lay!

Tôi trở về quê với ước mơ
Giúp người tàn tật sống bơ vơ
Ông già, bà cả không con cháu
Và trẻ mồ côi sống bụi bờ!

Quê tôi từ dạo đời đời
Người giàu, giàu quá!... Người thời xác xơ!

thơ **DIỆU VIÊN**
San Jose April 2018

Bụi đường

(tức Phương Trời Cao Rộng 2)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

Chương Sáu

(tiếp theo kỳ trước)

Phòng riêng của tôi là căn phòng khá đặc biệt vì nó không phải là một trong những căn phòng thuộc các dãy tầng phòng của viện. Những ngày đầu mới về Nha Trang, tôi được sắp xếp nằm ở một phòng tập thể sát bên hông chánh điện, chung với mấy chú tiểu. Sau đó chẳng bao lâu, tôi được thầy Thông Nghĩa (sư đệ của thầy Thông Chánh) giới thiệu cho một căn phòng bỏ trống rất lý tưởng. Đó là cái gác trống nằm phía bên trái của chánh điện. Hai bên chánh điện của chùa có gác chuông và gác trống. Hồi xưa, chuông trống được đặt trong hai căn gác này. Nay chuông trống cũng được đặt hai bên chánh điện nhưng ở ngoài, ngay trước cửa vào căn gác cho tiện. Hai căn gác vì vậy bỏ trống, thầy Phước Châu (vị quản chúng của viện) chiếm cái gác chuông để nghỉ trưa (vì thầy có một phòng riêng khác rộng rãi hơn); còn lại cái gác trống, thầy Thông Nghĩa giao chìa khóa cho tôi, bảo tôi lấy đồ làm phòng ở. Tôi vào xem, thấy thật là lý tưởng. Và có thể nói đó là lần đầu tiên trong đời, tôi được một phòng riêng,

không chung đụng với một ai khác.

Căn gác gồm hai tầng. Tầng dưới ngoài cửa chính mở ra thềm trước của chánh điện còn có ba cửa sổ thật lớn ở ba hướng còn lại. Cửa sổ phía trong phòng ăn thông với dãy phòng của mấy chú tiểu, tức là dãy phòng cũ mà tôi nằm trước đó, đã được đóng bít lại bằng ván ép dày. Cửa sổ đối diện với cửa ra vào thì mở ra hướng nam, nơi có những cây bông sứ cao lớn rợp bóng, gió lùa xi xào suốt ngày đêm; có cái "đơn" (tức là chiếc đi-văng loại một người nằm) đặt sát cửa sổ đó. Cửa sổ còn lại mở ra phía đông nam, tức là hướng chính diện của ngôi chùa. Từ cửa sổ này nhìn ra, có thể thấy những hàng dương và bạc hà cao lớn trước sân chùa; thấp thoáng sau những tàng lá rữ vi vút gió ấy là dãy núi Hoàng Ngưu xanh thắm ở xa. Chiếc bàn học nhỏ đặt ngay nơi cửa sổ này. Diện tích của phòng đầu chừng mười hai mét vuông, kê ra thì khá hẹp, nhưng tôi cũng chẳng mong gì hơn, vì ngoài mười hai mét vuông ở tầng dưới, tôi còn có khoảng mười mét vuông khác ở tầng trên nữa. Bên cạnh cửa ra vào có một cầu thang bằng gỗ dẫn lên tầng trên. Gác

chuông trống nhỏ dần ở phía trên nên diện tích tầng trên hẹp lại. Tầng trên này trống trơn, chẳng có bàn ghế hay giường chõng gì. Bốn vách có bốn cửa khung tròn mang hình chữ Thọ, có thể coi như là bốn cửa sổ tròn, không có cánh cửa. Những khe hở từ bốn khung chữ Thọ này cũng đủ mang gió mát từ tứ phía lọt vào. Tuy có bất tiện là các khung chữ Thọ này không mở ra được, tầng trên cũng rất lý tưởng cho việc tĩnh tọa tham thiền. Các cửa sổ cao, khi đứng thì hưởng được gió mát, ngồi thì khuất gió. Đóng cửa ra vào, rồi đóng luôn cả cái nắp dẫy cầu thang là có thể yên tâm tọa thiền, không sợ bị ai quấy rầy. Mà thực ra, gác trống của tôi nằm ở vị trí rất biệt lập, tách hẳn với các dãy tầng phòng khác, suốt ngày chẳng ai tới lui. Nửa tháng một lần sám hối lúc tám giờ tối mới có thiện nam tín nữ tụ tập ở khoảng thềm trước của chánh điện. Ngoài ra, chỉ vào ba tháng mùa hè mới có Phật tử tập trung tụng niệm vào giờ ngọ mỗi trưa. Khi họ tập trung làm lễ thì tôi cũng có mặt trên chánh điện làm lễ, chẳng lấy gì làm phiền. Nhiều người trong viện, ngay cả thầy tôi, cũng chẳng biết rằng gác trống đã trở



thành căn phòng riêng của tôi nên ít khi nào có người ghé đến. Đúng ra việc sắp xếp chỗ ở cho tăng chúng ở viện phải do thầy quản chúng đảm trách; nhưng từ sau năm 1975, khi mà nhân số hai trăm người giảm xuống thành hai mươi mấy người thì việc sắp xếp không còn cần thiết nữa. Quá nhiều phòng bỏ trống, những người còn ở lại, ai muốn chọn phòng nào thì chọn. Sở dĩ những ngày đầu, thầy tôi sắp tôi ở chung với mấy chú tiểu vì không muốn lạm dụng uy tín của thầy để cho tôi một phòng riêng chung dãy với quý thầy lớp trước. Căn phòng ở gác trống, thực ra không phải là căn phòng chính thức; tôi có chiếm giữ nó cũng sẽ không ảnh hưởng gì đến sinh hoạt của các thầy tỷ kheo trong viện cả. Do đó, sau này, khi biết được tôi ở gác trống không do sự sắp xếp của thầy hay vị quản chúng, thầy cũng hoan hỉ chứ không rầy trách gì.

Do vị trí gác trống tọa lạc ở một góc riêng biệt, thanh vắng và gần với sân trước của ngôi chánh điện, tôi thường rảo bộ và ngồi nơi thềm đá gần trụ cở để ngắm cảnh chiều tà kéo lê những vệt nắng cuối cùng trên đồng lúa bát ngát phía đông nam. Đồng lúa ấy bắt đầu từ xã Đồng Nai gần Phước Hải và biển Nha Trang. Khoảng kết thúc của đồng lúa lại được nối liền với rừng dừa và con sông Nha Trang ở phía tây và tây nam của Nha Trang. Cảnh trí chung quanh tôi là sự nối kết bất tận của những màu xanh. Trời xanh, biển xanh, núi xanh, đồng xanh, rừng xanh, sông xanh và gần tôi nhất, lá xanh từ các ngọn cây tỏa ra, rũ xuống, vươn lên, từ tứ phía. Nhưng giữa một vòm trời đất xanh xanh ấy, tôi vẫn thường thích thú dõi theo những cánh cò trắng bay từ phía Đồng Nai ngang qua ruộng lúa gần Đồng Bò, vượt khỏi những đọt cây cao dọc quốc lộ, vòng sau lưng ngôi chùa Kim Sơn trên một ngọn núi khác ở phía nam, thấp thoáng qua bãi sương lam trên những rặng dừa, rồi

mờ hẳn trong ráng hồng rực rỡ ở phía tây nam.

Ngày nào cũng như ngày nào, cứ vào khoảng sau sáu giờ một chút, có một đàn cò trắng, xếp thành hình chữ V, bay qua. Năm phút sau, lại có một đàn cò khác cũng xếp thành hình chữ V, bay qua. Rồi chừng ba phút sau nữa, có con cò bay một mình, đuổi theo đàn cò thứ nhì. Có lẽ đó là con cò ham chơi, lúc nào cũng về muộn. Cũng có thể nó là con cò yếu sức nhất, không theo kịp sức đập cánh của đàn. Mà không biết chừng nó là con cò thích bay lẻ, thích một mình vỗ cánh thong dong vào những phút muộn màng nhất sau một ngày đi hoang. Tự dưng tôi thấy thích con cò lẻ ấy. Và như vậy, mỗi khi chờ ngắm hai đàn cò kia bay qua, bao giờ tôi cũng hồi hộp chờ đợi con cò bay lẻ phía sau, như thể chính nó mới thực sự thể hiện được kiếp sống và đường bay cô liêu kỳ tuyệt giữa lẫn ranh huyền ảo của đất trời thiên thu.

Chiều hôm ấy, giờ Hán vẫn, tôi đến phòng thầy Tuệ Sỹ. Từ xa, tôi đã nghe tiếng tây-ban-cầm (*guitar*) từ phòng thầy vọng ra, lúc trầm ấm, lúc réo rắt. Tôi bước nhẹ vào phòng thầy, khẽ kéo chiếc ghế, ngồi xuống một bên, chờ đợi. Ngón đàn của thầy vô cùng điêu luyện. Lúc đó, tôi chưa học đàn, chưa biết đàn, nhưng cũng có chút nhạy bén về âm nhạc để thưởng thức tài nghệ độc tấu tây ban cầm của thầy (vì dù sao, từ thưở nhỏ, tôi đã từng nghe các anh chị trong nhà đàn địch ca hát, và chiếc máy hát trong nhà tôi cũng đã

từng phát thanh liên tục nhiều giờ trong ngày qua yêu cầu của khá nhiều sở thích dị biệt trong nhà). Bản nhạc thầy đang đánh là một bản nhạc cổ điển Tây phương tôi chưa từng nghe qua thì phải. Nhưng bản nhạc quen hay lạ đối với tôi lúc đó không quan trọng lắm; chỉ cái phong cách vừa trình tấu vừa thưởng thức một cách đam mê của thầy ấy mới thực sự làm tôi rung động, thích thú và bị cuốn theo dòng nhạc lúc nào không hay. Thầy nằm trên đi-văng, gối đầu hơi cao, hay tay ôm đàn, mắt nhắm lim dim, mười ngón tay như những vũ công tinh thuần, nhẩy múa nhịp nhàng và uyển chuyển trên những phím đàn với những tiết điệu lúc thẳng, lúc trầm, lúc êm dịu, lúc bập bùng xôn xao... Và ở tấu khúc chót của bản nhạc, tôi nghe chừng như từng đợt sóng nước tràn núa vào bờ xanh, lung lay những lá cỏ trên bãi cát vàng, và một con cò trắng vụt bay lên, bay lên... Thầy ấy như đắm mình trong một trạng thái xuất thần, nơi đó chỉ có sự trôi lướt của những thanh âm và sự im lặng, nối đuôi nhau, rồi cuống quít quyen vào nhau, lan tỏa ra, tràn ngập, tràn ngập... Tôi cũng hoàn toàn chìm lắng vào dòng âm ba vi diệu đó.

Tiếng đàn ngưng bật khá lâu rồi mà tôi vẫn còn như thất thần ngồi im một chỗ. Đến khi thầy ấy hỏi tới, tôi mới giật mình.

"Vào lâu chưa?"

"Dạ... cũng mới thôi," tôi đáp.

Thầy đến bàn nước pha cà phê, hớp vài hớp, hút xong một điếu thuốc, rồi thầy bắt đầu dạy tôi môn Hán văn với bài *Đằng Vương Các Tự* của Vương Bột, bậc kỳ tài được

xưng tụng là một trong *Tứ kiệt* của thời Sơ Đường, Trung Hoa.

Thầy kể tôi nghe rằng năm đó đô đốc Hồng Châu là Diêm Bá Dư đãi tiệc ở gác Đăng Vương, mời hết các văn thi sĩ cùng các đại gia vọng tộc đến để xin mỗi người một bài tự trong bữa tiệc, mục đích là để khoe tài văn chương thi phú của người con rể. Vương Bột từ xa đi thuyền buồm đến cũng vừa lúc nhập tiệc. Đô đốc Hồng Châu thấy Vương Bột nhỏ tuổi (mới mười lăm, mười sáu), có ý khinh dễ, không mời tham gia viết bài tự. Sau vì nề lời các đại văn nhân khác mà miễn cưỡng trao giấy bút cho Vương Bột viết thử. Vương Bột cầm bút viết một mạch. Viết đến đâu, có người của đô đốc chép lại từng đoạn đem dâng đô đốc xem thử; đô đốc đọc qua mấy đoạn đầu liền giật mình.

*"Nam Xương cổ quận,
Hồng Đô tân phủ; Tinh phân
Dục, Chấn, Địa tiếp Hành, Lư.
Khâm Tam Giang nhi đáí Ngũ
Hỗ, Khổng Man Kính nhi dẫn
Áu Việt. Vật hoa thiên bảo,
Long quang xạ Ngưu, Đẩu chi
khư; Nhân kiệt địa linh, Tử Trĩ
hạ Trần Phồn chi tháp..."*

Đến đoạn bắt hủ của Vương Bột thì đô đốc run lên bần bật, không dám đem bài tự của chàng con rể đưa ra nữa. Đoạn ấy như sau:

*"Hồng tiểu vũ tễ,
Thái triết vân cù.
Lạc hà dữ cô vụ tễ phi,
Thu thủy cộng trường thiên
nhất sắc."*

(Thuở ấy tôi chưa dịch nổi, nhưng sau này, tôi có thể tạm dịch sát nghĩa như vậy: Khi cầu vồng tan và mưa tạnh hẳn, muôn sắc ánh chiếu rực rỡ trên đường mây. Có con cò lẻ cùng bay với ráng chiều, trong khi làn nước thu và vòm trời rộng thì chung một màu bạc ánh).

Khi thầy Tuệ Sỹ đọc và dịch qua bốn câu ấy, nhất là hai câu sau, tôi cũng run lên bần bật như đô đốc Hồng Châu năm xưa vậy.

Chiều hôm đó, tôi không dám ngồi trước thềm rêu trước sân chùa để dõi theo bóng con

cò lẻ bay ngang đồng lúa. Không dám làm nhưng rất thèm muốn. Vâng, dù đóng cửa phòng, leo lên gác trống cao, ngồi khuất dưới bộn khung chữ Thọ, tâm tôi vẫn như làn nước thu, ảnh hiện đường bay cô độc của con cò trắng lướt qua cùng mây chiều.

Qua ngày hôm sau, tôi viết một lá thư thật ngắn cho thầy Tuệ Sỹ:

*"Kính thầy,
Con không học nữa,
không đủ sức học nữa. Nếu
một ngày nào đó con có thể
đi học lại bình thường, mong
thầy đón nhận. Và quan trọng
nhất, xin thầy đừng giận
trách về việc bỏ học của con
hôm nay."*

Tôi cũng báo cho chú Đức biết để chú khỏi phải đến học kinh Lăng Già với thầy Tuệ Sỹ nữa, vì tôi không học thì có lẽ thầy cũng không muốn dạy lớp đó nữa. Chú Đức la lên:

"Trời ơi, tôi có một giờ học như vậy mà chú báo hại làm cho mất luôn!"

Tuy vậy, chú ấy cũng cười vui với tôi, chẳng hỏi lý do vì sao tôi quyết định bỏ học. Đó cũng là thói quen của Đức. Chú thường chờ đợi tôi tự động giải thích hơn là nêu câu hỏi.

Còn thầy Thông Chánh là người biết sớm nhất, hỏi tôi:

"Sao, có chuyện gì vậy? Đâu phải chú học không nổi, phải không? Hay chú thấy mệt? Có bệnh trở lại không?"

"Không. Con không bệnh, nhưng... con thấy hình như có một cái gì uổng phí khi tốn quá nhiều thì giờ để lên lớp, để làm bài..."

Thầy Thông Chánh cười, nhưng nói với giọng rất buồn:

"Học hành chẳng bao giờ uổng phí thì giờ cả. Không nỗ lực lúc trẻ thì sẽ ân hận sau này, như bản thân tôi đây, chừng này tuổi mà có làm được tích sự gì đâu."

Tôi nhìn thầy ấy, tính nói một câu, nhưng không nói, chỉ nghĩ thầm trong bụng:

"Thầy thì lúc nào cũng khiêm cung, tự hạ; thực ra, chính bản thân thầy, cuộc

đời tu hành của thầy đã là một tuyệt tác rồi... cần gì phải làm nên tích sự gì khác bằng vốn liếng sách vở!"

Thầy tôi chẳng nói năng gì, thầy Thông Chánh khoát tay, bảo đừng bàn tới chuyện đó nữa, khi nào có hứng cảm học hành thì lo học. Thầy ấy lúc nào cũng dễ thương, cũng thông cảm và chiều chuộng tôi như vậy.

Ít hôm sau, mẹ tôi lên viện, tìm gặp tôi, nói liền:

"Thầy Tuệ Sỹ có cho mẹ biết là con bỏ học. Thầy nói con thông minh, học được lắm, mà sao lại bỏ học, thầy chẳng hiểu. Thầy bảo mẹ khuyên con nên học lại, đừng có ham chơi..."

"Con không biết nữa. Chỉ thấy là không học được, cần phải nghỉ học. Con không muốn học bất cứ cái gì trong thời gian này."

Thuyết phục tôi không được, mẹ tôi về.

Nửa tháng sau, thầy Tuệ Sỹ nhập thất, không tiếp xúc ai, không ra khỏi phòng, trong vòng một tháng. Và trong vòng một tháng thầy Tuệ Sỹ nhập thất, tôi bắt đầu đọc thơ của nhiều thi sĩ từ thơ Đường Trung Hoa cho tới các thi nhân Việt Nam tiền chiến, hiện đại... rồi tôi tập làm thơ. Tôi tưởng tôi sẽ là thi sĩ và sẽ sống với thơ, thơ, thơ, là đủ hạnh phúc rồi, không cần phải học hành chi nữa. Cái ngộ ngĩnh đó là do từ đâu? Tôi không rõ. Có thể là do bầm tính ham chơi biếng học có sẵn từ nhỏ. Có thể do tác động từ chính con người thơ mộng của thầy Tuệ Sỹ. Mà cũng có thể là do ở phía trời xa, mỗi lúc chiều tà, có con cò trắng nhỏ, một mình bay ngang lưng núi thẳm, khuất dần trong cụm mây chen ánh hồng rực rỡ ở trời tây... *Lạc hà dữ cô vụ tễ phi, thu thủy cộng trường thiên nhất sắc.*

(mời xem tiếp Chương 7)

Vĩnh Hải